

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1264/QĐ-BGDĐT ngày 12/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Ban biên soạn Tài liệu Hướng dẫn giáo viên tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2152/QĐ-BGDĐT ngày 28/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng thẩm định Tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp (*Tài liệu kèm theo*).

Điều 2. Tài liệu được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục phổ thông khai thác, sử dụng làm tài liệu tham khảo, tập huấn, hướng dẫn giáo viên tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn học, hoạt động giáo dục và tài liệu tham khảo cho học sinh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Học sinh, sinh viên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thủ trưởng Phạm Ngọc Thương;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ HSSV.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Kim Chi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ HỌC SINH, SINH VIÊN

TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN TÍCH HỢP

**NỘI DUNG GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC,
LỐI SỐNG TRONG CÁC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT,
NGŨ VĂN, HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP**

Hà Nội, năm 2025

Lời nói đầu

Thực hiện Kế hoạch số 258/KH-BGDĐT ngày 12/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn ***Tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.***

Tiếp nối Bộ Tài liệu hướng dẫn tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho học sinh trung học cơ sở trong chương trình môn học (Giáo dục công dân, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp) gắn với chương trình giáo dục phổ thông 2018, Tài liệu được biên soạn nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đã được xác định tại Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030”. Đó là: “Đa dạng hóa nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng”; “Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên, giảng viên, cộng tác viên phụ trách công tác giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng trong các cơ sở giáo dục”.

Ngoài phần Phụ lục giới thiệu một số kế hoạch bài dạy/kế hoạch tổ chức hoạt động tham khảo, cấu trúc Tài liệu gồm 03 phần:

Phần thứ nhất: Một số vấn đề lý luận chung về dạy học tích hợp và công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh.

Phần thứ hai: Gợi ý nội dung tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Phần thứ ba: Hướng dẫn một số hình thức, phương pháp tổ chức tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Ngoài các môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hi vọng đây sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích với giáo viên các môn học nói chung trong quá trình giảng dạy, tổ chức các hoạt động tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực người học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện tại các nhà trường.

Tập thể tác giả

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	2
MỤC LỤC	3
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	5
Phần thứ nhất: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DẠY HỌC TÍCH HỢP VÀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO HỌC SINH.....	6
1.1. Một số vấn đề chung về dạy học tích hợp	6
1.1.1 Khái niệm.....	6
1.1.2. Mục tiêu dạy học tích hợp	6
1.1.3. Đặc điểm cơ bản của dạy học tích hợp.....	7
1.1.4. Các mức độ tích hợp.....	7
1.1.5. Nguyên tắc dạy học tích hợp.....	8
1.1.6. Yêu cầu dạy học tích hợp	9
1.2. Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh trung học phổ thông.....	11
1.2.1. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi của học sinh trung học phổ thông.....	11
1.2.2. Tác động của bối cảnh hiện nay đến học sinh trung học phổ thông	12
1.2.3. Vai trò của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống đối với học sinh trung học phổ thông	13
1.2.4. Đặc điểm của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh trung học phổ thông	13
1.3. Khung nội dung và yêu cầu cần đạt về nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh trung học phổ thông.....	14
1.3.1. Nội dung và yêu cầu cần đạt về giáo dục phẩm chất trong chương trình giáo dục phổ thông 2018	14
1.3.2. Khung nội dung cốt lõi và yêu cầu cần đạt về nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh trung học phổ thông.....	17
Phần thứ hai: GỢI Ý NỘI DUNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG TRONG CÁC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT, NGỮ VĂN, HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP	20
2.1. Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.....	20
2.2. Môn Ngữ văn	29

Phần thứ ba: HƯỚNG DẪN MỘT SỐ HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC TÍCH HỢP NỘI DUNG GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG TRONG CÁC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT, NGỮ VĂN, HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP	43
3.1.1. <i>Một số hình thức, phương pháp tổ chức tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật</i>	43
3.1.2. <i>Một số lưu ý khi kiểm tra, đánh giá nội dung tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật</i>	45
3.2. Môn Ngữ văn	47
3.2.1. <i>Một số hình thức, phương pháp tổ chức tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong môn Ngữ văn</i>	47
3.2.2. <i>Một số lưu ý khi kiểm tra, đánh giá các nội dung tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong môn Ngữ văn</i>	55
3.3. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.....	60
3.3.1. <i>Một số hình thức và phương pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống.....</i>	60
3.3.2. <i>Một số lưu ý khi kiểm tra, đánh giá nội dung tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.....</i>	68
Tài liệu tham khảo	72
Phụ lục.....	73
Phụ lục 1. Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.....	73
Phụ lục 2. Môn Ngữ văn	95
Phụ lục 3. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.....	106

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Viết đầy đủ
CT GDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
DHTH	Dạy học tích hợp
ĐĐLS	Đạo đức, lối sống
GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDPT	Giáo dục phổ thông
GDKT&PL	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
KHBD	Kế hoạch bài dạy
LTCM	Lý tưởng cách mạng
PCNL	Phẩm chất, năng lực
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TNTNNĐ	Thanh niên, thiếu niên, nhi đồng
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

Phần thứ nhất
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG
VỀ DẠY HỌC TÍCH HỢP VÀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG
CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO HỌC SINH

1.1. Một số vấn đề chung về dạy học tích hợp

1.1.1 Khái niệm

Theo định nghĩa chung nhất, DHTH là hành động liên kết các đối tượng nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cùng một lĩnh vực hoặc của một vài lĩnh vực khác nhau trong cùng một kế hoạch dạy học. Hiểu theo nghĩa hẹp, DHTH là việc đưa những vấn đề, nội dung nào đó vào một môn học/hoạt động giáo dục, trong đó những nội dung được đề cập đến để tích hợp theo một tinh thần và phương pháp thống nhất. Như vậy, “Dạy học tích hợp là một quan điểm sư phạm, ở đó người học cần huy động (mọi) nguồn lực để giải quyết một tình huống phức hợp - có vấn đề nhằm phát triển các năng lực và phẩm chất cá nhân”.

Về phương diện lý luận dạy học, DHTH được hiểu là sự kết hợp một cách hữu cơ, có hệ thống, ở những mức độ khác nhau, các kiến thức, kỹ năng thuộc các lĩnh vực, nội dung vấn đề khác nhau hoặc các hợp phần của một môn học thành một nội dung thống nhất, dựa trên cơ sở các mối liên hệ về lý luận và thực tiễn được đề cập đến theo mục tiêu.

Định nghĩa về DHTH đã nêu rõ mục đích của DHTH là hình thành và phát triển năng lực của người học. Bên cạnh đó, DHTH còn hướng tới làm cho việc học tập có ý nghĩa hơn bằng cách đặt quá trình học tập vào các hoàn cảnh (tình huống) để người học nhận thấy ý nghĩa của các kiến thức, kỹ năng, năng lực đã/cần lĩnh hội. Điều đó có ý nghĩa to lớn tạo động lực học tập, thúc đẩy và nuôi dưỡng nhu cầu học tập suốt đời. Đối với hệ thống tri thức trong trường học, DHTH sẽ giúp cấu trúc một cách có hệ thống, lôgic, tránh sự rời rạc, trùng lặp. Trong các mục đích của DHTH, bao trùm nhất, quan trọng nhất là dạy học định hướng phát triển năng lực.

Như vậy, có thể hiểu DHTH là “quá trình dạy học mà ở đó các thành phần năng lực được tích hợp với nhau trên cơ sở các tình huống cụ thể trong đời sống để hình thành năng lực của người học”.

1.1.2. Mục tiêu DHTH

DHTH là định hướng dạy học giúp HS phát triển khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng,...thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống, được thực hiện ngay trong quá trình lĩnh hội tri thức và rèn luyện kỹ năng¹.

¹ Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Dạy học tích hợp hướng đến các mục tiêu cơ bản sau:

- Làm cho quá trình học tập có ý nghĩa; Phân biệt cái cốt yếu với cái ít quan tâm.
- Dạy sử dụng kiến thức trong tình huống thực tiễn.
- Thiết lập mối liên hệ giữa các khái niệm.

1.1.3. Đặc điểm cơ bản của DHTH

DHTH có các đặc điểm cơ bản sau đây:

- *DH mang tính tích hợp*, trong đó chú trọng tích hợp trong môn học, liên môn học nhằm làm cho các nội dung kiến thức gần nhau hơn, quan hệ chặt chẽ hơn và do đó HS có cái nhìn tổng thể, logic hơn. Ví dụ: Tích hợp giáo dục về an toàn giao thông, môi trường vào môn Giáo dục công dân, tích hợp môn Lịch sử với Địa lý, tích hợp Lịch sử với Ngữ văn, ... nhằm làm cho các kiến thức hỗ trợ nhau, gần với thực tiễn hơn và do đó, tăng khả năng và hiệu quả vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề.

- *DH mang tính thực tiễn*, các nội dung chủ đề phải gắn với thực tiễn cuộc sống. DHTH tìm cách làm cho quá trình học tập có ý nghĩa qua việc vận dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề thực tiễn. Ví dụ: Tích hợp định hướng nghề nghiệp trong dạy học các môn học. Điều này sẽ giúp người học có điều kiện tiếp xúc, làm quen với các thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành, vận dụng kiến thức vào các bối cảnh thực, cuộc sống thực để nhanh chóng hòa nhập, thích ứng và đáp ứng được các đòi hỏi của thực tiễn nghề nghiệp.

- *DH mang tính hợp tác*: vì hình thức hoạt động chủ yếu là theo nhóm nên tính hợp tác giữa các HS thể hiện rất rõ.

- *DH phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS*: vì nội dung học mang tính thực tiễn và hình thức học tập chủ yếu theo nhóm nên tạo cho HS sự hứng thú, HS được tự tìm tòi, tự đưa ra phương án giải quyết, thu thập và xử lý thông tin, ... tạo điều kiện cho HS rèn kỹ năng tư duy bậc cao, tiếp cận với tiến trình khoa học giải quyết vấn đề.

Các đặc điểm này của DHTH thể hiện ở các mức độ khác nhau, tùy thuộc vào các mức độ tích hợp.

1.1.4. Các mức độ tích hợp

Trong chương trình GDPT, các mức độ tích hợp được phân chia theo mức độ tăng dần:

- *Truyền thống (traditional)*: Từng môn học được dạy, xem xét riêng rẽ, biệt lập, không có sự liên hệ, kết nối nào với các môn học khác. Các vấn đề được giải quyết chỉ trên cơ sở những kiến thức, kỹ năng của chính lĩnh vực bộ môn đó.

- *Kết hợp/lồng ghép (fusion)*: Một nội dung nào đó được kết hợp vào chương trình đã có sẵn. Ví dụ, tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, tích hợp giáo dục các vấn đề về biển đảo, tích hợp vệ sinh an toàn lao động, ..

- *Tích hợp trong một môn học*: Trong nội bộ môn học, tích hợp những nội dung của các phân môn, các lĩnh vực nội dung thuộc cùng một môn học theo những chủ đề, chương, bài cụ thể nhất định.

- *Tích hợp đa môn (multidisciplinary)*: Các môn học là riêng biệt nhưng có những liên kết có chủ đích giữa các môn học và trong từng môn bởi các chủ đề hay các vấn đề chung. Khi HS học về một vấn đề nào đó, các em đồng thời được tiếp cận từ nhiều bộ môn khác nhau. Đôi khi được gọi là Chương trình song song. Cùng một vấn đề được dạy ở nhiều môn cùng một lúc. Từ cách tiếp cận đa môn này, GV không cần phải thay đổi nhiều lắm nội dung dạy học bộ môn của mình. Nội dung và đánh giá vẫn giữ nguyên theo bộ môn. Chỉ có HS được mong đợi là tạo ra những kết nối giữa các lĩnh vực bộ môn, tức là các em sẽ giải quyết vấn đề dựa trên kiến thức thu được ở nhiều bộ môn khác nhau.

- *Tích hợp liên môn (interdisciplinary)*: Các môn học được liên hợp với nhau và giữa chúng có những chủ đề, vấn đề, những khái niệm lớn và những ý tưởng lớn chung. Chương trình liên môn tạo ra những kết nối rõ rệt giữa các môn học. Chương trình cũng xoay quanh các chủ đề chung, nhưng các khái niệm hoặc các kỹ năng liên môn được nhấn mạnh giữa các môn mà không phải trong từng môn riêng biệt. Xây dựng môn học mới bằng cách liên kết một số môn học với nhau thành môn học mới nhưng vẫn có những phần mang tên riêng của từng môn học. Ví dụ: môn Khoa học tự nhiên, môn Lịch sử - Địa lý². Cách tiếp cận này thường bắt đầu bằng ngữ cảnh cuộc sống thực (real-life context). Nó không bắt đầu bằng những khái niệm hoặc kỹ năng chung. Điều quan tâm nhất ở đây là sự phù hợp đối với HS. Điểm khác duy nhất so với liên môn là ở chỗ chúng bắt đầu bằng ngữ cảnh cuộc sống thực và sở thích của HS. Chủ đề tích hợp liên môn thường được coi là những chủ đề có nội dung kiến thức liên quan đến 2 hay nhiều môn học thể hiện ở sự vận dụng chúng trong cùng một hiện tượng trong tự nhiên hay xã hội.

1.1.5. Nguyên tắc DHTH

- *Tích hợp không làm thay đổi đặc trưng của môn học*

Khi tích hợp nội dung giáo dục LTCM, ĐĐLS trong các môn học phải đảm bảo yêu cầu không biến bài học bộ môn thành bài học đạo đức. Nghĩa là các kiến thức về LTCM, ĐĐLS được tiềm ẩn trong nội dung bài học phải có mối liên hệ logic, chặt chẽ với các kiến thức sẵn có về ĐĐLS. Theo nguyên

² Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

tắc này, các kiến thức có trong bài học được coi như là cơ sở cho các kiến thức về GD LTCM, ĐĐLS cho HS.

- *Khai thác nội dung GD LTCM, ĐĐLS có chọn lọc, tập trung vào chương, mục nhất định, không tràn lan, tùy tiện*

Theo nguyên tắc này, các kiến thức về GD LTCM, ĐĐLS phải có hệ thống, được sắp xếp một cách hợp lý. Làm cho kiến thức môn học thêm phong phú, sát với thực tiễn về ĐĐLS, tránh sự trùng lặp, thích hợp với trình độ của HS, không gây quá tải làm ảnh hưởng đến việc tiếp thu nội dung chính.

- *Phát huy cao độ tính tích cực nhận thức của HS và kinh nghiệm thực tế của HS đã có, tận dụng tối đa mọi khả năng để HS rèn luyện hành vi đạo đức*

Theo nguyên tắc này, các kiến thức GD LTCM, ĐĐLS đưa vào bài học phải phản ánh thực tế các sự việc diễn ra trong cuộc sống, từ đó giúp HS thấy được một vấn đề cụ thể, trực quan và sâu sắc. Quá trình HDTH và quá trình học tập không cô lập với cuộc sống hàng ngày của HS mà được tiến hành trong tình huống cụ thể HS gặp hàng ngày, gặp sau này, những tình huống có ý nghĩa đối với HS.

1.1.6. Yêu cầu DHTH

1.1.6.1. Yêu cầu chung

- Đảm bảo tính tích hợp, lồng ghép nội dung GD LTCM, ĐĐLS vào các hoạt động và các môn học theo CT GDPT 2018. Việc tích hợp và lồng ghép phải cùng hướng tới thực hiện mục tiêu dạy học nhằm phát triển PCNL của HS, cũng như phù hợp với mục tiêu cần đạt về GD LTCM, ĐĐLS phù hợp.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và toàn diện trong việc LTCM, ĐĐLS của HS trong việc triển khai các hoạt động giáo dục ở các môn học và trong các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục khác nhau như sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, diễn đàn, hội thi, câu lạc bộ, tham quan thực tế,... Điều này có nghĩa rằng các thông điệp, các hành động cụ thể nhằm thể hiện LTCM, ĐĐLS cần được truyền tải tới HS một cách nhất quán, mang tính nhắc lại hoặc kế thừa lẫn nhau trong tất cả các hoạt động giáo dục được nhà trường triển khai.

- Quan tâm tới các yếu tố về đặc điểm tâm lý, giới tính, lứa tuổi, năng lực học tập, văn hoá vùng miền cũng như niềm tin tôn giáo của HS trong việc thiết kế, xây dựng các hoạt động học tập. Sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục một cách phù hợp với các đặc điểm của HS nhằm tạo ra hiệu quả học tập cao nhất, tránh cứng cố định kiến, hoặc các niềm tin sai lệch của HS đặc biệt các trường học HS cần sự trợ giúp đặc biệt về mặt thể chất (học sinh khuyết tật) và tâm lý.

- Phát huy tinh thần tự chủ, tích cực và sáng tạo của GV trong việc xây dựng, tổ chức các hoạt động giáo dục, tránh hình thức, máy móc trong việc

lồng ghép các nội dung kiến thức và kỹ năng vào các bài giảng cũng như các hoạt động giáo dục. Khuyến khích, tạo cơ hội cho các GV được thể hiện ý tưởng sáng tạo, xây dựng môi trường trao đổi học tập lẫn nhau một cách tích cực trong và ngoài nhà trường.

- Tăng cường sự tham gia của các cán bộ nhân viên, các lực lượng không thực hiện công tác giảng dạy trong nhà trường như cán bộ tư vấn tâm lý, công tác xã hội, cán bộ Đoàn, Hội, Đội cùng tham gia các hoạt động GD LTCM, ĐĐLS của HS.

- Khuyến khích sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội tham gia vào các hoạt động GD LTCM, ĐĐLS của HS. Sự phối hợp chặt chẽ này tạo ra tính đồng bộ trong việc xây dựng những giá trị chung, cũng như tăng cơ hội trải nghiệm và thực hành của HS. Từ đó, giúp HS trải nghiệm những bài học thực tế, thấy được ý nghĩa và sự cần thiết của việc rèn luyện LTCM, cũng như thành quả của việc cống hiến cho chính gia đình, nhà trường và cộng đồng nơi sinh sống.

- Phát huy các giá trị văn hoá bản địa/địa phương trong các hoạt động GD LTCM, ĐĐLS của HS. Truyền thống văn hoá tốt đẹp, các nhân vật anh hùng, gương người tốt việc tốt tại địa phương cần được giới thiệu, nhấn mạnh trong các hoạt động giáo dục, từ đó giúp truyền cảm hứng, khơi gợi tinh thần rèn luyện và cống hiến của HS.

- Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin và Internet vào bài học, sử dụng phù hợp các tiện ích sẵn có hoặc tìm tòi phát triển các ứng dụng/công cụ mới nhằm tối đa hoá cơ hội học tập cho HS. Sử dụng các nền tảng mạng xã hội hiệu quả trong việc truyền tải thông tin, phát triển kênh giao tiếp và cơ hội kết nối cho HS đối với các cá nhân và tập thể/cộng đồng cùng học tập, rèn luyện LTCM, ĐĐLS và cống hiến cho cộng đồng.

1.1.6.2. Yêu cầu về mức độ tích hợp và thiết kế các hoạt động học

DHTH là một quan điểm sư phạm, ở đó người học cần huy động mọi nguồn lực để giải quyết một tình huống phức hợp – có vấn đề nhằm phát triển các PCNL cá nhân. Trên cơ sở nội dung, đặc điểm và khả năng thực hiện việc tích hợp nội dung GD LTCM, ĐĐLS gắn với chương trình môn học/hoạt động GD, GV lựa chọn mức độ tích hợp phù hợp, theo các mức độ chủ yếu sau:

- *Mức độ liên hệ:* căn cứ vào nội dung cụ thể của chủ đề/bài học để liên hệ.
- *Mức độ tích hợp bộ phận:* khai thác một phần của nội dung bài học/hoạt động giáo dục để thực hiện tích hợp GD LTCM, ĐĐLS.
- *Mức độ tích hợp toàn phần:* sử dụng toàn bộ nội dung bài học/hoạt động giáo dục để thực hiện tích hợp với nội dung GD LTCM, ĐĐLS.

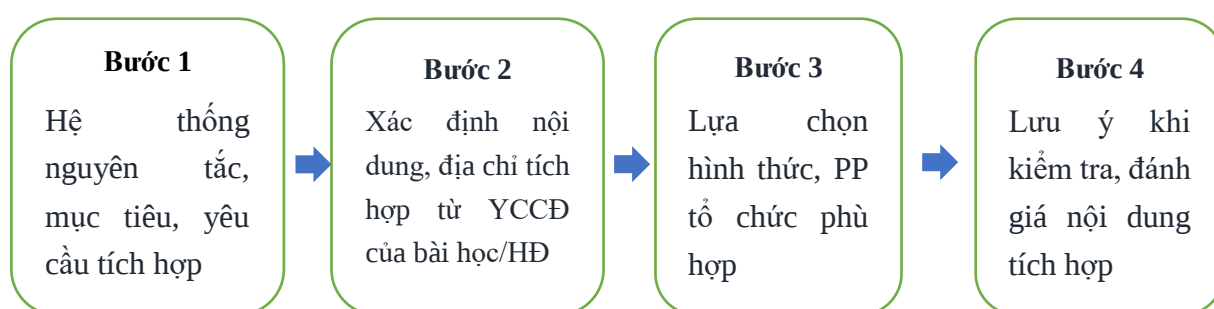
Theo định hướng phát triển năng lực, việc thực hiện tích hợp nội dung GD LTCM, ĐĐLS gắn với các bài học/hoạt động GD được triển khai theo phương thức: GV tổ chức, hướng dẫn hoạt động học; tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng sáng tạo và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.

Hoạt động học tập của HS (thông qua một số hình thức chủ yếu như: học lý thuyết; thực hiện bài tập, thực hiện dự án nghiên cứu; tham gia xemina, tham quan, cắm trại, đọc và thuyết trình từ thông tin trong sách, tài liệu; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng) được thực hiện thông qua các tình huống giáo dục, với sự hỗ trợ của các phương tiện, thiết bị dạy học như công nghệ thông tin và các hệ thống ứng dụng kỹ thuật số.

Tùy theo mục tiêu cụ thể và tính chất của hoạt động, GV giao nhiệm vụ học tập, hướng dẫn HS làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, đảm bảo mỗi HS đều được tạo điều kiện để tự thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm các nội dung LTCM, ĐĐLS ngay trong chính nhiệm vụ học tập đó.

Khi thiết kế các hoạt động học tập có tích hợp GD LTCM, ĐĐLS, cần lưu ý tới việc lựa chọn nội dung tích hợp. Việc lựa chọn nội dung phải được thực hiện trên cơ sở phân tích YCCĐ về PCNL của từng chủ đề/bài học mà chương trình môn học/hoạt động GD đã quy định, phải đảm bảo tính cơ bản, cốt lõi, khoa học, hiện đại làm cơ sở cho việc hình thành và phát triển PCNL phù hợp với người học.

Trên cơ sở đó, GV có thể tiến hành lựa chọn nội dung, thiết kế các kế hoạch, tổ chức các hoạt động tích hợp nội dung GD LTCM, ĐĐLS cho HS theo quy trình:



1.2. Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh trung học phổ thông

1.2.1. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi của HS THPT

Ở cấp THPT, HS phần lớn có độ tuổi từ 15 đến 18, đang trong giai đoạn phát triển và dần hoàn thiện về thể chất, cấu trúc tâm lý, các phẩm chất, nhân cách, chuẩn bị cho các em bước vào cuộc sống xã hội với tư cách là một người trưởng thành. Với các em, việc học tập trong nhà trường vẫn là hoạt động chủ đạo, khuynh

hướng học tập đã xác định và được thể hiện rõ ràng hơn. HS đã biết cách vận dụng tri thức một cách sáng tạo với định hướng nghề nghiệp tương lai.

Đây là thời điểm các em định hình bản sắc cá nhân và giá trị đạo đức. Các em bắt đầu xác định rõ ràng hơn về "cái tôi" của mình, về cách nhìn nhận bản thân và mối quan hệ với thế giới xung quanh. Nếu không được hỗ trợ và định hướng, các em có thể gặp khó khăn trong việc phát triển nhân cách và định hướng giá trị sống, kỹ năng sống đúng đắn.

Bên cạnh đó, tâm lý lứa tuổi học sinh THPT trải qua nhiều biến động do sự thay đổi hormone và áp lực xã hội. Các em dễ rơi vào trạng thái căng thẳng, lo lắng và thậm chí trầm cảm, nhất là khi phải đối mặt với áp lực học tập, thi cử và kỳ vọng của gia đình. Do vậy, việc quan tâm, thấu hiểu và đồng hành cùng các em từ phía gia đình, thầy cô, bạn bè,... sẽ giúp giảm thiểu những rối loạn tâm lý và giúp các em vượt qua giai đoạn khó khăn này.

Trong giai đoạn này, khả năng tư duy trừu tượng và phản biện của HS phát triển mạnh. Các em có xu hướng hoài nghi, thách thức các giá trị truyền thống và thường xuyên đặt câu hỏi về thế giới xung quanh. Sự thay đổi này có thể dẫn đến sự mâu thuẫn giữa các em và người lớn do thiếu sự thấu hiểu nhau. Việc quan tâm đến sự phát triển tâm lý lứa tuổi HS THPT giúp phụ huynh và thầy cô tìm ra cách giao tiếp và hướng dẫn phù hợp.

Ở lứa tuổi này, các em dễ bị ảnh hưởng bởi bạn bè và thường muốn hoà nhập với nhóm bạn cùng trang lứa. Nếu không được định hướng đúng, các em có thể bị cuốn vào những hành vi tiêu cực. Do vậy việc quan tâm đến tâm lý lứa tuổi này giúp tạo ra môi trường xã hội lành mạnh và tích cực để các em vượt qua khó khăn hiện tại và phát triển các kỹ năng xã hội, khả năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện - những yếu tố cần thiết để bước vào giai đoạn trưởng thành và hòa nhập xã hội sau này.

1.2.2. Tác động của bối cảnh hiện nay đến HS THPT

Trong những năm gần đây, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó dự báo. Hòa bình, hợp tác, liên kết để phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột cục bộ, sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải, tài nguyên,... là những thách thức lớn đe dọa sự ổn định và phát triển ở một số khu vực, quốc gia. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, kèm theo đó là sự điều chỉnh chiến lược, chính sách ở nhiều quốc gia ngày càng linh hoạt.

Những thách thức về biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên, thiên tai, dịch bệnh và an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng, sự phát triển của các trào lưu văn hóa, xu hướng thâm mĩ thông qua internet,... đặt ra yêu cầu ngày càng cấp bách về tăng cường hợp tác xử lý đáp ứng mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động nhanh, sâu rộng đến mọi mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường; trong đó có lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Tiến bộ công nghệ đã tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận tri thức cho tất cả mọi người trong đó có HS THPT.

Coi trọng, phát triển PCNL của người học trở thành xu thế tất yếu và phổ quát của mọi nền giáo dục trên toàn thế giới, nhằm phát triển nguồn nhân lực bền vững, từ đó tạo ra tăng trưởng kinh tế, phúc lợi xã hội và khuyến khích, thúc đẩy các cá nhân theo đuổi cơ hội học tập ở mọi giai đoạn của cuộc đời.

Xu thế đó đòi hỏi giáo dục phải đào tạo những công dân thế kỉ XXI có đầy đủ những PCNL đáp ứng yêu cầu của đời sống, xã hội và hội nhập quốc tế, bao gồm: năng lực chuyên môn, năng lực phương pháp, năng lực xã hội và năng lực cá thể, phù hợp với bốn trụ cột giáo dục theo quan niệm của UNESCO: Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống, học để tự khẳng định.

Trong bối cảnh đó, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định: GD LTCM, ĐĐLS cho HS là một vấn đề có tính chiến lược, cần được thực hiện liên tục, xuyên suốt từ gia đình, nhà trường đến tất cả các bộ, ngành, đoàn thể, cộng đồng, xã hội. Trong đó, giáo dục trí tuệ gắn chặt với giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, giáo dục pháp luật, giáo dục thể chất, thẩm mỹ và lao động hướng nghiệp.

1.2.3. Vai trò của công tác GD LTCM, ĐĐLS đối với HS THPT

- GD LTCM, ĐĐLS cho HS giữ vai trò quan trọng đối với sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân HS. GD LTCM, ĐĐLS tạo động lực thôi thúc HS hăng hái quyết tâm nghiên cứu học tập, tiếp thu tri thức khoa học để nâng cao hiểu biết, cổ vũ, động viên HS tự ý thức, tự rèn luyện, hình thành niềm tin, thế giới quan khoa học. GD LTCM, ĐĐLS có ý nghĩa quyết định trực tiếp giúp HS hiểu rõ được mục đích, ý nghĩa cuộc sống và xây dựng nhân sinh quan cách mạng. GD LTCM, ĐĐLS góp phần tích cực trong quá trình xây dựng phẩm chất đạo đức cá nhân và xây dựng những phẩm chất ý chí, tính kỷ luật, cách ứng xử của HS. Thông qua GD LTCM, ĐĐLS, các giá trị văn hoá, đạo đức truyền thống của dân tộc được HS tiếp nhận, kế thừa và phát huy.

- GD LTCM, ĐĐLS cho HS là một nhiệm vụ quan trọng trong các nhà trường, là hoạt động có tính chiến lược, nhằm thực hiện với mục tiêu giáo dục toàn diện. GD LTCM, ĐĐLS là nền tảng của các mặt giáo dục khác, được thể hiện qua phương châm dạy học, từ xưa là “Tiên học lễ, hậu học văn” và ngày nay là “Dạy chữ, dạy người, dạy nghề”. Đây là vấn đề có giá trị định hướng lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2.4. Đặc điểm của công tác GD LTCM, ĐĐLS cho HS THPT

- GD LTCM, ĐĐLS cho HS là một quá trình lâu dài, đi từ việc giúp HS nhận biết lý tưởng cách mạng của Đảng, các chuẩn mực, các quy tắc đạo đức, ứng

xử xã hội đến việc giúp HS hiểu, tin tưởng, mong muốn làm theo và tự giác thực hiện trong cuộc sống.

- Quá trình GD LTCM, ĐĐLS cho HS đòi hỏi phải có sự gắn kết chặt chẽ giữa quá trình dạy học các môn học với quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, giữa giáo dục trên lớp, giáo dục trong và ngoài nhà trường.

- Hoạt động GD LTCM, ĐĐLS cho HS diễn ra dưới tác động phức hợp từ nhiều phía. Đó là những tác động từ giáo dục gia đình, giáo dục cộng đồng và xã hội. Những tác động này đan xen vào nhau, cùng chi phối đến nhận thức, thái độ, tình cảm và hành vi cá nhân của HS. Trong đó, giáo dục gia đình là nền tảng để GD LTCM, ĐĐLS cho HS, tạo môi trường thuận lợi cho HS học tập, rèn luyện, hình thành, củng cố, phát triển các kỹ năng, hoàn thiện PCNL.

Do vậy, ngoài việc quan tâm, đầu tư, nâng cao chất lượng GD LTCM, ĐĐLS cho HS trong nhà trường, cần chú trọng phát huy vai trò nêu gương từ các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Nếu mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường thực sự là một tấm gương sáng về lý tưởng, đạo đức, lối sống thân thiện, gần gũi, tôn trọng, yêu thương HS sẽ trở thành mẫu hình cho HS. Đồng thời, mỗi cán bộ, giáo viên từ vị trí, nhiệm vụ của mình luôn thể hiện được sự khao khát lý tưởng, khao khát cống hiến sẽ tạo động lực cho HS trong việc theo đuổi lý tưởng và khát vọng của bản thân. Khi đó, sẽ xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp giữa GV với HS, giữa HS với HS giúp HS vượt qua được những “khủng hoảng” về tâm lý và xác định đúng các giá trị sống, lý tưởng sống, khát vọng sống cho bản thân.

- Nền tảng bảo đảm giá trị bền vững của GD LTCM, ĐĐLS cho HS là phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của các em thông qua chương trình hành động đa dạng, thiết thực và hiệu quả.

- Việc đánh giá kết quả, sự phát triển LTCM, ĐĐLS của mỗi HS được thực hiện linh hoạt, thông qua nhiều hình thức đa dạng, trong đó chú trọng ghi nhận sự tiến bộ của HS; động viên, khuyến khích HS tích cực, nỗ lực rèn luyện. Đánh giá kết quả GD LTCM, ĐĐLS của HS cần phải toàn diện về tất cả các mặt: ý thức, hành vi và thói quen sống và ứng xử trong thực tiễn cuộc sống. Do vậy, việc đánh giá kết quả GD LTCM, ĐĐLS của HS khá khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự tham gia đánh giá của nhiều lực lượng giáo dục, ở mọi lúc, mọi nơi.

1.3. Khung nội dung và yêu cầu cần đạt về nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh trung học phổ thông

1.3.1. Nội dung và yêu cầu cần đạt về giáo dục phẩm chất trong chương trình giáo dục phổ thông 2018

Trên cơ sở xác định mục tiêu giúp HS tiếp tục phát triển những PCNL cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham

gia vào cuộc sống lao động, khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới, CT GDPT 2018 quy định YCCĐ về giáo dục phẩm chất đối với HS THPT cụ thể như sau:

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt
Yêu nước	- Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. - Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá. - Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật. - Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
Nhân ái	
Yêu quý mọi người	- Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác. - Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. - Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	- Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân. - Có ý thức học hỏi các nền văn hoá trên thế giới. Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
Chăm chỉ	
Ham học	- Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. - Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.

Chăm làm	- Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng. - Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. - Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.
Trung thực	- Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt. - Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
Trách nhiệm	
Có trách nhiệm với bản thân	- Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. - Có ý thức sử dụng tiền hợp lý khi ăn uống, mua sắm đồ dùng học tập, sinh hoạt. - Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.
Có trách nhiệm với gia đình	- Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình. - Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình.
Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội	- Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích. - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. - Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật.
Có trách nhiệm với môi trường sống	- Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. - Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

1.3.2. Khung nội dung cốt lõi và yêu cầu cần đạt về nội dung GD LTCM, ĐĐLS cho HS THPT

Căn cứ YCCĐ về phẩm chất đối với HS THPT theo CT GDPT 2018, trên cơ sở cập nhật các quan điểm, định hướng chỉ đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chương trình, đề án của Thủ tướng Chính phủ về công tác GD LTCM, ĐĐLS cho TNTNNĐ, tài liệu xây dựng khung nội dung cốt lõi và YCCĐ về nội dung GD LTCM, ĐĐLS cho HS THPT. Đây là cơ sở để gợi ý một số địa chỉ và phương pháp, hình thức giáo dục cơ bản để tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong các môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Nội dung cốt lõi	Biểu hiện chính	Yêu cầu cần đạt
1. Nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng	1.1. Giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc	- Nhận ra được giá trị, tầm quan trọng của truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. - Ủng hộ, đồng tình các quan điểm, chủ trương, hoạt động quán triệt, tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. - Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tôn vinh, bảo vệ, lan tỏa truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.
	1.2. Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN	- Cập nhật và tin tưởng vào định hướng, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. - Có ý thức, trách nhiệm, hành động phù hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. - Phê phán, lên án, đấu tranh với các âm mưu, hành động chống phá, xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia.
	1.3. Giáo dục tinh thần trách nhiệm	- Nhận thức đúng nghĩa vụ của bản thân với gia đình, tập thể, cộng đồng.

	với gia đình, tập thể, cộng đồng	- Hiểu ý nghĩa của các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. - Có ý thức hoàn thành nghĩa vụ của bản thân. - Tuân thủ các nội quy, quy định của gia đình, nhà trường, địa phương, quy định của pháp luật. - Có thái độ, hành vi thể hiện trách nhiệm với môi trường sống.
2. Nội dung giáo dục đạo đức	2.1. Giáo dục ý thức tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè	- Nhận thức được ý nghĩa của việc tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè. - Có thái độ, hành vi phù hợp thể hiện sự tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè. - Phê phán, lên án những biểu hiện, thái độ, hành vi thiếu tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử không đúng mực với bạn bè.
	2.2. Giáo dục lòng nhân ái, vị tha	- Quan tâm đến mối quan hệ hài hòa với người khác. - Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người. - Có thái độ, hành vi phù hợp thể hiện sự đồng tình, ủng hộ và vận động người khác ủng hộ các hoạt động tình nguyện, từ thiện, hoạt động phục vụ cộng đồng.
	2.3. Giáo dục tính trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện	- Nhận thức được ý nghĩa của sự trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện. - Có thái độ phê phán, lên án những biểu hiện thiếu trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện. - Không gian lận trong kiểm tra, thi cử và các hoạt động học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học.
	2.4. Giáo dục chuẩn mực đạo đức	- Nhận thức được các giá trị, chuẩn mực đạo đức. - Tôn trọng, lan tỏa các tấm gương đạo đức. - Có ý thức rèn luyện thói quen, hành vi, ứng xử chuẩn mực.
3. Nội dung giáo dục	3.1. Giáo dục ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc,	- Nhận thức được ý nghĩa, giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

lối sống	xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh	- Có thái độ cầu thị, tìm hiểu về giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, học hỏi, tiếp thu các nền văn hóa trên thế giới. - Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động bảo tồn, lan tỏa, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. - Thể hiện được quan điểm, thái độ, hành vi chấp nhận sự khác biệt, tôn trọng sự đa dạng văn hóa. - Phê phán thái độ, hành vi tiêu cực, truyền bá các sản phẩm văn hóa ngoại lai, phản nhân văn làm sai lệch hoặc xúc phạm, hủy hoại di sản văn hóa của dân tộc.
	3.2. Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường	- Nhận thức được sự cần thiết của việc giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường. - Nghiêm túc chấp hành chính sách, pháp luật, quy định, quy chế học tập. - Phát hiện, phê phán, lên án những hành vi, biểu hiện thiếu tính kỷ luật, kỷ cương, vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường.

Phần thứ hai

GỢI Ý NỘI DUNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG TRONG CÁC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT, NGỮ VĂN, HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP

Để thực hiện DHTH nội dung GD LTCM, ĐĐLS trong các môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đạt hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng của công tác giáo dục đạo đức nói riêng, giáo dục toàn diện nói chung trong các nhà trường, trên cơ sở rà soát chương trình môn học/hoạt động, rà soát khung nội dung cốt lõi về giáo dục LTCM, ĐĐLS cho HS THPT, bám sát các mục tiêu, nguyên tắc tích hợp, căn cứ điều kiện dạy học của địa phương, nhà trường và đặc điểm đối tượng HS, GV lựa chọn các địa chỉ, nội dung tích hợp về GD LTCM, ĐĐLS được gợi ý sau đây nhằm giúp HS khắc sâu kiến thức về LTCM, ĐĐLS, mở mang thêm những vấn đề mới mẻ, rèn luyện và thực hành các kiến thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống:

2.1. Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Nội dung	Địa chỉ tích hợp (Yêu cầu cần đạt)³	Nội dung tích hợp
LỚP 10		
Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	- Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế. - Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.	<i>1.2. Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN: Phân tích vai trò công dân HS trong nền kinh tế số hoặc khởi nghiệp ở lứa tuổi HS.</i> <i>1.3. Giáo dục tinh thần trách nhiệm đóng góp cho tập thể, cộng đồng: HS mô phỏng một hoạt động kinh tế nhỏ và xác định trách nhiệm, chuẩn mực đạo đức khi tham gia.</i> <i>2.4. Giáo dục tinh thần tự trọng, tự giác, kỷ luật, tôn trọng pháp luật trong học tập và cuộc sống:</i>

³ Chỉ các yêu cầu cần đạt có khả năng tích hợp theo từng mạch nội dung.

		Trách nhiệm của người tiêu dùng trong lựa chọn sản phẩm (VD: không mua hàng giả, hàng vi phạm đạo đức môi trường...); Vai trò của gia đình HS trong hoạt động kinh tế địa phương, thể hiện tinh thần công dân, đóng góp cho cộng đồng.
Thị trường và cơ chế thị trường	- Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. - Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường	2.3. <i>Giáo dục tính trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện:</i> HS nhận diện các trường hợp vi phạm đạo đức kinh doanh (bán hàng kém chất lượng, thao túng giá...). 3.2. <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> Tìm hiểu thị trường địa phương và phỏng vấn người tiêu dùng về hành vi mua - bán có trách nhiệm, HS thảo luận về tác động của hành vi thiếu đạo đức trong kinh doanh gây ảnh hưởng không tốt đến cộng đồng, người tiêu dùng và nền kinh tế.
Ngân sách nhà nước và thuế	- Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách và thuế.	- 1.3. <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> Phân tích tình huống cá nhân hoặc doanh nghiệp trốn thuế và hệ quả, để đánh giá hành vi và rút ra bài học đạo đức, HS lập danh sách hành vi nên làm/không nên làm liên quan đến nghĩa vụ thuế từ góc độ đạo đức và pháp luật.

Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	- Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.	- 3.1. <i>Giáo dục ý thức xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:</i> Học sinh xây dựng “mô hình kinh doanh học sinh” và tự đánh giá mức độ thể hiện lý tưởng, trách nhiệm, đạo đức; chia sẻ truyền cảm hứng: Mời doanh nhân trẻ hoặc cựu HS thành công chia sẻ con đường lập nghiệp gắn với lý tưởng cống hiến cho cộng đồng.
Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	- Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.	- 3.1. <i>Giáo dục ý thức xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:</i> Tổ chức phiên tòa giả định hoặc trò chơi tài chính với tình huống vỡ nợ vì tín dụng thiếu trách nhiệm, HS thảo luận nhóm: “Có nên vay tín dụng để tiêu dùng trước - trả sau?”
Lập kế hoạch tài chính cá nhân	- Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân. - Kiểm soát được tài chính cá nhân.	- 1.3. <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> HS theo dõi nhật kí chi tiêu cá nhân trong một tuần, sau đó tự đánh giá và đề xuất điều chỉnh hành vi, so sánh 2 HS tiêu dùng có/ không có kế hoạch và đánh giá tác động đến học tập, cuộc sống.
Hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	- Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta - Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.	1.2. <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS tìm hiểu hoạt động của chính quyền cơ sở tại địa phương, viết báo cáo và đề xuất ý tưởng tham gia xây dựng chính quyền cơ sở; nhận diện các hành vi xuyên tạc trên mạng xã hội, phát ngôn lệch chuẩn về hệ thống chính trị sau đó phân

		tích hậu quả và đề xuất cách ứng xử phù hợp.
Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật. - Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.	- 3.2. <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường</i> : HS phân tích hành vi vượt đèn đỏ, vi phạm bản quyền, bạo lực học đường..., xác định hậu quả và rút ra bài học đạo đức; Viết cam kết tuân thủ pháp luật trong học đường (nội quy, luật ATGT, quyền riêng tư...) kèm đánh giá hàng tuần.
Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	- Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.	- 3.2. <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường</i> : Phân tích tính đúng/sai trong tình huống vi phạm Hiến pháp về quyền học tập, tự do ngôn luận, bảo vệ môi trường và đề xuất cách ứng xử phù hợp; Viết về một hành động phù hợp thể hiện việc thực hiện nghĩa vụ công dân theo Hiến pháp ở lứa tuổi HS.
LỚP 11		
Cạnh tranh, cung, cầu trong kinh tế thị trường	- Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh. - Phân tích được mối quan hệ và vai trò của cung - cầu trong nền kinh tế. - Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.	- 2.4: <i>Giáo dục chuẩn mực đạo đức</i> : HS vào vai người bán/người mua trong phiên chợ giả định để hiểu rõ mối quan hệ cung – cầu và ứng xử đúng trong cạnh tranh; Thảo luận nhóm về vai trò của đạo đức và pháp luật trong điều tiết cạnh tranh, HS khảo sát thực tế hoặc phỏng vấn tiểu thương/kinh

		doanh nhỏ về cách cung - cầu tác động đến giá cả, sản phẩm, đạo đức nghề nghiệp
Lạm phát, thất nghiệp	- Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp.	- 1.2: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN</i> : HS trải nghiệm mô phỏng vai trò điều tiết của Nhà nước (người dân - doanh nghiệp - Nhà nước).
Thị trường lao động, việc làm	- Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề, việc làm phù hợp.	- 1.3: <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng</i> : HS xây dựng kế hoạch phát triển bản thân theo ngành nghề mong muốn; xử lý các tình huống lựa chọn sai nghề, thiếu kỹ năng tham gia thị trường lao động; Trò chuyện với người lao động/đơn vị tuyển dụng để hiểu yêu cầu thực tế.
Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	- Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.	- 1.3: <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng</i> : HS thảo luận về phẩm chất, kỹ năng cần có của người kinh doanh thành công và có đạo đức; đóng vai nhà đầu tư - người trình bày ý tưởng - cố vấn, từ đó rèn luyện kỹ năng mềm và nhận thức đúng về đạo đức trong kinh doanh.
Đạo đức kinh doanh	- Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh. - Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.	- 1.3: <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng</i> : HS thảo luận các trường hợp vi phạm đạo đức kinh doanh như gian lận, trốn thuế, quảng cáo sai sự thật, ranh giới giữa kinh doanh vì lợi nhuận và đạo đức, đóng vai người tiêu dùng - người kinh

		doanh - cơ quan quản lý để xử lý tình huống đạo đức.
Văn hoá tiêu dùng	- Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. - Phê phán biểu hiện thiếu văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền hành vi đúng.	- 3.1. <i>GD ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh</i>: HS thực hiện dự án truyền thông “Hãy là người tiêu dùng có văn hóa”, thảo luận nhóm về các biểu hiện tiêu dùng không có văn hóa và đề xuất biện pháp cải thiện, đặt câu hỏi gợi mở về vai trò văn hóa trong tiêu dùng.
Quyền bình đẳng của công dân	- Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn. - Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.	- 1.3. <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng</i>: HS nhập vai người bị vi phạm quyền bình đẳng và người bảo vệ quyền đó để hiểu sâu sắc hậu quả và giá trị của pháp luật bình đẳng; thảo luận nhóm về cách ứng xử công bằng, tôn trọng trong đời sống học đường và gia đình, thực hiện dự án Khảo sát, ghi nhận ý kiến từ cộng đồng về bất bình đẳng và đề xuất giải pháp.
Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân	- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền dân chủ của công dân. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.	- 1.2. <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN</i>: HS vào vai công dân thực hiện quyền khiếu nại, bầu cử, ứng cử để hiểu cách thực hiện dân chủ đúng luật, xây dựng dự án Tìm hiểu quy trình bầu cử ở địa phương, viết bài tuyên truyền về quyền dân chủ (tờ rơi, poster, video...), thảo luận nhóm để phân biệt hành vi dân chủ đúng đắn với

		dân chủ hình thức, lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật.
Một số quyền tự do cơ bản của công dân	- Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.	- 2.1. <i>Giáo dục ý thức tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè:</i> HS xác định đúng – sai trong các tình huống: đọc trộm tin nhắn, xúc phạm danh dự người khác trên mạng xã hội, cản trở tự do tín ngưỡng...; đóng vai: Xử lý tình huống có xâm phạm quyền tự do của công dân (VD: HS bị quay lén – phản ứng thế nào? Người chứng kiến phải làm gì?); thảo luận nhóm về sự khác biệt giữa tự do và tùy tiện; giữa quyền và nghĩa vụ; thiết kế tranh cổ động, tờ rơi, video ngắn lan tỏa thông điệp: “Tự do - Có trách nhiệm”.
LỚP 12		
Tăng trưởng và phát triển kinh tế	- Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. - Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.	- 1.2. <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS tìm hiểu một mô hình kinh tế xanh, phát triển bền vững tại địa phương hoặc Việt Nam; thảo luận nhóm về “tăng trưởng nhanh” và “phát triển bền vững”, rèn kỹ năng tư duy phản biện và lựa chọn giá trị đúng đắn, đưa ra các hành vi gây tổn hại đến sự phát triển kinh tế như phá rừng, xả thải, trốn thuế... để học sinh phân tích, đánh giá.
Hội nhập kinh tế quốc tế	- Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế	- 3.2. <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy</i>

	quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	<i>định của nhà trường</i> : HS liên hệ về một số tổ chức kinh tế quốc tế (WTO, ASEAN, CPTPP...), và trách nhiệm của thể hệ trẻ; phân tích trường hợp: vi phạm chính sách hội nhập hoặc có thái độ kỳ thị, bảo thủ trong môi trường hội nhập; đóng vai: công dân Việt Nam tham gia hội nhập - từ học tập ngoại ngữ đến ứng xử trong môi trường đa văn hóa.
Lập kế hoạch kinh doanh	- Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành.	- 1.2. <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN</i> : HS xây dựng kế hoạch kinh doanh nhỏ mang tính nhân văn, thân thiện với cộng đồng, xử lý tình huống: “Nếu sản phẩm có lỗi nhưng gây hại môi trường, em có làm không? Vì sao?”; hoạt động mô phỏng: Thiết kế một sản phẩm hoặc mô hình dịch vụ có ý nghĩa vì cộng đồng, thể hiện lý tưởng sống đẹp; viết nhật ký “Tôi muốn trở thành người kinh doanh có đạo đức như thế nào?”.
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	- Xác định được trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp. - Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.	- 3.2. <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường</i> : HS nhận diện các biểu hiện thiếu trách nhiệm như gây ô nhiễm, bóc lột lao động, trốn thuế... để thảo luận và đề xuất giải pháp; đóng vai HS nhập vai giám đốc doanh nghiệp đối diện với các quyết định liên quan đến trách

		nhiệm xã hội; thảo luận nhóm về lợi nhuận doanh nghiệp và đạo đức xã hội, thực hiện dự án tìm hiểu các doanh nghiệp Việt Nam có trách nhiệm xã hội nổi bật và báo cáo kết quả bằng poster, infographic hoặc video.
Quản lý thu, chi trong gia đình	- Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình. - Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính.	- 1.3. <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> Xử lý tình huống: “Nếu em muốn mua một món đồ xa xỉ, bố mẹ không đồng ý”, HS lập kế hoạch thu - chi gia đình tháng tới (giả định), đảm bảo cân đối và văn minh tài chính; tranh biện: “Chỉ tiêu để thoả mãn cá nhân có đáng bị phê phán không?”, HS ghi chép nhật ký tài chính cá nhân, phân tích, và rút ra bài học về kỷ luật tài chính.
Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế	- Tự giác thực hiện các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm, nhận biết được hậu quả, tác hại.	-1.2. <i>GD niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS xử lý tình huống vi phạm: gian lận thương mại, xâm phạm tài sản; tham gia trò chơi phân biệt hành vi đúng luật và hành vi sai trái về sở hữu, nghĩa vụ thuế, quyền kinh doanh,...
Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hoá, xã hội	- Tự giác thực hiện các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong lĩnh vực văn hóa, xã hội. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm và hậu quả trong các tình huống liên quan đến văn hóa, xã hội.	- 3.2. <i>GD ý thức giữ gìn, phát huy, trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:</i> HS phân tích các tình huống vi phạm chuẩn mực văn hóa - xã hội và đề xuất cách xử lý; Tranh biện: “Tôn trọng truyền thống có mâu thuẫn với sống hiện đại không?”, Dự án:

		“Hành động vì môi trường, vì di sản”, HS xây dựng poster, video, hoặc kế hoạch hành động bảo vệ di sản, môi trường xung quanh trường, địa phương.
--	--	---

2.2. Môn Ngữ văn

Nội dung	Địa chỉ tích hợp (Yêu cầu cần đạt)	Nội dung tích hợp
LỚP 10		
Đọc hiểu	- Văn bản văn học (VBVH): Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản. - Văn bản nghị luận (VBNL): + Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội + Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân. - Văn bản thông tin (VBTT): Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân.	<i>3.1. Giáo dục ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:</i> Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá. <i>1.1. GD truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc:</i> nhận biết được các giá trị tầm quan trọng của truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.
Viết	- Viết được một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội; trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ. - Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm	<i>2.4. GD chuẩn mực đạo đức:</i> tôn trọng, lan tỏa các tấm gương đạo đức và có ý thức rèn luyện thói quen, hành vi, ứng xử chuẩn mực. <i>3.2. GD tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> Phát hiện, phê phán, lên án những hành vi, biểu hiện thiếu

		tính kỷ luật, kỷ cương, vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường
Nói và nghe	- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. - Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại.	2.3. <i>GD tính trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện:</i> Có thái độ phê phán, lên án những biểu hiện thiếu trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện. 2.1. <i>GD ý thức tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè:</i> Có thái độ, hành vi phù hợp thể hiện sự tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè.
LỚP 11		
Đọc hiểu	- VBVH: Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản - VBNL: Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn - VBTT: Thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do	1.1. <i>GD truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc:</i> Ủng hộ, đồng tình các quan điểm, chủ trương, hoạt động quán triệt, tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. 1.2. <i>GD niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> Có ý thức, trách nhiệm, hành động phù hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. 2.3. <i>GD tính trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện:</i> Có thái độ phê phán, lên án những biểu hiện thiếu trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện
Viết	- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội, trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử	3.1. <i>GD ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:</i> Có thái độ cầu thị, tìm hiểu về giá trị

	dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.	văn hóa truyền thống của dân tộc, học hỏi, tiếp thu các nền văn hóa trên thế giới.
Nói và nghe	- Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội; kết cấu bài có ba phần rõ ràng; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược; sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng - Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hoá	3.1. <i>GD ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:</i> Thể hiện được quan điểm, thái độ, hành vi chấp nhận sự khác biệt, tôn trọng sự đa dạng văn hóa. 1.3. <i>GD tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> Tuân thủ các nội quy, quy định của gia đình, nhà trường, địa phương, quy định của pháp luật; Có thái độ, hành vi thể hiện trách nhiệm với môi trường sống.
LỚP 12		
Đọc hiểu	- VBVH: Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản	1.1. <i>GD truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc:</i> Nhận ra được giá trị, tầm quan trọng của truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. 3.1. <i>GD ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:</i> Thể hiện được quan điểm, thái độ, hành vi chấp nhận sự khác biệt, tôn trọng sự đa dạng văn hóa.
Viết	- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ	1.2. <i>GD niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> Có ý thức, trách nhiệm, hành động phù hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

		<i>1.3. GD tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng: Hiểu ý nghĩa của các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>
Nói và nghe	- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.	<i>1.2. GD niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN: Phê phán, lên án, đấu tranh với các âm mưu, hành động chống phá, xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia.</i>

2.3. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Nội dung	Địa chỉ tích hợp (Yêu cầu cần đạt)⁴	Nội dung tích hợp
LỚP 10		
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN		
Hoạt động khám phá bản thân	- Chỉ ra được những đặc điểm tính cách, quan điểm sống của bản thân và biết cách phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu. - Thể hiện được sự chủ động của bản thân trong môi trường học tập, giao tiếp khác nhau.	<i>1.1. GD truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc: Nhận ra được giá trị, tầm quan trọng của truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.</i> <i>1.3. GD tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng: Có ý thức hoàn thành nghĩa vụ của bản thân; Tuân thủ các nội quy, quy định của gia đình, nhà trường, địa phương, quy định của pháp luật.</i>

⁴ Chỉ các yêu cầu cần đạt có khả năng tích hợp theo từng mạch nội dung hoạt động.

Hoạt động rèn luyện bản thân	- Thực hiện tốt nội quy, quy định của trường, lớp, cộng đồng. - Có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ những người cùng tham gia. - Thể hiện được sự tự chủ, lòng tự trọng, ý chí vượt khó để đạt được mục tiêu đề ra.	2.3. <i>Giáo dục tính trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện:</i> Nhận thức được ý nghĩa của sự trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện. 3.2. <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> Nhận thức được sự cần thiết của việc giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường. 2.4. <i>Giáo dục chuẩn mực đạo đức:</i> Nhận thức được các giá trị, chuẩn mực đạo đức.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI		
Hoạt động chăm sóc gia đình	- Ứng xử phù hợp với các tình huống giao tiếp khác nhau trong gia đình. - Thực hiện được trách nhiệm của bản thân với bố mẹ, người thân. - Thể hiện được trách nhiệm đối với các hoạt động lao động trong gia đình.	2.1. <i>Giáo dục ý thức tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè:</i> Nhận thức được ý nghĩa của việc tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè. 2.4. <i>Giáo dục chuẩn mực đạo đức:</i> Có ý thức rèn luyện thói quen, hành vi, ứng xử chuẩn mực.
Hoạt động xây dựng nhà trường	- Thể hiện sự tự tin trong các tình huống giao tiếp, ứng xử và biết cách thể hiện sự thân thiện với bạn bè, thầy cô.	2.1. <i>Giáo dục ý thức tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè:</i> Có thái độ, hành vi phù hợp thể hiện sự tôn

	- Biết cách thu hút các bạn vào hoạt động chung.	trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè. <i>2.2. GD lòng nhân ái, vị tha:</i> Quan tâm đến mối quan hệ hài hòa với người khác; Có thái độ, hành vi phù hợp thể hiện sự đồng tình, ủng hộ và vận động người khác ủng hộ các hoạt động tình nguyện, từ thiện, hoạt động phục vụ cộng đồng.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	- Lập và thực hiện được kế hoạch tuyên truyền trong cộng đồng về văn hoá ứng xử nơi công cộng. - Tham gia một số hoạt động cộng đồng phù hợp và đánh giá được kết quả hoạt động phát triển cộng đồng.	<i>1.1. Giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc:</i> Ủng hộ, đồng tình các quan điểm, chủ trương, hoạt động quán triệt, tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. <i>1.3. Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> Có thái độ, hành vi thể hiện trách nhiệm với môi trường sống.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN		
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	- Xây dựng và thực hiện được kế hoạch tuyên truyền, kêu gọi mọi người chung tay bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.	<i>1.3. Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> Có thái độ, hành vi thể hiện trách nhiệm với môi trường sống. <i>2.2. GD lòng nhân ái, vị tha:</i> Có thái độ, hành vi phù hợp thể hiện sự đồng tình, ủng hộ và vận động người khác ủng hộ các hoạt động tình

		nguyên, từ thiện, hoạt động phục vụ cộng đồng. <i>3.1. GD ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:</i> Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động bảo tồn, lan tỏa, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP		
Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp	- Phân tích được phẩm chất và năng lực cần có của người lao động thông qua trải nghiệm một nghề cụ thể và yêu cầu của nhà tuyển dụng.	<i>3.2. GD tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> Nhận thức được sự cần thiết của việc GD tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường.
Hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp	- Lựa chọn được cách rèn luyện phù hợp về phẩm chất và năng lực cần thiết cho nhóm nghề định lựa chọn.	<i>2.4. GD chuẩn mực đạo đức:</i> Có ý thức rèn luyện thói quen, hành vi, ứng xử chuẩn mực.
Hoạt động lựa chọn hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp	- Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, rèn luyện theo nhóm nghề lựa chọn.	<i>3.2. GD tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> Nghiêm túc chấp hành chính sách, pháp luật, quy định, quy chế học tập.

LỚP 11		
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN		
Hoạt động khám phá bản thân	- Phân tích được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và biết điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi.	<i>1.2. Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> Có ý thức trách nhiệm, hành động phù hợp để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. <i>2.4. Giáo dục chuẩn mực đạo đức:</i> Nhận thức được giá trị, chuẩn mực đạo đức; có ý thức rèn luyện thói quen, hành vi, ứng xử chuẩn mực.
Hoạt động rèn luyện bản thân	- Tuân thủ kỉ luật, quy định của nhóm, tập thể trường, lớp, cộng đồng. - Thể hiện được sự nỗ lực hoàn thiện bản thân; biết thu hút các bạn cùng phấn đấu hoàn thiện.	<i>2.3. Giáo dục trung thực, thẳng thắn:</i> Có thái độ phê phán, lên án những biểu hiện thiếu trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện. <i>3.2. Giáo dục kỷ luật, kỷ cương:</i> Nghiêm túc chấp hành chính sách, pháp luật, quy định, quy chế học tập.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI		
Hoạt động chăm sóc gia đình	- Thể hiện được sự quan tâm chăm sóc thường xuyên những người thân trong gia đình. - Thể hiện sự tự giác và trách nhiệm tham gia các hoạt động lao động khác nhau trong gia đình.	<i>1.3. Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> Có ý thức hoàn thành nghĩa vụ của bản thân. <i>2.1. Giáo dục ý thức tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè:</i> Có thái độ, hành vi phù hợp thể hiện sự tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè. <i>2.2. Giáo dục lòng nhân ái, vị tha:</i> Quan tâm đến môi

		quan hệ hài hòa với người khác.
Hoạt động xây dựng nhà trường	- Biết cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè. - Hợp tác được với bạn để cùng xây dựng và thực hiện các hoạt động xây dựng và phát triển nhà trường.	2.2. <i>Giáo dục lòng nhân ái, vị tha</i>: Có thái độ, hành vi phù hợp thể hiện sự đồng tình, ủng hộ và vận động người khác ủng hộ các hoạt động tình nguyện, từ thiện, hoạt động phục vụ cộng đồng. 2.4. <i>GD chuẩn mực đạo đức</i>: Có ý thức rèn luyện thói quen, hành vi, ứng xử chuẩn mực.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	- Biết cách xây dựng và phát triển các mối quan hệ với mọi người trong cộng đồng. - Thể hiện được hành vi văn minh nơi công cộng và trách nhiệm của bản thân với cộng đồng.	1.2. <i>GD niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN</i>: Có ý thức, trách nhiệm, hành động phù hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. 1.3. <i>GD tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng</i>: Có thái độ, hành vi thể hiện trách nhiệm với môi trường sống. 3.1. <i>GD ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh</i>: Thể hiện được quan điểm, thái độ, hành vi chấp nhận sự khác biệt, tôn trọng sự đa dạng văn hóa.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN		
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	- Chủ động, tích cực thực hiện việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, quảng bá hình ảnh cảnh	3.1. <i>GD ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường</i>

	quan thiên nhiên và kêu gọi mọi người cùng thực hiện.	<i>văn hóa lành mạnh</i> : Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động bảo tồn, lan tỏa, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; Phê phán thái độ, hành vi tiêu cực, truyền bá các sản phẩm văn hóa ngoại lai, phản nhân văn làm sai lệch hoặc xúc phạm, hủy hoại di sản văn hóa của dân tộc.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	- Tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp bảo vệ tài nguyên.	1.3. <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng</i>: Có thái độ, hành vi thể hiện trách nhiệm với môi trường sống. 3.2. <i>GD tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường</i>: Nghiêm túc chấp hành chính sách, pháp luật, quy định, quy chế học tập.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP		
Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp	- Phân tích được yêu cầu của nhà tuyển dụng về phẩm chất và năng lực của người lao động.	1.2. <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN</i> : Có ý thức, trách nhiệm, hành động phù hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.
Hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp	- Đề xuất được giải pháp học tập, rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp.	2.4. <i>GD chuẩn mực đạo đức</i> : Có ý thức rèn luyện thói quen, hành vi, ứng xử chuẩn mực.

Hoạt động lựa chọn hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp	- Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn.	2.4. <i>GD chuẩn mực đạo đức:</i> Có ý thức rèn luyện thói quen, hành vi, ứng xử chuẩn mực.
LỚP 12		
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN		
Hoạt động khám phá bản thân	- Nhận diện được sự trưởng thành của bản thân.	1.1. <i>Giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc:</i> Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tôn vinh, bảo vệ, lan tỏa truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. 1.2. <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> Phê phán, lên án, đấu tranh với các âm mưu, hành động chống phá, xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia.
Hoạt động rèn luyện bản thân	- Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, sự trung thực, tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống. - Thể hiện được bản lĩnh và của bản thân trong việc thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích. - Thực hiện được công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết đề ra.	2.3. <i>Giáo dục tính trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện:</i> Có thái độ phê phán, lên án những biểu hiện thiếu trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện; Không gian lận trong kiểm tra, thi cử và các hoạt động học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học. 2.4. <i>GD chuẩn mực đạo đức:</i> Có ý thức rèn luyện thói quen, hành vi, ứng xử chuẩn mực. 3.2. <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ,</i>

		<i> gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường: Nghiêm túc chấp hành chính sách, pháp luật, quy định, quy chế học tập.</i>
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI		
Hoạt động chăm sóc gia đình	- Thể hiện sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình. - Thực hiện được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình và thấy được giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội.	<i>1.3. GD tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng: Có thái độ, hành vi thể hiện trách nhiệm với môi trường sống.</i> <i>2.1. GD ý thức tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè: Phê phán, lên án những biểu hiện, thái độ, hành vi thiếu tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử không đúng mực với bạn bè.</i>
Hoạt động xây dựng nhà trường	- Nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng được các quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè. - Thực hiện các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.	<i>1.1. GD truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tôn vinh, bảo vệ, lan tỏa truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.</i> <i>2.2. GD lòng nhân ái, vị tha: Có thái độ, hành vi phù hợp thể hiện sự đồng tình, ủng hộ và vận động người khác ủng hộ các hoạt động tình nguyện, từ thiện, hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>
Hoạt động xây dựng cộng đồng	- Thực hiện được các hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình hữu nghị. - Thể hiện được sự hứng thú, ham hiểu biết khi khám phá các nền văn hoá khác nhau; thể hiện	<i>3.1. Giáo dục ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh: Nhận thức được ý nghĩa, giá trị văn hóa truyền thống của</i>

	được thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá. - Xây dựng và triển khai được dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo và quản lí dự án hiệu quả.	dân tộc, Có thái độ cầu thị, tìm hiểu về giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, học hỏi, tiếp thu các nền văn hóa trên thế giới; Thể hiện được quan điểm, thái độ, hành vi chấp nhận sự khác biệt, tôn trọng sự đa dạng văn hóa. <i>2.2. Giáo dục lòng nhân ái, vị tha:</i> Có thái độ, hành vi phù hợp thể hiện sự đồng tình, ủng hộ và vận động người khác ủng hộ các hoạt động tình nguyện, từ thiện, hoạt động phục vụ cộng đồng.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN		
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	- Đề xuất và thực hiện được các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. - Thực hiện được việc tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên.	<i>1.1. GD truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc:</i> Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tôn vinh, bảo vệ, lan tỏa truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. <i>1.2. GD niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> Phê phán, lên án, đấu tranh với các âm mưu, hành động chống phá, xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	- Thực hiện và tuyên truyền được đến người thân, cộng đồng các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật. - Nhận xét, đánh giá hành vi, việc làm của cá nhân, tổ chức trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã.	<i>3.2. GD tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> Phát hiện, phê phán, lên án những hành vi, biểu hiện thiếu tính kỷ luật, kỷ

		cương, vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP		
Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp	- Chỉ ra được những phẩm chất và năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại - Tìm hiểu tính chuyên nghiệp trong công việc, đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp.	2.4. <i>GD chuẩn mực đạo đức:</i> Nhận thức được các giá trị, chuẩn mực đạo đức. 3.2. <i>GD tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> Nhận thức được sự cần thiết của việc GD tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường.
Hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp	- Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực phù hợp với nghề định lựa chọn và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. - Tự tin về bản thân và tự tin với định hướng nghề nghiệp của mình.	2.3. <i>Giáo dục tính trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện:</i> Không gian lận trong kiểm tra, thi cử và các hoạt động học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học. 2.4. <i>GD chuẩn mực đạo đức:</i> Có ý thức rèn luyện thói quen, hành vi, ứng xử chuẩn mực.
Hoạt động lựa chọn hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp	- Đưa ra được quyết định lựa chọn nghề, nhóm nghề hoặc lựa chọn được ngành học, trường học và chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường làm việc hoặc học tập tương lai. - Có tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội.	1.2. <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> Có ý thức, trách nhiệm, hành động phù hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Phần thứ ba
HƯỚNG DẪN MỘT SỐ HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC TÍCH HỢP
NỘI DUNG GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG
TRONG CÁC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT, NGŨ VĂN,
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP

3.1. Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

3.1.1. Một số hình thức, phương pháp tổ chức tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong môn GDKT&PL

3.1.1.1. Dạy học khám phá

Phương pháp dạy học khám phá trong môn GDKT&PL tích hợp LTCM, ĐĐLS không chỉ phát huy năng lực học tập, tư duy phản biện, kỹ năng sống, mà còn thúc đẩy ý thức công dân, tinh thần trách nhiệm và phẩm chất đạo đức – pháp lý cần thiết của học sinh trong bối cảnh xã hội hiện đại.

Với môn GDKT&PL, khi thực hiện dạy học tích hợp nội dung GD LTCM, ĐĐLS, phương pháp này đặt HS vào vị trí trung tâm, chủ động khám phá những vấn đề xã hội – pháp lý – đạo đức gần gũi trong đời sống. Trên cơ sở đó, phát triển năng lực tư duy pháp lý, phẩm chất công dân, năng lực phân tích dữ liệu và giải quyết vấn đề thực tiễn.

Khi sử dụng phương pháp này, GV cần hiểu khả năng và nhu cầu thực tiễn của HS, chọn chủ đề đạo đức – pháp lý phù hợp với từng lứa tuổi, có tính thời sự và gần gũi (như: bầu cử HS tiêu biểu, quyền riêng tư, đạo đức kinh doanh, thái độ trong hội nhập...).

Nội dung tích hợp LTCM, ĐĐLS phải gắn với thực tiễn xã hội (quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân), thể hiện rõ định hướng hành vi, thái độ, mà không chỉ có lý thuyết.

GV cần chuẩn bị các câu hỏi gợi mở, hướng dẫn cách thu thập thông tin khi HS gặp khó khăn, khuyến khích HS tìm kiếm các ý tưởng giải pháp độc đáo, sáng tạo thay vì chỉ trả lời theo khuôn mẫu, từng bước giúp HS tự lực đi tới mục tiêu của hoạt động.

Khuyến khích HS trình bày kết quả bằng nhiều hình thức như: thuyết trình, sản phẩm sáng tạo, tranh biện theo nhóm hoặc viết báo cáo để phát triển kỹ năng giao tiếp.

3.1.1.2. Dạy học hợp tác

Phương pháp dạy học hợp tác trong môn GDKT&PL không chỉ giúp HS tiếp thu hiệu quả nội dung bài học mà còn tăng cường kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện, giao tiếp xã hội, và đặc biệt là xây dựng các phẩm chất đạo đức, lý tưởng, lối sống tích cực, góp phần hình thành công dân có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội trong thời đại mới.

Khi sử dụng phương pháp này, GV cần lựa chọn chủ đề gần gũi, mang tính xã hội và đạo đức rõ ràng, có thể tích hợp trực tiếp các nội dung giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống (ví dụ: quyền cá nhân, văn hoá tiêu dùng, trách nhiệm công dân...); Hỗ trợ, quan sát, điều tiết nhóm yếu; khích lệ sáng tạo nhóm mạnh; Quản lý thời gian phù hợp để đảm bảo tiến trình và chiều sâu bài học; Ghi nhận, tuyên dương nhóm có giải pháp thực tế, sáng tạo.

3.1.1.3. Dạy học giải quyết vấn đề

Khi tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong môn GDKT&PL, phương pháp dạy học giải quyết vấn đề sẽ khơi gợi lý tưởng sống đúng đắn, tinh thần yêu nước, trung thực, có trách nhiệm; giúp HS phân tích sâu sắc các tình huống đạo đức và pháp luật thực tiễn; rèn luyện tư duy độc lập, phản biện và kỹ năng hành động công dân; Hình thành những phẩm chất cần thiết cho người học trong xã hội hiện đại.

Khi sử dụng, GV lưu ý: Chủ đề phải có tính đạo đức – pháp luật, gần gũi với lứa tuổi HS. GV cần hướng dẫn cách phân tích tình huống, tìm dữ kiện, xử lý xung đột. Khuyến khích đưa ra nhiều cách tiếp cận vấn đề, từ góc độ công dân, doanh nghiệp, luật pháp, cộng đồng. Tăng cường thực hành, ví dụ: khảo sát cộng đồng, viết thông điệp tuyên truyền, xây dựng kế hoạch hành động cá nhân...

Ví dụ: chủ đề: Hội nhập kinh tế quốc tế

Các nhóm HS báo cáo giải pháp để HS Việt Nam trở thành công dân hội nhập (học ngoại ngữ, rèn tư duy phản biện, nâng cao đạo đức nghề nghiệp...). GV hướng dẫn HS kết luận: “Hội nhập không chỉ cần kiến thức mà còn cần lý tưởng, bản lĩnh, đạo đức và lối sống văn minh”.

3.1.1.4. Dạy học dự án

Phương pháp dạy học dự án tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong môn GDKT&PL là hình thức dạy học hiệu quả giúp HS: Trải nghiệm thực tiễn, vận dụng lý thuyết vào đời sống; phát triển lý tưởng sống đẹp, thái độ công dân tích cực; tăng cường kỹ năng học tập tích cực, tư duy phản biện và sáng tạo; góp phần hình thành thể hệ công dân có năng lực, có trách nhiệm, có đạo đức và thích ứng với yêu cầu của xã hội hiện đại.

Khi sử dụng phương pháp này, GV lưu ý:

Chọn đề tài thiết thực: Gắn với đời sống đạo đức, pháp luật, văn hóa của HS; nên chọn nội dung gần gũi như: tiêu dùng có đạo đức, trung thực trong học tập, quyền công dân, tinh thần yêu nước, trách nhiệm xã hội...

Tăng cường vai trò của HS: Để HS tự lựa chọn vấn đề quan tâm, được tự do sáng tạo và chủ động giải quyết vấn đề.

GV đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ: Tránh áp đặt, hãy tạo không gian cho sự sáng tạo, đồng thời hỗ trợ kịp thời khi HS gặp khó khăn về kiến thức hoặc kỹ thuật.

Đa dạng hóa hình thức sản phẩm: Cho phép HS thể hiện kết quả bằng nhiều cách: mô hình, truyền thông, tọa đàm, diễn tiểu phẩm, báo cáo video...

Đánh giá toàn diện: Không chỉ dựa vào sản phẩm cuối cùng mà đánh giá cả quá trình học tập, tinh thần hợp tác, sự tiến bộ và khả năng vận dụng vào thực tiễn.

Ví dụ: GV tổ chức tọa đàm “Học sinh và quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội” nhằm định hướng lối sống có trách nhiệm, tôn trọng pháp luật; hướng dẫn HS thiết kế poster và video về "Công dân Việt Nam trong thời đại hội nhập: vừa hội nhập, vừa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc".

3.1.2. Một số lưu ý khi kiểm tra, đánh giá nội dung tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong môn GDKT&PL

3.1.2.1. Mục tiêu

Môn GDKT&PL có nhiều nội dung phù hợp để tích hợp GD LTCM, ĐĐLS cho HS. Kiểm tra đánh giá là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học, giúp xác định mức độ tiếp thu, vận dụng kiến thức, kỹ năng và định hướng giá trị sống của HS thông qua các bài học được tích hợp nội dung GD LTCM, ĐĐLS.

Mục tiêu chung của kiểm tra đánh giá trong DHTH là đánh giá mức độ hiểu biết, khả năng vận dụng và biểu hiện hành vi của HS về các nội dung như: lý tưởng sống đúng đắn, trách nhiệm công dân, tinh thần yêu nước, thái độ sống trung thực, nhân ái, có kỷ luật, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Từ đó, giúp GV điều chỉnh quá trình dạy học nhằm phát triển toàn diện PCNL của HS.

Để đạt được mục tiêu đó, cần bám sát các định hướng đánh giá khi tích hợp LTCM, ĐĐLS trong môn GDKT&PL sau đây:

- *Đánh giá toàn diện:* Trong môn GDKT&PL, kiểm tra đánh giá cần cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về mức độ đạt được các yêu cầu cần đạt của học sinh, đặc biệt là các phẩm chất đạo đức và năng lực sống liên quan đến LTCM, ĐĐLS. GV cần quan tâm đến sự phát triển toàn diện của HS, không chỉ ở tri thức mà cả thái độ, hành vi và khả năng ra quyết định đạo đức trong đời sống thực tiễn.

Thông qua đánh giá, GV có thể xác định những tiến bộ cá nhân của HS, từ đó kịp thời hỗ trợ, bồi dưỡng hoặc điều chỉnh phương pháp giảng dạy để đáp ứng nhu cầu học tập khác nhau.

- *Đánh giá kiến thức và kỹ năng:* Đánh giá cần tập trung vào những yêu cầu cần đạt của môn học gắn với các nội dung tích hợp về LTCM, ĐĐLS. Mỗi bài học cần có tiêu chí đánh giá cụ thể để đo lường mức độ:

Hiểu và phân biệt được các giá trị đạo đức: trung thực, trách nhiệm, nhân ái, tôn trọng người khác, tinh thần yêu nước,...

Biết áp dụng kiến thức đã học để giải thích, phân tích và xử lý các tình huống đạo đức, pháp luật.

Đề xuất được giải pháp ứng xử phù hợp với các tình huống có thật trong cuộc sống, phản ánh quan điểm sống có lý tưởng và hành vi đạo đức đúng đắn.

Đánh giá năng lực vận dụng, Phương pháp kiểm tra đánh giá cần chú trọng khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng của HS vào các tình huống đạo đức, xã hội trong thực tiễn. Điều này đặc biệt quan trọng với các chủ đề như: *Quyền và nghĩa vụ công dân với kinh tế, văn hóa, xã hội, Ứng xử đạo đức trong kinh doanh, Trách nhiệm của thanh niên đối với thực hiện chính sách xã hội*.

Các hình thức đánh giá có thể là: phân tích tình huống, xây dựng kịch bản hành động, viết nhật ký đạo đức, tạo poster tuyên truyền, hoặc thiết kế hoạt động trải nghiệm gắn với giá trị đạo đức.

Ví dụ: HS thiết kế một chiến dịch truyền thông tuyên truyền về “Sống trung thực - sống có trách nhiệm” dành cho học sinh trong trường, kèm các hành động cụ thể và khẩu hiệu.

- *Đánh giá toàn diện và đa dạng hình thức*, Việc đánh giá cần đa dạng hóa về phương pháp và hình thức như: Quan sát hành vi trong các hoạt động nhóm, hoạt động trải nghiệm; Đánh giá sản phẩm học tập như: bài trình bày, tranh biện, video clip, nhật ký đạo đức, sơ đồ tư duy; Đánh giá theo tiến trình (theo dõi sự tiến bộ qua từng bài học, từng dự án); Đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá để phát triển kỹ năng tự nhận thức và tự điều chỉnh hành vi

Tiêu chí đánh giá cần được xây dựng rõ ràng theo từng yêu cầu cần đạt của mỗi bài học, được công bố trước để học sinh chủ động định hướng quá trình học tập.

- *Chú trọng đánh giá thường xuyên và sự tiến bộ*, Việc đánh giá liên tục, thường xuyên, thông qua các hoạt động học tập trên lớp, trải nghiệm thực tế, tình huống đạo đức hoặc các sản phẩm cá nhân sẽ theo dõi được sự thay đổi trong nhận thức, thái độ và hành vi của học sinh.

Không nên đánh giá dựa trên điểm số đơn thuần mà cần theo dõi tiến trình phát triển cá nhân, phản ánh được những chuyển biến tích cực trong nhận thức về đạo đức, lý tưởng sống và trách nhiệm công dân.

Ví dụ: GV có thể theo dõi sự chuyển biến qua bài viết đầu khóa và cuối khóa của HS về lý tưởng sống; hoặc sự thay đổi trong ứng xử của HS qua các tình huống đạo đức giả định hoặc thật trong lớp học

3.1.2.2. Lưu ý khi áp dụng một số phương pháp và công cụ đánh giá chiếm ưu thế trong dạy học tích hợp nội dung GD LTCM, ĐĐLS trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

- *Đánh giá qua quan sát*: GV lựa chọn tình huống gắn với nội dung tích hợp giáo dục ĐĐLS: ví dụ như lối sống tiêu dùng có trách nhiệm (Lớp 11), hành vi ứng xử với pháp luật trong cộng đồng (Lớp 12). Cần tổ chức hoạt động nhóm

để phát huy năng lực hợp tác, tư duy phản biện, tính sáng tạo. Kết quả từ phiếu quan sát nên đối chiếu với sản phẩm học tập thực tế (bản kế hoạch, sản phẩm truyền thông, bài thuyết trình nhóm...).

- *Đánh giá qua hỏi – đáp*: GV đặt câu hỏi và HS trả lời (hoặc ngược lại) dưới dạng: *Hỏi – đáp gợi mở, Hỏi – đáp củng cố, Hỏi – đáp tổng kết, Hỏi – đáp kiểm tra với các loại câu hỏi: Câu hỏi tự luận mở, Câu hỏi tình huống, Câu hỏi phản biện, Câu hỏi nhiều lựa chọn, Câu hỏi đúng/sai, ...* nhằm kiểm tra, củng cố, và mở rộng kiến thức theo mục tiêu bài học, qua đó đánh giá kết quả học tập, khơi gợi sự tích cực, tư duy độc lập của HS, giúp các em liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tạo cơ hội cho HS tương tác, thảo luận và phản biện, phát triển kỹ năng giao tiếp và nhận thức về LTCM, ĐĐLS.

- *Đánh giá qua sản phẩm học tập*: Trong môn GDKT&PL, sản phẩm học tập phản ánh sự nhận thức đúng đắn về đạo đức, lý tưởng cách mạng, trách nhiệm công dân và ý thức tuân thủ pháp luật, từ đó giúp GV đánh giá mức độ phát triển năng lực và phẩm chất theo định hướng CT GDPT 2018. Đó có thể là: *Sản phẩm đơn giản* (Bài viết trình bày quan điểm đạo đức về tiêu dùng văn minh, nghĩa vụ công dân, trách nhiệm với cộng đồng; Bảng phân tích tình huống đạo đức – pháp luật nhằm xác định hành vi đúng/sai, lý do, hệ quả; Sơ đồ tư duy/phiếu học tập về các biểu hiện lối sống văn hóa, lý tưởng cách mạng,...), *Sản phẩm phức tạp* (Video truyền thông về lý tưởng sống tích cực, bảo vệ văn hóa dân tộc, trách nhiệm doanh nghiệp; Mô hình khởi nghiệp gắn với đạo đức và phát triển bền vững; Dự án nghiên cứu thực địa về hành vi đạo đức – pháp luật trong cộng đồng; Chiến dịch tuyên truyền online về tiêu dùng có trách nhiệm, ứng xử văn hóa trên không gian mạng,...)

- *Đánh giá qua bài tập tình huống*: GV lựa chọn bài tập tình huống gần gũi với thực tế giúp HS hứng thú, chủ động, sáng tạo trong học tập. Đó có thể là: Bài tập tình huống thực tế, Ra quyết định, Mô phỏng/nhập vai hoặc Dự đoán hậu quả.

3.2. Môn Ngữ văn

3.2.1. Một số hình thức, phương pháp tổ chức tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong môn Ngữ văn

3.2.1.1. Phương pháp tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong môn Ngữ văn

Phương pháp 1: Phương pháp thảo luận nhóm

Thảo luận là phương pháp góp phần quan trọng hình thành và phát triển năng lực hợp tác; giúp HS tự tin hơn trong các mối quan hệ xã hội. Trong thảo luận mọi cá nhân được tự do bày tỏ quan điểm, tạo thói quen biết đón nhận quan điểm bất đồng, hình thành quan điểm cá nhân giúp HS rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề khó khăn. Thông qua thảo luận, người dạy có thể tích hợp cho HS tinh thần đoàn kết, hợp tác, ý thức tôn trọng sự khác biệt về quan niệm của mỗi người trên cơ sở những chuẩn mực chung về ĐĐLS.

Với môn học Ngữ văn, thảo luận được tiến hành khi tổ chức chiếm lĩnh những nội dung học tập phức hợp, yêu cầu có sự chia sẻ, hợp tác để cùng giải quyết nội dung học tập. Ở các bài đọc hiểu văn bản, thảo luận nhóm được thực hiện khi cần tìm hiểu sâu về mạch nội dung, nghệ thuật hay những giá trị của văn bản.

Ví dụ, dạy đọc hiểu bài thơ “*Việt Bắc*” -*Tố Hữu (Lớp 12, Sách Cánh Diều)*, thông qua việc phân tích sâu các hình ảnh thơ, ngôn ngữ nghệ thuật và cấu tứ đối đáp (đặc trưng của thơ Tố Hữu), HS không chỉ hiểu về mặt ngữ văn mà còn đồng thời cảm nhận được các giá trị về lý tưởng, đạo đức, lối sống và khát vọng cống hiến. GV có thể chia lớp thành các nhóm thảo luận vấn đề tích hợp GD LTCM, ĐĐLS như: Phân tích các hình ảnh 'Quân đi điệp điệp trùng trùng', 'Ánh sao đầu súng', 'Bước chân nát đá' để thấy được sức mạnh và tinh thần của người lính, dân công kháng chiến. Sức mạnh đó đến từ đâu?" (Hướng đến lý tưởng độc lập, thống nhất, quyết tâm giải phóng dân tộc); Phân tích cụm từ 'Muời lăm năm ấy thiết tha mặn nồng', 'Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn'. Tình cảm giữa 'mình' và 'ta' ở đây là tình cảm gì? Tình cảm ấy có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống và trong đạo lý 'uống nước nhớ nguồn' của dân tộc Việt Nam?" (Hướng đến đạo đức tình nghĩa, lối sống ân nghĩa thủy chung); Từ hình ảnh 'Đèn pha bật sáng như ngày mai lên' và những địa danh chiến thắng ('Điện Biên, Hoà Bình'), em hình dung như thế nào về khát vọng chiến thắng, khát vọng hòa bình và sự cống hiến của thế hệ cha ông cho tương lai đất nước? HS ngày nay có thể học hỏi được điều gì?" (Hướng đến khát vọng cống hiến, xây dựng tương lai).

Hay khi tổ chức cho HS tìm hiểu văn bản “*Tuyên ngôn độc lập*” – Hồ Chí Minh (Lớp 11, Sách Kết nối tri thức với cuộc sống), GV có thể chia lớp thành 4 nhóm để thảo luận:

+ Nhóm 1: Vì sao Hồ Chí Minh trích dẫn *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền (Pháp)* và *Tuyên ngôn Độc lập (Mỹ)*? Ý nghĩa của điều này đối với khát vọng tự do dân tộc.

+ Nhóm 2: Phân tích cách Người vạch trần tội ác thực dân Pháp. Qua đó, em thấy tinh thần cách mạng của dân tộc ta như thế nào?

+ Nhóm 3: Đoạn tuyên bố độc lập thể hiện khát vọng cống hiến và quyết tâm bảo vệ Tổ quốc ra sao? Liên hệ với trách nhiệm của thanh niên hôm nay;

+ Nhóm 4: Qua toàn văn bản, em rút ra bài học gì về đạo đức, lối sống (lòng yêu nước, ý thức tự do, tôn trọng lẽ phải)?

Hoặc để tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng khi dạy đọc hiểu bài “*Chiếc thuyền ngoài xa*” – Nguyễn Minh Châu (Lớp 12, Sách Cánh Diều), tổ chức thảo luận: "Nếu là Phùng, em sẽ hành động như thế nào khi chứng kiến cảnh bạo lực gia đình? Hành động của Đẩu có thực sự giải quyết được vấn đề tận gốc không?" (Gợi mở về đạo đức trách nhiệm, lối sống đấu tranh

cho lẽ phải).

Hoặc cũng có thể chia lớp thành các nhóm đối lập quan điểm về một vấn đề gây tranh cãi trong tác phẩm hoặc từ tác phẩm liên hệ đến thực tiễn. Ví dụ khi học đoạn trích *"Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài"* (lớp 11, *Sách Chân trời sáng tạo*), tổ chức tranh biện về chủ đề: "Nghệ thuật vì nghệ thuật hay Nghệ thuật vì nhân sinh?". Việc này giúp HS lý giải sâu sắc về lý tưởng sống, cống hiến của người nghệ sĩ và mối quan hệ với lợi ích của nhân dân.

Phương pháp 2: Phương pháp đóng vai/sân khấu hóa

Đây là phương pháp dạy học có thể được sử dụng cho tất cả các kỹ năng đọc - viết - nghe - nói gồm: nhập vai một nhân vật kể lại câu chuyện đã học (nói hoặc viết); chuyển thể một văn bản văn học thành kịch bản sân khấu và tổ chức diễn xuất; xử lý một tình huống giao tiếp giả định; trình bày một vấn đề, một ý kiến từ các góc nhìn của người trong cuộc,... Phương pháp đóng vai có thể được thực hiện ở mức đơn giản như kể lại câu chuyện, thuật lại một sự kiện trong một tác phẩm bằng lời của một nhân vật (người trong cuộc).

Đóng vai là phương pháp sử dụng hiệu quả để lồng ghép nội dung tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, khát vọng cống hiến cho HS trong môn Ngữ văn. Qua những trải nghiệm cụ thể (bằng tưởng tượng, hóa thân), HS có thể nhận thức vấn đề từ suy nghĩ của người trong cuộc và nội dung bài học sẽ tác động trực tiếp đến quan niệm, lý tưởng sống của HS. Đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành để trình bày những suy nghĩ, cảm nhận và ứng xử theo một "vai giả định". Ví dụ, khi dạy truyện ngắn *Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân* (Lớp 11, *Sách Cánh Diều*), GV có thể tổ chức cho HS đóng vai cảnh Huân Cao cho chữ để tích hợp đạo đức lối sống: làm nổi bật sự chiến thắng của cái đẹp, cái thiện, và sự cống hiến tài năng một cách cao thượng. Sau khi HS đóng vai, GV nêu câu hỏi thảo luận, rút ra bài học sau đóng vai: "Các em cảm thấy thế nào khi hóa thân vào nhân vật Huân Cao/Quản ngục? Điều gì khiến cảnh cho chữ trong ngục tù trở nên thiêng liêng và cảm động đến vậy? Thông điệp về cái đẹp và thiên lương mà Nguyễn Tuân gửi gắm qua cảnh này là gì?"; Trong cuộc sống hiện nay, chúng ta có thể làm gì để giữ gìn 'thiên lương' của mình, để không bị môi trường xung quanh làm 'nhem nhuốc'?"; "Chúng ta nên trân trọng và học hỏi những giá trị nào từ nhân cách Huân Cao và sự trọng tài năng của quản ngục?"; "Theo em, việc Huân Cao cho chữ và truyền lại 'thiên lương' cho quản ngục có phải là một hình thức cống hiến không? Nó có ý nghĩa như thế nào đối với một xã hội đang cần những giá trị tốt đẹp?"; "Chúng ta, những người trẻ, có thể cống hiến điều gì từ tài năng, đạo đức của mình cho cộng đồng?".

Hay khi dạy đoạn trích *"Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài"*, GV cũng có thể cho HS đóng vai đoạn Vũ Như Tô đối thoại với Đan Thiềm và bi kịch khi Cửu Trùng Đài bị đốt. Nội dung tích hợp là sự sụp đổ của một lý tưởng lớn nhưng

không gắn liền với quần chúng. Có thể so sánh với những lý tưởng cách mạng vĩ đại (trong các tác phẩm khác như "Tuyên ngôn Độc lập") vốn xuất phát từ nhân dân, vì nhân dân. Và nêu câu hỏi thảo luận, rút ra bài học sau đóng vai: Cảm nhận của các em khi chứng kiến/hóa thân vào bi kịch của Vũ Như Tô? Nếu là Vũ Như Tô, các em sẽ làm gì để tránh bi kịch này?" "Điều gì quan trọng hơn: một tác phẩm nghệ thuật vĩ đại hay cuộc sống âm no của nhân dân?"; Từ bi kịch của Vũ Như Tô, chúng ta học được bài học gì về việc xây dựng lý tưởng và cống hiến cho xã hội? Để sự cống hiến của mình thực sự có ý nghĩa, chúng ta cần phải cân nhắc những yếu tố nào?. Qua việc đóng vai, HS nhận thức được sự cao đẹp của khát vọng sáng tạo cho dân tộc, nhưng cũng thấy bài học về sự gắn bó lý tưởng với đời sống nhân dân. Qua đó, giáo dục tinh thần trách nhiệm, sự lựa chọn đúng đắn giữa lý tưởng cá nhân và lợi ích cộng đồng.

Phương pháp đóng vai giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề từ góc nhìn của người trong cuộc, tập trung vào một sự kiện cụ thể mà các em quan sát được từ vai của mình. Mỗi vai diễn đều có thể gây hứng thú để HS bộc lộ cảm xúc, hình thành các kỹ năng. Khi nhập vào vai diễn, HS không chỉ được trải nghiệm mà còn phát triển khả năng sáng tạo; thái độ, hành vi được thay đổi theo hướng tích cực từ lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

Phương pháp 3: Dạy học dự án

Phương pháp dạy học dự án hướng HS tham gia vào quá trình tìm tòi, nghiên cứu và sáng tạo sản phẩm học tập trên cơ sở giải quyết một nhiệm vụ gắn với thực tiễn. Trong quá trình thực hiện, HS được đọc – viết – thảo luận – sáng tạo, đồng thời phải liên hệ thực tiễn, từ đó hình thành tư duy phản biện và nhân sinh quan tích cực.

Với môn học Ngữ văn, phương pháp dạy học dự án có nhiều lợi thế trong việc tích hợp nội dung GD LTCM, ĐĐLS như:

- Có nguồn tư liệu phong phú, giàu giá trị cách mạng và nhân văn. Nhiều tác phẩm phản ánh lý tưởng độc lập, tinh thần dân tộc, khát vọng sống đẹp. Đây là nền tảng thuận lợi để tích hợp giáo dục chính trị – tư tưởng trong quá trình học tập.

- Có khả năng khơi gợi cảm xúc và hình thành thái độ sống. Nhiều tác phẩm tác động mạnh đến tình cảm và thế giới quan HS, giúp việc GD LTCM, ĐĐLS không mang tính áp đặt, mà thấm dần qua trải nghiệm nghệ thuật.

- Phù hợp với hoạt động sáng tạo đa dạng. HS có thể làm báo tường, sân khấu hóa, thiết kế poster, vlog, phim ngắn, nhật ký nhân vật... Đây đều là những sản phẩm dự án vừa rèn năng lực ngôn ngữ, vừa lan tỏa thông điệp về trách nhiệm, cống hiến.

- Tạo cơ hội kết nối giữa văn bản – cá nhân – cộng đồng: Khi làm dự án, HS phải liên hệ hoàn cảnh sáng tác với hiện thực hôm nay, từ đó ý thức sâu

sắc hơn trách nhiệm tuổi trẻ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Có thể gợi ý một số dự án mà HS có thể thực hiện việc tích nội dung GD LTCM, ĐDLs:

Tác phẩm	Tên dự án	Hoạt động chính của HS	Sản phẩm dự kiến	Nội dung tích hợp
Tuyên ngôn Độc lập – Hồ Chí Minh	<i>“Tiếp bước lý tưởng độc lập”</i>	- Tìm tư liệu lịch sử, phân tích văn bản. - Thảo luận khát vọng độc lập, tự do. - Liên hệ trách nhiệm thanh niên hiện nay. - Sáng tạo poster/video/tiểu phẩm.	- Poster/infographic về giá trị văn bản. - Video phỏng vấn/thuyết trình. - Báo tường/tập san. - Hoạt cảnh sân khấu hóa ngày 2/9.	- Giáo dục tư tưởng cách mạng, tinh thần yêu nước. - Nuôi dưỡng khát vọng cống hiến, ý thức trách nhiệm công dân. - Rèn lối sống nhân văn, có trách nhiệm.
Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài – Nguyễn Huy Tưởng	<i>“Khát vọng sáng tạo và trách nhiệm xã hội”</i>	- Chia nhóm nhập vai nhân vật. - Tìm hiểu bi kịch Vũ Như Tô. - Thảo luận mối quan hệ lý tưởng cá nhân – lợi ích cộng đồng. - Sáng tác kịch bản cải biên.	- Tiểu phẩm sân khấu hóa. - Nhật ký nhân vật (sáng tác). - Bài viết nghị luận xã hội: “Khát vọng sáng tạo và trách nhiệm tuổi trẻ”.	- Giáo dục lý tưởng sống, cống hiến cho xã hội. - Bồi dưỡng ý thức gắn kết khát vọng cá nhân với cộng đồng. - Phát triển năng lực sáng tạo, phản biện.
Đây mùa thu tới – Xuân	<i>“Yêu đời – sống đẹp”</i>	- Phân tích hình ảnh mùa thu trong thơ. - Thảo luận quan	- Tập thơ/ảnh nghệ thuật của nhóm. - Vlog chia sẻ thông điệp “Sống	- Giáo dục tình yêu cuộc sống, trân trọng tuổi trẻ.

Điều		niệm sống, tình yêu tuổi trẻ. - Sáng tác thơ, ảnh nghệ thuật, vlog.	đẹp, sống cống hiến”.	- Bồi dưỡng lối sống lành mạnh, nhân văn. - Khích lệ tinh thần sáng tạo nghệ thuật.
Tràng giang – Huy Cận	<i>“Thanh niên với trách nhiệm giữ gìn non sông”</i>	- Tìm hiểu nỗi niềm trong thơ Huy Cận trước Cách mạng. - Liên hệ trách nhiệm thế hệ trẻ hôm nay với đất nước.	- Bài thơ/sáng tác hiện đại của HS. - Poster/videoclip “Thanh niên với Tổ quốc”.	- Giáo dục lòng yêu nước, khát vọng hòa nhập và cống hiến. - Xây dựng ý thức trách nhiệm bảo vệ, xây dựng đất nước.
<i>Tây Tiến</i> – Quang Dũng, <i>Việt Bắc</i> – Tố Hữu	<i>“Khát vọng dân thân và cống hiến”</i>	- Nghiên cứu hình tượng người lính, tình cảm cách mạng. - Suu tầm hình ảnh, bài hát về thời kỳ kháng chiến. - Phỏng vấn thế hệ cha ông.	- Video tư liệu ngắn/slide thuyết trình. - Bài cảm nhận hoặc tập san “Tuổi trẻ hôm nay và lý tưởng sống”.	- Giáo dục lý tưởng cách mạng, tinh thần dân thân. - Khơi dậy lòng tự hào dân tộc. - Bồi dưỡng phẩm chất sống trách nhiệm, biết tri ân đối với sự hy sinh của các thế hệ cha ông.

3.2.1.2. Hình thức tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong môn Ngữ văn

Hình thức 1: tích hợp qua hoạt động đọc hiểu văn bản

Hoạt động đọc hiểu văn bản trong môn Ngữ văn không chỉ rèn luyện năng lực ngôn ngữ, tư duy, cảm thụ văn học mà còn là môi trường thuận lợi để giáo dục giá trị sống, nhân cách cho HS. Văn bản văn học, văn bản nghị luận hay văn bản thông tin đều chứa đựng các bài học về đạo đức, lối sống, tinh thần yêu nước, khát vọng cống hiến. Việc tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống và lý tưởng cách mạng trong hoạt động đọc hiểu giúp HS tiếp nhận tri thức không chỉ bằng lý trí mà còn qua cảm xúc thẩm mỹ, từ đó hình thành niềm tin, thái độ sống tích cực. Khơi gợi lòng tự hào dân tộc, trách nhiệm công dân, đồng thời định hướng khát vọng vươn lên, cống hiến cho gia đình, cộng đồng, đất nước. Đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm của CT GDPT 2018.

Thông qua hoạt động đọc hiểu, việc tích hợp GD LTCM, ĐDLH hướng đến:

Về nhận thức: HS hiểu được những giá trị tư tưởng, nhân văn trong tác phẩm, từ đó rút ra bài học đạo đức, lối sống phù hợp.

Về thái độ: Nuôi dưỡng tình cảm cao đẹp: yêu quê hương, đất nước, kính trọng truyền thống, sống nhân ái, khoan dung, có trách nhiệm với cộng đồng.

Về hành động: HS biết vận dụng những bài học từ văn bản vào thực tiễn: ứng xử văn minh, có ý thức học tập, rèn luyện, phấn đấu vì tập thể và Tổ quốc.

Cách thức tổ chức tích hợp trong đọc hiểu văn bản:

Bước 1: Lựa chọn và khai thác văn bản

- Lựa chọn các văn bản có nội dung về tình yêu quê hương, đất nước, nhân sinh quan tích cực, khát vọng sống đẹp (ví dụ: “Tuyên ngôn độc lập”, “Vĩnh biệt cửu trùng đài,...).

- Ngoài ra, GV có thể lựa chọn một số văn bản giàu ý nghĩa nhân văn, phản ánh khát vọng cống hiến của thế hệ trẻ ngoài chương trình.

Bước 2: Thiết kế hệ thống câu hỏi – nhiệm vụ đọc hiểu

- Khơi gợi nhận thức: Câu hỏi tìm ý, phát hiện chi tiết thể hiện lý tưởng sống, tinh thần trách nhiệm, khát vọng cống hiến.

- Kết nối cảm xúc – thái độ: Câu hỏi hướng học sinh bày tỏ suy nghĩ, cảm nhận về nhân vật, tác giả, quan điểm sống.

- Vận dụng – liên hệ: Câu hỏi gắn với thực tiễn: Học sinh liên hệ với bản thân, thời đại, trách nhiệm của thế hệ trẻ hiện nay.

Bước 3: Tổ chức hoạt động trên lớp

- Tổ chức thảo luận nhóm: HS trao đổi, phản biện về cách hiểu lý tưởng cách mạng, khát vọng sống đẹp qua văn bản.

- Đóng vai/ diễn xướng: Tái hiện nhân vật, tình huống để nhập vai và rút ra bài học đạo đức.

- Viết phản hồi/nghị luận: HS viết đoạn văn, bài nghị luận ngắn về ý nghĩa của khát vọng cống hiến, từ đó gắn với trách nhiệm cá nhân.

Bước 4: Mở rộng – phát triển sau đọc

- GV gợi ý HS tham gia các hoạt động trải nghiệm, tình nguyện, dự án cộng đồng để hiện thực hóa những lý tưởng, khát vọng học được từ văn bản.

- Khuyến khích HS viết nhật ký đọc sách, chia sẻ cảm nhận với bạn bè, từ đó lan tỏa giá trị sống tốt đẹp.

Hình thức 2: tích hợp qua hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm trong môn Ngữ văn là “cầu nối” giữa bài học và đời sống. Không chỉ dừng lại ở việc cảm thụ tác phẩm, HS còn được sống, được hành động và sáng tạo dựa trên cảm hứng văn chương. Việc tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng, khát vọng cống hiến thông qua hoạt động trải nghiệm giúp HS biến tri thức văn học thành hành động thực tế, rèn luyện phẩm chất và kỹ năng sống. Qua đó, nuôi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết và ý thức trách nhiệm xã hội. Góp phần hình thành khát vọng cống hiến, sống có lý tưởng, gắn việc học Ngữ văn với sự phát triển nhân cách toàn diện của thế hệ trẻ trong thời đại mới.

Khi tổ chức hoạt động trải nghiệm tích hợp, cần hướng tới:

Về nhận thức: HS hiểu mối liên hệ giữa tác phẩm văn học với đời sống, rút ra bài học đạo đức, lý tưởng từ những hình tượng văn chương.

Về thái độ: HS có tình cảm tích cực: yêu thương con người, biết sẻ chia, đồng cảm, có ý thức cống hiến vì tập thể và cộng đồng.

Về hành động: HS tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, sáng tác hoặc truyền thông, từ đó lan tỏa những giá trị tốt đẹp, biến ý tưởng thành việc làm thiết thực.

Cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm như:

- Tham quan bảo tàng lịch sử, viết nhật ký trải nghiệm về tinh thần độc lập, tự do.

- Tổ chức triển lãm, tọa đàm, diễn đàn văn học: trao đổi, tranh biện về giá trị sống, lý tưởng cách mạng được gợi ra từ văn bản; thảo luận “Trách nhiệm của thế hệ trẻ với đất nước hôm nay”, đọc – viết về “Học văn để sống đẹp, sống có ích”....

- Hoạt động tình nguyện, dự án cộng đồng: Tổ chức chương trình “Ngữ văn kết nối cuộc sống”: thăm gia đình chính sách, tham gia bảo vệ môi trường, viết bài cảm nhận hoặc ghi nhật ký trải nghiệm, dự án tìm hiểu những nghề thầm lặng cống hiến cho xã hội, làm video phóng sự ngắn.

- Sân khấu hóa – sáng tạo nghệ thuật: Dàn dựng tiểu phẩm, thơ ca, nhạc kịch tái hiện nhân vật, tình huống văn học, từ đó gửi gắm thông điệp đạo đức, khát vọng công hiến.

- Hoạt động nghiên cứu – sáng tác: Khuyến khích HS viết truyện ngắn, thơ, bài báo nhỏ về đề tài lý tưởng sống, đạo đức, trách nhiệm tuổi trẻ.

- Khuyến khích HS lan tỏa trải nghiệm qua mạng xã hội học đường: viết status, làm infographic, clip ngắn... để chia sẻ thông điệp tích cực

3.2.2. Một số lưu ý khi kiểm tra, đánh giá các nội dung tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong môn Ngữ văn

3.2.2.1. Yêu cầu về kiểm tra, đánh giá trong tích hợp nội dung GD LTCM, ĐĐLS trong môn Ngữ văn

Đánh giá kết quả học tập của HS là một hoạt động rất quan trọng trong công tác GD của nhà trường phổ thông. Đó quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của HS nhằm tạo cơ sở cho những điều chỉnh sự phạm của GV, cho các giải pháp của các cấp quản lý GD và cho bản thân HS, để HS học tập đạt kết quả tốt hơn. Đánh giá kết quả học tập của HS khi GV tiến hành dạy học tích hợp GD LTCM, ĐĐLS cho HS có đặc trưng riêng do yêu cầu về mục tiêu, về cách thức tổ chức bài học và phương pháp dạy học có khác biệt so với việc tiến hành các bài học bình thường. Tuy nhiên cách đánh giá kết quả học tập của HS vẫn cần đảm bảo những yêu cầu chung của công tác đánh giá. Đó là:

- (1) Bảo đảm tính khách quan, toàn diện, khoa học và trung thực;
- (2) Căn cứ vào YCCĐ về phẩm chất và năng lực của môn học Ngữ văn, vào mục tiêu GD LTCM, ĐĐLS được xác định ở từng bài/hoạt động;
- (3) Phối hợp giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS;
- (4) Kết hợp các hình thức đánh giá khác nhau (tự luận, trắc nghiệm khách quan, quan sát, sản phẩm,...).

Trong đánh giá kết quả học tập của HS khi dạy học tích hợp GD LTCM, ĐĐLS cho HS cần lưu ý không chỉ đánh giá những kiến thức HS lĩnh hội được mà còn đánh giá HS ở năng lực vận dụng các kiến thức đó để giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, cần đánh giá việc hoàn thành những nhiệm vụ của HS do GV giao hoặc theo sự phân công trong nhóm. Khi được giao một nhiệm vụ học tập cụ thể, kết quả hoàn thành nhiệm vụ phải được HS thể hiện qua việc trình bày miệng hoặc trên giấy hoặc trình bày một sản phẩm, một báo cáo; trả lời câu hỏi; ... Quan sát việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS cùng những sản phẩm cụ thể ta có thể nhận biết mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các em.

Trong các câu hỏi của bài kiểm tra định kì, thường xuyên, GV nên thiết kế

một câu hỏi có nội dung liên quan đến GD LTCM, ĐĐLS cho HS, tạo cơ hội để HS thể hiện ý kiến, quan điểm cá nhân về các tình huống liên quan đến LTCM, ĐĐLS hoặc những hiểu biết về LTCM, ĐĐLS liên quan đến nội dung bài học.

Ví dụ, để thực hiện mục tiêu GD LTCM, ĐĐLS cho HS, GV có thể xây dựng các câu hỏi đánh giá kỹ năng viết theo các chủ đề như:

1. Viết bài luận (khoảng 800 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về ý thức trách nhiệm của người trẻ với cộng đồng trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

2. Cha ông ta từng khuyên nhủ:

“Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”

(Ca dao)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận khoảng 800 chữ bàn về ý nghĩa của câu ca dao trên.

Hoặc để giáo dục kiến thức về lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc có thể xây dựng câu hỏi yêu cầu viết luận như sau:

Tưởng tượng anh/chị được tham dự và trình bày tham luận tại một diễn đàn giao lưu văn hóa quốc tế, hãy viết một bài luận với nhan đề: Điều khiến tôi tự hào nhất về văn hóa Việt Nam.

Trong đánh giá kết quả học tập môn học, thang điểm 10/10 được sử dụng để đánh giá theo quy định, có thể dành một phần điểm đó cho việc đánh giá kết quả giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, khát vọng cống hiến của HS. Có thể dành từ 1 đến 2 điểm cho những câu hỏi về kiến thức liên quan đến GD LTCM, ĐĐLS hoặc về kỹ năng liên quan đến việc tìm hiểu nội dung về LTCM, ĐĐLS.

Ví dụ, khi kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*” trích “*Vũ Như Tô*” của Nguyễn Huy Tưởng, GV có thể thiết kế một câu hỏi ở mức độ vận dụng như:

Theo anh/chị, để sự cống hiến của mình thực sự có ý nghĩa, chúng ta cần phải cân nhắc những yếu tố nào?

3.2.2. Một số lưu ý khi kiểm tra, đánh giá nội dung tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong môn Ngữ văn

3.2.2.1. Đánh giá qua sản phẩm học tập

Đây là phương pháp phổ biến và hiệu quả, tập trung vào các sản phẩm cụ thể mà HS tạo ra trong quá trình học tập. Các sản phẩm này không chỉ thể hiện kiến thức mà còn bộc lộ thái độ, quan điểm và cảm xúc của HS đối với các vấn đề đạo đức, lý tưởng.

- Đánh giá qua bài viết nghị luận: Đánh giá khả năng phân tích, tổng hợp, thể hiện quan điểm cá nhân của HS về các vấn đề đạo đức, xã hội, lý tưởng qua các tác phẩm văn học.

Với bài viết luận, khi xây dựng đáp án và hướng dẫn chấm, cần dành một tỉ lệ điểm thích hợp để đánh giá năng lực lập luận để bảo vệ quan điểm. Ví dụ, thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức, lối sống cho HS, GV có thể thiết kế câu hỏi: “Viết bài luận khoảng 600 chữ bàn về mối quan hệ giữa trang phục và văn hoá”.

Với câu hỏi này, hướng dẫn chấm cần tập trung đánh giá nhận thức của HS về ý thức xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh với những gợi ý sau:

Có thể trình bày bài văn theo nhiều cách trên cơ sở đáp ứng những yêu cầu của kiểu bài nghị luận xã hội và bảo đảm những nội dung sau:

+ Trang phục là những đồ dùng để mặc, để đội, đeo,... có chức năng bảo vệ thân thể và làm đẹp.

+ Văn hoá là một khái niệm rộng nhưng trong phạm vi yêu cầu của đề, văn hoá được hiểu là những giá trị làm nên vẻ đẹp trí tuệ, tâm hồn, nhân cách,... của con người; là khả năng ứng xử phù hợp với những chuẩn mực xã hội.

+ Trang phục là phần thể hiện ra bên ngoài của văn hoá, thông qua trang phục, có thể đánh giá được văn hoá của mỗi người.

+ Trang phục có thể làm đẹp cho con người nhưng không phải trong trường hợp nào nó cũng thể hiện là người có văn hoá. Trang phục chỉ thể hiện là người có văn hoá khi có tính phù hợp: phù hợp với dáng vóc cá nhân; phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh gia đình; phù hợp với môi trường công việc, xã hội,...

+ Hiện nay, có không ít quan niệm sai lầm về trang phục. Điều đó đã tạo ra những hiện tượng trái với thuần phong, mỹ tục, chuẩn mực xã hội,...

+ Bài học kinh nghiệm: biết chọn trang phục sao cho phù hợp với bản thân, phù hợp với hoàn cảnh.

- Đánh giá qua bài thuyết trình: Đánh giá khả năng trình bày, lập luận, tương tác và truyền đạt thông điệp của HS về các giá trị đạo đức, lý tưởng cách mạng.

- Đánh giá qua dự án học tập: Đánh giá khả năng làm việc nhóm, nghiên cứu, sáng tạo và vận dụng kiến thức của HS vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề liên quan đến đạo đức, lối sống.

- Đánh giá qua sản phẩm sáng tạo (sáng tác thơ, sáng tác truyện ngắn, viết kịch bản, vẽ tranh,...): Đánh giá khả năng cảm thụ, thể hiện cảm xúc và tư tưởng của HS thông qua các hình thức nghệ thuật, thể hiện sự thấu hiểu về lý tưởng và đạo đức.

Với những công cụ đánh giá này (bài thuyết trình, dự án, sản phẩm sáng tạo) cần xây dựng các bảng kiểm để đánh giá mức độ nhận thức về lý tưởng,

những quan niệm về hành động để thực hiện lí tưởng, đạo đức, lối sống. Ví dụ, để đánh giá bài thuyết trình về một vấn đề thuộc chủ đề LTCM, ĐĐLS, GV có thể thiết kế bảng kiểm như sau:

TT	Chỉ báo	Mức độ		
		Tốt	Đạt	Chưa đạt
1	Bài thuyết trình nêu quan điểm rõ ràng			
2	Quan điểm của người trình bày phù hợp với những chuẩn mực về đạo đức, văn hóa, pháp luật			
3	Tính mạch lạc giữa các phần			
4	Tính rõ ràng của các luận điểm			
5	Sự rõ ràng của ngôn ngữ nói			
6	Mức độ hỗ trợ của những phương tiện kĩ thuật			
7	Sự hỗ trợ của những cử chỉ phi ngôn ngữ			

3.2.2.2. Đánh giá qua quan sát

PP này cho phép GV nắm bắt được quá trình học tập, sự tương tác và biểu hiện của HS trong các hoạt động trên lớp.

- Đánh giá qua quan sát thái độ và hành vi: Ghi nhận sự tham gia tích cực của HS vào các hoạt động thảo luận, tranh biện về các vấn đề đạo đức, lý tưởng; mức độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác.

- Đánh giá qua quan sát khả năng vận dụng: Đánh giá việc HS liên hệ, vận dụng kiến thức về lý tưởng, đạo đức vào các tình huống thực tiễn trong cuộc sống hàng ngày.

- Đánh giá qua quan sát sự tiến bộ: Theo dõi sự thay đổi trong nhận thức, thái độ và hành vi của HS theo thời gian.

Để quan sát đạt hiệu quả, GV cần: Xác định mục tiêu đánh giá, địa điểm, thời gian và đối tượng quan sát; Xây dựng bảng kiểm hoặc bảng tiêu chí quan sát, thang điểm; Căn cứ vào bảng kiểm hoặc bảng các tiêu chí để ghi kết quả quan sát.

3.2.2.3. Đánh giá qua vấn đáp, phỏng vấn

PP này giúp GV đi sâu vào suy nghĩ, cảm nhận của HS, đồng thời đánh giá khả năng diễn đạt và lập luận.

- Đánh giá qua vấn đáp trực tiếp: Đặt câu hỏi mở để HS trình bày quan điểm, cảm nhận về các nhân vật, sự kiện, vấn đề đạo đức trong tác phẩm.

- Đánh giá qua phỏng vấn cá nhân/nhóm: Khai thác sâu hơn về những trải nghiệm, suy nghĩ của HS liên quan đến lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống.

3.2.2.4. *Đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá*

Khuyến khích HS chủ động tham gia vào quá trình đánh giá, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm và khả năng tự phản biện.

- Đánh giá đồng đẳng: HS đánh giá lẫn nhau về sản phẩm học tập, bài thuyết trình, bài viết/ báo cáo hoặc thái độ tham gia hoạt động. Tiêu điểm của đánh giá là phân tích và nhận xét mang tính tích cực về sản phẩm, kết quả học tập của bạn.

- Tự đánh giá: HS tự nhìn nhận, đánh giá về quá trình học tập, sản phẩm của bản thân, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm.

GV nên làm mẫu và nhận xét. HS có thể bắt đầu bằng cách viết những suy xét của mình ra giấy hoặc nói với những bạn khác. Từ đó HS hiểu được đâu là điểm mạnh của mình và thông qua câu trả lời của HS, GV cũng có thể đáp ứng được nhu cầu học tập của các em. Khi HS đánh giá các hoạt động và mức độ đạt được của mình qua bài viết, báo cáo, các em sẽ có những điều chỉnh hoạt động học của mình.

3.2.2.5. *Một số công cụ đánh giá*

Rubric (phiếu đánh giá)

Đây là công cụ hữu hiệu nhất để đánh giá các sản phẩm học tập và hoạt động của HS trong dạy học tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong môn Ngữ văn. Rubric giúp cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá và các mức độ đạt được, đảm bảo tính khách quan và minh bạch.

- Rubric đánh giá bài viết nghị luận: Bao gồm các tiêu chí về nội dung (thể hiện lý tưởng, đạo đức), hình thức (cấu trúc, diễn đạt), lập luận, dẫn chứng.

- Rubric đánh giá bài thuyết trình: Bao gồm các tiêu chí về nội dung, kỹ năng trình bày, khả năng tương tác, sự tự tin.

- Rubric đánh giá dự án học tập: Bao gồm các tiêu chí về quá trình thực hiện, sản phẩm cuối cùng, khả năng làm việc nhóm, tính sáng tạo.

Phiếu quan sát

Dùng để ghi nhận các biểu hiện về thái độ, hành vi, sự tham gia của HS trong các hoạt động học tập của môn Ngữ văn.

- Phiếu quan sát thái độ học tập: Ghi nhận mức độ tích cực tham gia thảo luận, tôn trọng ý kiến, khả năng lắng nghe.

- Phiếu quan sát kỹ năng làm việc nhóm: Ghi nhận mức độ hợp tác, chia sẻ trách nhiệm, giải quyết vấn đề.

Bảng kiểm (checklist)

Giúp kiểm tra nhanh các tiêu chí đã hoàn thành hoặc các kỹ năng đã đạt được.

- Bảng kiểm kiến thức: Liệt kê các kiến thức trọng tâm về lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cần học sinh nắm vững.

- Bảng kiểm kỹ năng: Liệt kê các kỹ năng cần có (ví dụ: kỹ năng phân tích văn bản, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập luận).

Câu hỏi vấn đáp/Phỏng vấn

Chuẩn bị sẵn các câu hỏi gợi mở, kích thích tư duy, giúp giáo viên nắm bắt sâu hơn về nhận thức và cảm xúc của HS

Câu hỏi về cảm nhận tác phẩm: "Em cảm nhận gì về nhân vật X trong tác phẩm Y? Nhân vật đó đã truyền tải thông điệp đạo đức nào?"

Câu hỏi liên hệ thực tiễn: "Theo em, những giá trị đạo đức được đề cập trong tác phẩm này có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống hiện nay?"

Nhật ký học tập

HS ghi lại quá trình học tập, suy nghĩ, cảm nhận và những điều học được về lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống. Đây là công cụ hữu ích cho việc tự đánh giá và GV có thể hiểu sâu hơn về quá trình nhận thức của HS.

3.3. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

3.3.1. Một số hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, HN tích hợp GD LTCM, ĐĐLS

3.3.1.1. Hình thức tổ chức các hoạt động tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống

Hình thức khám phá

Hình thức khám phá là một phương thức tổ chức giàu tính trải nghiệm, tạo điều kiện để học sinh tiếp xúc trực tiếp với môi trường sống thực tiễn - từ đó quan sát, cảm nhận và phản ánh các vấn đề liên quan đến đạo đức, lối sống và nghề nghiệp. Khác với việc học lý thuyết thuần túy, hoạt động khám phá giúp học sinh chủ động học hỏi qua trải nghiệm thật, từ đó hình thành cảm xúc tích cực, khơi gợi tinh thần trách nhiệm và ý thức công dân. Với lứa tuổi HS THPT - đang trong quá trình định hình nhân cách, khám phá bản thân và định hướng tương lai - đây là một hình thức vô cùng phù hợp và hiệu quả. Thông qua quá trình khám phá, HS không chỉ thu nhận tri thức mới, mà còn học cách nhìn nhận các giá trị đạo đức trong đời sống thực tế, như sự sẻ chia, tinh thần tương thân tương ái, lối sống tiết kiệm - xanh - nhân văn. Các em được khuyến khích vận dụng tư duy phản biện, năng lực phân tích và trí tưởng tượng để đánh giá các hành vi, hiện tượng xã hội theo chuẩn mực đạo đức, từ đó điều chỉnh thái độ và hành vi của chính mình.

GV có thể thiết kế các hoạt động khám phá gắn với các chủ đề ĐDLs cụ thể như: Khám phá và quan sát thực tế tại địa phương: thăm làng nghề, di tích lịch sử, cơ sở từ thiện, trung tâm bảo trợ, khu dân cư văn minh...; Trải nghiệm không gian nghề nghiệp: tham quan doanh nghiệp, xưởng sản xuất, mô hình kinh tế xanh, hợp tác xã, tổ chức cộng đồng...; Tiếp cận cá nhân truyền cảm hứng: phỏng vấn người có ảnh hưởng tích cực trong cộng đồng (tình nguyện viên, giáo viên, doanh nhân xã hội, người vượt khó...).

Để đảm bảo tính giáo dục và hiệu quả tích hợp, mỗi hoạt động khám phá cần gắn với một hoặc một số phẩm chất cụ thể theo Chương trình GDPT 2018. Ví dụ: nếu hoạt động khám phá hướng tới xây dựng lòng nhân ái, có thể tích hợp yêu cầu 2.2 (Giáo dục lòng nhân ái); nếu chú trọng nâng cao ý thức cộng đồng, có thể gắn với yêu cầu 1.3 (Trách nhiệm xây dựng cộng đồng); trong khi các chủ đề liên quan đến kỷ luật, quy tắc sẽ phù hợp với 3.2 (Giáo dục ý thức kỷ luật, tuân thủ); và hoạt động rèn luyện sự trung thực, tự chủ có thể tích hợp yêu cầu 2.3. Đây là bước quan trọng để học sinh rút ra bài học từ hoạt động, chuyển hóa trải nghiệm thành nhận thức và thái độ sống. GV có thể tổ chức các đề HS tự nhìn lại và chia sẻ bài học như thảo luận nhóm, chia sẻ cảm xúc, viết nhật ký cá nhân, trình bày suy nghĩ trước lớp... Những hoạt động này giúp HS nhìn lại hành vi, cảm nhận giá trị đạo đức và xác lập lập trường cá nhân tích cực. Để ghi nhận sự phát triển ĐDLs của HS một cách khách quan, GV nên kết hợp nhiều công cụ đánh giá như: bảng tiêu chí rubric (đánh giá theo mức độ thể hiện thái độ, hành vi, kết quả), phiếu quan sát, phản hồi nhóm, bảng tự đánh giá hoặc nhật ký trải nghiệm. Việc đánh giá không chỉ nhằm chấm điểm mà còn hướng tới hỗ trợ sự trưởng thành của mỗi HS.

Quan trọng hơn, hình thức khám phá mở ra cơ hội định hướng nghề nghiệp thực tiễn cho HS. Việc quan sát môi trường làm việc, hiểu vai trò xã hội của từng ngành nghề, tiếp xúc với người lao động cụ thể giúp HS như: Nhận diện những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: như tinh thần cống hiến, lòng trung thực, sự chuyên nghiệp, trách nhiệm xã hội...; Phát triển kỹ năng nghề nghiệp nền tảng: như giao tiếp, quan sát, tổ chức thông tin, hợp tác nhóm...; Hiểu sâu sắc hơn về ý nghĩa của lao động và sự đóng góp của cá nhân cho cộng đồng - từ đó khơi dậy động lực học tập và xây dựng kế hoạch nghề nghiệp gắn với giá trị sống tích cực. Như vậy, hoạt động khám phá không chỉ là hành trình đi ra ngoài lớp học, mà là hành trình vào sâu bên trong nhân cách của mỗi HS - nơi các em được trải nghiệm, được cảm nhận và từng bước hình thành những phẩm chất đạo đức, giá trị sống và động lực nghề nghiệp bền vững.

Hình thức thể nghiệm - tương tác

Hình thức thể nghiệm - tương tác là phương thức tổ chức mang tính thực hành cao, đóng vai trò thiết yếu trong việc giúp HS phát triển nhân cách một cách chủ động, sinh động và gần gũi. Thay vì tiếp thu kiến thức một chiều, HS được trực tiếp tham gia, phản hồi và trải nghiệm thông qua các tình huống giả định, trò

chơi mô phỏng, thảo luận nhóm, sân khấu hóa, tranh biện và các hoạt động thi đua học tập. Những hoạt động này tạo điều kiện cho HS đối diện với các vấn đề đạo đức, xã hội thực tiễn, từ đó hình thành và điều chỉnh hành vi, thái độ phù hợp với chuẩn mực đạo đức, lối sống tích cực và văn hóa ứng xử học đường. Thông qua hình thức thể nghiệm - tương tác, HS được khuyến khích bày tỏ chính kiến, cảm xúc, lựa chọn và lập luận về những vấn đề liên quan đến trách nhiệm cá nhân, quan hệ bạn bè, sử dụng mạng xã hội, phản ứng trước hành vi sai trái...; phát triển kỹ năng sống như quản lý cảm xúc, hợp tác nhóm, tư duy phản biện, ra quyết định - những kỹ năng thiết yếu trong học tập, cuộc sống và công việc tương lai; xây dựng giá trị đạo đức: HS hình thành lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm, trung thực, tôn trọng sự khác biệt và ý thức cộng đồng thông qua nhập vai và trải nghiệm cảm xúc của người trong cuộc. Ví dụ một số hình thức tổ chức cụ thể có thể được giáo viên triển khai như:

- Sân khấu hóa tình huống đạo đức: HS đóng vai xử lý mâu thuẫn nhóm, hành vi nói xấu trên mạng, ứng xử với người khuyết tật... phù hợp với tiêu chí về trách nhiệm, văn hóa mạng, lòng nhân ái.

- Diễn đàn học sinh: với chủ đề như *“Nếu là em, em sẽ làm gì?”*, *“Trách nhiệm và sự lựa chọn”*, giúp học sinh phản biện, thể hiện lập trường cá nhân - gắn với yêu cầu về chính kiến đạo đức và tư duy độc lập.

- Trò chơi mô phỏng thực tế: như *“Bản tin tin giả - sự thật”*, *“Chiếc ghế nóng”*, *“Cửa ải lòng trung thực”* nhằm tạo tình huống thử thách đạo đức và khả năng xử lý.

- Hội thi kỹ năng sống - đạo đức học đường: thi viết thông điệp sống đẹp, thuyết trình ngắn, thiết kế poster hoặc sản xuất clip truyền thông phù hợp với yêu cầu rèn luyện năng lực trình bày, tư duy sáng tạo, hợp tác.

Mỗi hoạt động nên được thiết kế theo hướng mở, tạo điều kiện cho tất cả HS đều có cơ hội thể hiện và phản ánh, kể cả những HS nhút nhát hoặc ít nói. Việc GV tổ chức trao đổi sau hoạt động là rất quan trọng, không chỉ để đánh giá, mà còn giúp HS rút ra bài học, hình thành nhận thức đạo đức từ chính trải nghiệm của bản thân. Ngoài giá trị giáo dục đạo đức, hình thức thể nghiệm - tương tác còn đóng vai trò quan trọng trong định hướng nghề nghiệp. Khi HS được nhập vai các nghề như luật sư, nhà báo, giáo viên, bác sĩ... trong các tình huống nghề nghiệp cụ thể, các em sẽ hiểu rõ hơn về tính chất công việc, khám phá khả năng và sở thích cá nhân, từ đó định hình hướng đi phù hợp. Đây là bước đầu giúp HS chuẩn bị hành trang năng lực mềm và nhận thức nghề nghiệp trong tương lai. Cuối cùng, sự tham gia tích cực, được ghi nhận, được lắng nghe và đánh giá công bằng trong các hoạt động thể nghiệm sẽ giúp học sinh phát triển lòng tự tin, khẳng định giá trị cá nhân - nền tảng thiết yếu để lựa chọn nghề nghiệp đúng đắn và sống có lý tưởng trong xã hội hiện đại.

Hình thức công hiến

Cống hiến là một hình thức quan trọng trong HĐTNHN, góp phần trực tiếp vào việc hình thành nhân cách sống có trách nhiệm, giàu lòng nhân ái và gắn bó với cộng đồng ở học sinh. Thông qua các hoạt động phục vụ cộng đồng, HS không chỉ thực hành các giá trị đạo đức như yêu thương, sẻ chia, trung thực, trách nhiệm, mà còn phát triển các năng lực thiết yếu như làm việc nhóm, tổ chức, lãnh đạo, và giao tiếp - nền tảng cho việc trưởng thành về nhân cách và nghề nghiệp.

GV có thể tổ chức hình thức cống hiến dưới nhiều dạng phong phú, gắn với thực tiễn đời sống học đường và cộng đồng địa phương. Ví dụ như:

- Chiến dịch “Ngày Chủ nhật xanh”: HS tham gia làm sạch môi trường trường lớp, vẽ tranh tường với thông điệp bảo vệ môi trường, trồng cây xanh – nhằm giáo dục ý thức sống xanh, sống có trách nhiệm với thiên nhiên (tích hợp nội dung 3.4).

- Hoạt động tương thân tương ái: HS quyên tự nguyện góp quần áo, sách vở cũ, gây quỹ hoặc tổ chức “Phiên chợ 0 đồng”, làm thiệp, quà tặng gửi đến người già neo đơn, trẻ em khó khăn, giúp nuôi dưỡng lòng nhân ái, tình đoàn kết và sự sẻ chia (tích hợp nội dung 2.1, 2.5).

- Dịch vụ cộng đồng trong trường: HS tham gia trực nhật thư viện, chăm sóc cây cảnh, hỗ trợ công tác tổ chức sự kiện, phụ trách truyền thông nội bộ... nhằm xây dựng tinh thần tập thể, tôn trọng nội quy, trách nhiệm với tập thể (tích hợp nội dung 3.2, 2.3).

- Dự án “Em là tuyên truyền viên nhỏ”: HS thiết kế sản phẩm truyền thông về phòng chống bạo lực học đường, an toàn giao thông, văn hóa mạng... rèn luyện tư duy phản biện, khả năng truyền đạt thông điệp tích cực, đồng thời nâng cao nhận thức về các hành vi ứng xử đúng chuẩn mực đạo đức (tích hợp nội dung 2.4, 3.3, 3.4).

Các hoạt động nên được tổ chức theo nhóm, có phân công vai trò rõ ràng (trưởng nhóm, người ghi chép, người phụ trách truyền thông...), khuyến khích HS tham gia từ giai đoạn lên ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện đến đánh giá và cải tiến. Việc học sinh tham gia trọn vẹn quy trình này giúp các em phát triển sự chủ động, tư duy hệ thống, kỹ năng phản tư - những phẩm chất nền tảng cho công dân thế kỷ 21.

Điều quan trọng là giáo viên phải giúp HS hiểu rằng: cống hiến không phải là công việc miễn cưỡng, mà là một cách thể hiện đạo đức và lý tưởng sống. Bằng cách gắn kết các hoạt động với nội dung GD ĐĐLS, GV tạo ra trải nghiệm giáo dục mang tính lan tỏa, sâu sắc và phù hợp với mọi HS - dù khác biệt về hoàn cảnh hay năng lực. Ngoài ra, hình thức cống hiến cũng là cầu nối hiệu quả giữa giáo dục đạo đức và định hướng nghề nghiệp. Khi tham gia phục vụ cộng đồng, HS có thể khám phá năng lực cá nhân như khả năng chăm sóc người khác (phù hợp ngành y, xã hội), năng lực truyền thông (phù hợp các nghề báo chí, truyền thông...), năng lực quản lý (phù hợp ngành tổ chức sự kiện, kinh doanh...). Quan

trọng hơn, các em dần nhận thức được rằng nghề nghiệp không chỉ là con đường mưu sinh, mà còn là phương tiện để đóng góp cho xã hội. Những trải nghiệm nhỏ trong hoạt động công hiến hôm nay chính là nền tảng để HS nuôi dưỡng lý tưởng sống có ích, từ đó xây dựng kế hoạch học tập và nghề nghiệp gắn với trách nhiệm xã hội - đúng tinh thần “lập thân, lập nghiệp” của công dân hiện đại.

Hình thức nghiên cứu

Hình thức nghiên cứu là một cách tổ chức giàu tính khám phá trong HĐTNHN. Thông qua nghiên cứu, HS được kết nối giữa kiến thức đã học với các vấn đề đạo đức, văn hóa và xã hội xung quanh, từ đó phát triển tư duy phản biện, khả năng phân tích, năng lực ra quyết định và hình thành hành vi sống có trách nhiệm. Hoạt động nghiên cứu trong nhà trường phổ thông có thể được triển khai dưới hình thức cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ. GV có thể hướng dẫn HS lựa chọn các chủ đề gần gũi với cuộc sống học đường và cộng đồng địa phương, đồng thời định hướng rõ giá trị ĐĐLS cần hình thành qua quá trình tìm hiểu, ví dụ:

- Phát triển tinh thần trách nhiệm với cộng đồng (Nội dung 1.3): Đề tài “Khảo sát hành vi xả rác trong trường và đề xuất giải pháp giảm thiểu” hay “Vai trò của học sinh trong xây dựng lớp học xanh, sạch, đẹp”.

- Nuôi dưỡng lòng nhân ái (Nội dung 2.2): Đề tài “Tìm hiểu nhu cầu hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn” hoặc “Vai trò của học sinh trong các hoạt động thiện nguyện tại trường”.

- Tự trọng, trung thực, tự chủ (Nội dung 2.3, 2.4): Đề tài “Khảo sát ý kiến học sinh về hành vi gian lận trong học tập” hoặc “Tìm hiểu biểu hiện thiếu trung thực trên mạng xã hội”.

- Ý thức kỷ luật và hành vi ứng xử văn minh (Nội dung 3.2, 3.4): Đề tài “Nghiên cứu hiện tượng vi phạm nội quy trong trường học và biện pháp khắc phục”, “Khảo sát văn hóa ứng xử trên mạng xã hội của học sinh THPT”.

- Tự hào văn hóa dân tộc, bảo tồn bản sắc (Nội dung 1.4, 2.1): Đề tài “Tìm hiểu di sản văn hóa tại địa phương và đề xuất hoạt động tuyên truyền trong học đường”, hoặc “Sưu tầm và giới thiệu món ăn dân gian - nét văn hóa trong gia đình người Việt”.

Trong quá trình thực hiện, HS được hướng dẫn các kỹ năng như xây dựng câu hỏi nghiên cứu, phỏng vấn, ghi chép, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả. Các sản phẩm nghiên cứu có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức: sơ đồ tư duy, bài viết báo cáo, video phóng sự ngắn, mô hình minh họa, bản tin tuyên truyền hoặc triển lãm sản phẩm. Sau quá trình nghiên cứu, GV nên tổ chức chia sẻ theo nhóm hoặc toàn lớp để HS có cơ hội trao đổi, học hỏi lẫn nhau, đồng thời rút ra bài học đạo đức từ chính trải nghiệm nghiên cứu của mình. Những buổi thảo luận mở như vậy sẽ giúp HS hình thành năng lực giao tiếp, tư duy độc lập, kỹ năng làm việc nhóm và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt, thông qua việc

nghiên cứu các vấn đề xã hội và nghề nghiệp, HS còn có cơ hội khám phá năng lực, sở thích cá nhân trong nhiều vai trò như: người tổ chức, người khảo sát, người thiết kế, người truyền thông... Qua đó, các em có thêm dữ liệu để xác định hướng học tập và nghề nghiệp tương lai phù hợp với giá trị sống và năng lực cá nhân.

Hình thức dự án- sáng tạo

Hình thức dự án – sáng tạo là một phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp mang tính ứng dụng cao, giúp HS phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức. Thay vì tiếp thu thụ động, HS được trực tiếp tham gia vào quá trình xác định vấn đề, lập kế hoạch, tìm giải pháp và triển khai thực hiện các nhiệm vụ gắn với đời sống thực tế. Qua đó, các em rèn luyện các phẩm chất như trách nhiệm, trung thực, nhân ái, yêu nước, tinh thần hợp tác và năng lực sáng tạo - những yếu tố quan trọng để phát triển bản thân và trở thành công dân tích cực trong xã hội. Các dự án được thiết kế linh hoạt theo từng chủ đề phù hợp với lứa tuổi và bối cảnh học đường, ví dụ:

- Chủ đề “Khám phá bản thân”: HS thực hiện nhật ký hành trình nghề nghiệp, khảo sát sở thích và năng lực cá nhân, từ đó xây dựng kế hoạch định hướng tương lai.

- Chủ đề “Chăm sóc và gắn kết gia đình”: HS thực hiện phỏng vấn người thân, dựng video “Một ngày cùng ba mẹ”, tổ chức “Ngày tri ân” nhằm thể hiện lòng biết ơn, nhân ái (Nội dung 2.2), trách nhiệm với gia đình (Nội dung 1.1).

- Chủ đề “Bảo vệ môi trường”: các em thiết kế chiến dịch truyền thông “Nói không với rác thải nhựa”, xây dựng mô hình tái chế, tổ chức “Ngày không rác” trong trường - rèn luyện trách nhiệm cộng đồng (Nội dung 1.3), kỷ luật (Nội dung 3.2).

- Chủ đề “Văn hóa mạng và ứng xử học đường”: HS xây dựng poster, video, kịch ngắn về cách ứng xử có văn hóa trên mạng xã hội, góp phần nâng cao nhận thức về trung thực (Nội dung 2.4), tự chủ (Nội dung 2.3), văn minh giao tiếp (Nội dung 3.4).

Trong quá trình thực hiện dự án, HS được chia nhóm với vai trò cụ thể: trưởng nhóm, thư ký, truyền thông, kỹ thuật... Việc phân công nhiệm vụ giúp các em rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức, lãnh đạo, đồng thời phát triển kỹ năng quản lý thời gian, giải quyết vấn đề, phản biện và ra quyết định. Sản phẩm của dự án có thể được thể hiện đa dạng: mô hình, tranh vẽ, video clip, báo tường, bài viết, slide thuyết trình, hoặc sân khấu hóa... GV có thể tổ chức ngày hội trưng bày, diễn đàn chia sẻ kết quả để HS học hỏi lẫn nhau, từ đó nâng cao ý thức tự đánh giá và xây dựng văn hóa học tập tích cực trong lớp, trong trường. Hình thức dự án - sáng tạo cũng là cầu nối hiệu quả với giáo dục hướng nghiệp. Qua việc tham gia dự án, HS có điều kiện thử sức trong các vai trò khác nhau: người viết nội dung, thiết kế truyền thông, điều phối nhóm, trình bày sản phẩm... Từ đó, các em từng bước nhận diện năng lực bản thân, hình thành khát vọng nghề nghiệp và

xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp với điều kiện thực tế và lý tưởng sống cá nhân.

3.3.1.2. Phương pháp tổ chức tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong HĐ TNHN

Phương pháp 1: Phương pháp tích hợp ĐĐLS qua trải nghiệm

Phương pháp trải nghiệm là một trong những phương pháp cốt lõi trong tổ chức HĐ TNHN ở trường phổ thông, đặc biệt hiệu quả khi tích hợp nội dung giáo dục ĐĐLS cho HS. Phương pháp này giúp HS “học qua làm”, được tham gia trực tiếp vào các tình huống gần gũi với đời sống, từ đó tự hình thành nhận thức, điều chỉnh thái độ và hành vi phù hợp với các chuẩn mực xã hội. Thay vì tiếp cận ĐĐ như những bài học lý thuyết khô khan, HS sẽ được trải nghiệm thực tế thông qua các hoạt động như: xử lý tình huống giao tiếp trong lớp học, đóng vai giải quyết mâu thuẫn, thực hiện nhiệm vụ nhóm, tổ chức chiến dịch truyền thông cộng đồng, chăm sóc người thân, thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân, bảo vệ môi trường... Qua đó, các em đối mặt với những tình huống có yếu tố đạo đức, cân nhắc lựa chọn hành vi, lắng nghe phản hồi từ bạn bè và thầy cô, từ đó tự điều chỉnh hành vi một cách chủ động. GV có thể thiết kế hoạt động trải nghiệm phù hợp với lứa tuổi và điều kiện thực tế như: trò chơi mô phỏng tình huống ứng xử, bài tập xây dựng kế hoạch, sự kiện “Sống tử tế mỗi ngày”, dự án “Em là tuyên truyền viên nhỏ”... Những hoạt động này giúp HS học qua hành động, suy ngẫm sau trải nghiệm, từ đó hình thành kỹ năng sống tích cực, hiểu đúng – sai và lý do nên chọn điều đúng. Điều quan trọng là trải nghiệm cần được thiết kế có định hướng, có mục tiêu rõ ràng, gắn với nội dung GD ĐĐLS cụ thể. GV cần đồng thời thực hiện quan sát, phản hồi và đánh giá thường xuyên để HS nhận ra tiến bộ của bản thân, có động lực phát triển và hoàn thiện nhân cách. Phương pháp này không chỉ giúp HS rèn luyện các kỹ năng xã hội thiết yếu như hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề, mà còn góp phần nuôi dưỡng nhân cách, khơi dậy tinh thần trách nhiệm, lòng nhân ái và thái độ sống tích cực - những yếu tố nền tảng trong giáo dục công dân và định hướng nghề nghiệp.

Phương pháp 2: Phương pháp nêu gương, thuyết phục và luyện tập

Phương pháp nêu gương, thuyết phục và luyện tập là một trong những trụ cột trong giáo dục ĐĐLS thông qua HĐTNHN ở trường phổ thông. Phương pháp này kết hợp ba yếu tố: **hành vi mẫu mực, sự thuyết phục bằng giá trị cảm xúc, và luyện tập hành vi tích cực một cách thường xuyên**. Đây là quá trình bền bỉ giúp HS từng bước hình thành thói quen sống văn minh, có trách nhiệm. GV, cha mẹ, người lớn trong cộng đồng, HS gương mẫu trong lớp đều có thể trở thành hình mẫu sống đẹp cho các em noi theo. Khi những hành động tích cực như giúp đỡ bạn, sống trung thực, tuân thủ nội quy... được lan tỏa và ghi nhận, sẽ tạo ra hiệu ứng tích cực trong tập thể. Những câu chuyện thực tế, những lời chia sẻ chân thành từ GV hay bạn bè, hoặc trải nghiệm trực tiếp của HS sẽ khơi dậy lòng đồng cảm, sự nhân ái và tinh thần trách nhiệm. Khi HS thực sự cảm nhận được giá trị

của điều tốt, các em sẽ sẵn sàng hành động để bảo vệ và lan tỏa giá trị ấy. Không phải hành vi đúng nào cũng hình thành trong một sớm một chiều. HS cần được tạo điều kiện thực hành các hành vi tích cực - như đúng giờ, giữ gìn vệ sinh, hỗ trợ bạn bè, hợp tác trong nhóm - lặp đi lặp lại trong các hoạt động trải nghiệm. Quan trọng hơn, các em cần được nhận xét, góp ý, và khen ngợi đúng lúc để có thêm động lực điều chỉnh hành vi.

Trong thực tiễn, GV có thể áp dụng phương pháp này qua nhiều hoạt động như: Dự án “Sống đẹp mỗi ngày” - lan tỏa hành động đẹp trong lớp; Ngày hội “Không rác thải” - tập thói quen giữ gìn môi trường; Sở tay “Sống tử tế” - HS ghi lại hành động tốt của bản thân và bạn bè; Diễn đàn chia sẻ “Người truyền cảm hứng của tôi” – kết nối giữa hình mẫu, giá trị và hành vi thực tế.

Phương pháp này đặc biệt phù hợp với HS THPT lứa tuổi đang định hình giá trị sống, có nhu cầu khẳng định bản thân và rất dễ bị ảnh hưởng bởi cách cư xử của những người xung quanh. Khi các em được tiếp xúc với những tấm gương sống tích cực, được lắng nghe, chia sẻ, động viên đúng lúc và rèn luyện trong môi trường học tập thân thiện, tích cực, các em sẽ dần hiểu và tin vào những giá trị đúng đắn. Từ đó, các em không chỉ biết điều tốt, mà còn sẵn sàng hành động đúng, sống có trách nhiệm và xây dựng nhân cách tốt đẹp cho chính mình.

Phương pháp 3: Phương pháp tổ chức theo nhóm, đóng vai, trò chơi và tạo sản phẩm

Đây là những phương pháp giàu tính tương tác, phù hợp với tâm lý lứa tuổi HS THPT – giai đoạn các em phát triển mạnh về tư duy xã hội, cảm xúc, và mong muốn khẳng định bản thân. Khi được triển khai linh hoạt trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, các phương pháp này không chỉ tạo hứng thú học tập mà còn là công cụ hiệu quả để tích hợp GD ĐĐLS một cách tự nhiên và sâu sắc.

Hoạt động nhóm đóng vai trò như một xã hội thu nhỏ. HS học cách hợp tác, giao tiếp, chia sẻ công việc, xử lý mâu thuẫn, điều chỉnh hành vi cá nhân để phù hợp với tập thể. Qua việc phân công rõ ràng (trưởng nhóm, thư ký, trình bày...), các em rèn luyện trách nhiệm, sự tôn trọng, trung thực và tinh thần gắn kết cộng đồng.

Hoạt động đóng vai và trò chơi mô phỏng cho phép HS nhập vai trong các tình huống đạo đức, từ đó trải nghiệm cảm xúc, quan điểm và nhu cầu của người khác. Đây là cách hiệu quả để HS học cách cảm thông, nhìn nhận đa chiều và đưa ra cách xử lý phù hợp với các tình huống xảy ra trong học đường và đời sống.

Hoạt động tạo sản phẩm như làm poster, video clip, viết truyện tranh, xây dựng mô hình... giúp HS thể hiện suy nghĩ và giá trị đạo đức thông qua hình thức sáng tạo. Đây là cơ hội để các em chủ động thể hiện chính kiến, luyện tư duy phản biện và lan tỏa những thông điệp tích cực tới bạn bè, cộng đồng.

Với HS THPT, những phương pháp này còn góp phần quan trọng vào việc giải quyết các vấn đề tâm lý lứa tuổi như: khẳng định cái tôi, tìm kiếm vị trí trong nhóm, vượt qua khó khăn trong giao tiếp và cảm xúc. Khi các em được làm việc nhóm để tổ chức chiến dịch tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường, tham gia trò chơi mô phỏng ứng xử văn minh trên mạng xã hội, hoặc thực hiện sản phẩm truyền thông bảo vệ môi trường, các em không chỉ học cách “sống đúng” mà còn được “trải nghiệm sống tử tế”. Phương pháp này giúp hình thành nhân cách, tinh thần trách nhiệm và văn hóa ứng xử tích cực - những yếu tố quan trọng để HS trở thành công dân chủ động, tự tin và có trách nhiệm với cộng đồng trong xã hội hiện đại.

3.3.2. Một số lưu ý khi kiểm tra, đánh giá nội dung tích hợp GD LTCM, ĐĐLS trong HĐTN,HN

Việc kiểm tra, đánh giá các nội dung tích hợp GD ĐĐLS trong HĐTN,HN đối với HS THPT nhằm hướng tới phát triển phẩm chất và năng lực của các em một cách thực chất, bền vững. Đánh giá không chỉ nhằm ghi nhận kết quả hoàn thành hoạt động, mà còn giúp theo dõi quá trình rèn luyện đạo đức, sự chuyển biến trong nhận thức, thái độ và hành vi của HS.

Đối với lứa tuổi THPT, việc đánh giá cần giúp các em hiểu rõ giá trị của hành vi đúng, tự nhận diện ưu - khuyết điểm, đồng thời biết cách điều chỉnh bản thân để hoàn thiện. Việc này cũng góp phần hình thành ý thức sống có trách nhiệm, trung thực, nhân ái, tôn trọng người khác và chủ động thích nghi với môi trường xã hội đa dạng.

Do đó, để hoạt động dạy học tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thực sự có hiệu quả, cần lưu ý một số vấn đề sau đây trong kiểm tra, đánh giá:

3.3.2.1. Mục tiêu đánh giá

- Ghi nhận mức độ tham gia tích cực của HS trong các hoạt động ĐĐLS;
- Xác định khả năng nhận diện tình huống đạo đức, giải quyết vấn đề, và ra quyết định phù hợp;
- Đánh giá thái độ ứng xử, tinh thần hợp tác, trách nhiệm cá nhân và cộng đồng;
- Theo dõi tiến trình tự điều chỉnh hành vi, biết phản tỉnh sau trải nghiệm.

Đánh giá cũng nhằm tạo ra cơ hội để HS bày tỏ chính kiến cá nhân, chia sẻ cảm xúc, lý giải lựa chọn hành vi trong các tình huống cụ thể – qua đó, nâng cao năng lực phản biện và năng lực sống tích cực. Đây không chỉ là đánh giá “kết quả”, mà là một phần hữu cơ trong quá trình GD ĐĐLS: giúp HS rút ra bài học cho bản thân, biết định hướng hành động đúng và hình thành động lực phát triển cá nhân gắn với lý tưởng sống và nghề nghiệp tương lai.

3.3.2.2. Quy trình xây dựng công cụ đánh giá nội dung tích hợp

Bước 1: Xác định mục tiêu đánh giá

GV cần xác định **cụ thể phẩm chất đạo đức hoặc lối sống** mà HS cần phát triển trong từng hoạt động. Việc xác định mục tiêu cần bám sát **bảng gợi ý địa chỉ tích hợp**, đảm bảo phù hợp với chương trình GDPT 2018 và đặc điểm tâm lý - xã hội của HS THPT.

Ví dụ:

- Với chủ đề "**Bảo vệ môi trường**", có thể hướng tới phát triển **ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm** (Nội dung 1.3, 3.2).

- Chủ đề "**Văn hóa ứng xử trên mạng**" phù hợp với việc rèn luyện **tự trọng, trung thực, văn hóa mạng, hành vi nơi công cộng** (Nội dung 2.3, 3.3, 3.4).

- Chủ đề "**Xây dựng cộng đồng văn minh**" có thể tích hợp các nội dung về **nhân ái, đoàn kết, trách nhiệm công dân** (Nội dung 2.2, 1.3, 3.1).

Mỗi mục tiêu đều cần thể hiện rõ phẩm chất/lối sống mong muốn ở 3 khía cạnh: **nhận thức - thái độ - hành vi**, làm cơ sở xây dựng tiêu chí đánh giá.

Bước 2: Phân tích đặc điểm hoạt động

Dựa vào loại hình hoạt động cụ thể (dự án, trò chơi, mô phỏng tình huống, sân khấu hóa, thiết kế sản phẩm, nghiên cứu xã hội...), GV phân tích để xác định các hành vi đạo đức/lối sống có thể quan sát, đánh giá.

Ví dụ: Trong hoạt động "Thiết kế chiến dịch truyền thông phòng chống bạo lực học đường", giáo viên có thể quan sát và đánh giá:

- Khả năng hợp tác nhóm, tinh thần trách nhiệm khi học sinh lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ (liên hệ 1.3 – Trách nhiệm với cộng đồng).

- Tư duy phản biện và phân tích tình huống đạo đức khi thảo luận nguyên nhân – hậu quả của bạo lực học đường (2.3 – Trung thực, tự chủ).

- Thái độ ứng xử tích cực trong các sản phẩm truyền thông, kịch bản, video... (liên hệ 3.3 – Văn hóa mạng; 3.4 – Hành vi công cộng).

Việc phân tích đặc điểm giúp xác định nội dung tích hợp phù hợp, tránh tình trạng gượng ép, đảm bảo hoạt động vừa thực tế vừa có chiều sâu giáo dục.

Bước 3: Thiết kế tiêu chí và chỉ báo đánh giá

Từ mục tiêu và loại hình hoạt động, GV xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá, với các chỉ báo rõ ràng, dễ quan sát, ở 3 cấp độ:

- Thái độ: tích cực tham gia, cầu thị khi tiếp nhận phản hồi.

- Hành vi: hoàn thành nhiệm vụ nhóm, giao tiếp phù hợp, chủ động hợp tác.

- Kết quả: sản phẩm phù hợp mục tiêu đạo đức, thể hiện giá trị nhân văn.

Các tiêu chí cần liên kết chặt chẽ với địa chỉ tích hợp, giúp học sinh hiểu họ đang rèn luyện phẩm chất nào.

Công cụ đánh giá có thể bao gồm: Bảng tiêu chí (rubric), Phiếu quan sát hành vi, Phiếu tự đánh giá/đánh giá đồng đẳng, Nhật ký trải nghiệm hoặc nhật ký hành vi

Ví dụ Chủ đề: Xây dựng cộng đồng học đường tích cực (hoặc Văn hóa ứng xử học đường) – lớp 10. Nội dung tích hợp: 1.3: Trách nhiệm với cộng đồng; 2.2: Lòng nhân ái.

Bảng tiêu chí đánh giá (trích)

Tiêu chí	Chỉ báo cụ thể	Mức độ	Nội dung tích hợp
Thái độ	Chủ động tham gia vào các buổi thảo luận nhóm, lắng nghe ý kiến bạn	Đạt/Chưa đạt	1.3
	Thể hiện sự cầu thị khi tiếp nhận góp ý	Đạt/Chưa đạt	3.1
Hành vi	Hoàn thành phần việc được giao đúng hạn, có tinh thần hỗ trợ bạn	Đạt/Chưa đạt	1.3
	Giao tiếp phù hợp, không xúc phạm, có thái độ tôn trọng người khác	Đạt/Chưa đạt	2.2
Kết quả	Sản phẩm truyền thông có nội dung phù hợp, thể hiện thông điệp tích cực, nhân văn	Đạt/Chưa đạt	2.2 ; 3.1

Bước 4: Lựa chọn hình thức và phương pháp đánh giá

Hình thức đánh giá cần được lựa chọn linh hoạt, phù hợp với tính chất hoạt động. Một số hình thức phổ biến:

- Đánh giá quá trình: quan sát trực tiếp, thẻ phản hồi nhóm, nhật ký hành vi.
- Đánh giá sản phẩm: video, mô hình, bài viết cảm nhận, infographic, hồ sơ học tập.
- Đánh giá tổng hợp: kết hợp giữa tự đánh giá – đánh giá bạn – đánh giá giáo viên.

Phương pháp đánh giá cần đa chiều, khách quan, giúp học sinh tự điều chỉnh hành vi và phát triển đạo đức một cách chủ động.

Bước 5: Thử nghiệm và hoàn thiện công cụ

Trước khi triển khai chính thức, cần thử nghiệm bộ công cụ trong một hoạt động cụ thể với nhóm HS. Qua đó:

- Kiểm tra tính rõ ràng, phù hợp của tiêu chí.
- Đo lường khả năng quan sát, đánh giá của giáo viên.
- Rà soát mức độ khả thi khi áp dụng trong lớp học thực tế.
- So sánh kết quả đánh giá giữa các GV hoặc giữa đánh giá của GV và HS để điều chỉnh, nâng cao tính tin cậy của công cụ.

Bước 6: Sử dụng, theo dõi và phản hồi

Trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, GV sử dụng công cụ đánh giá đã thiết kế để ghi nhận mức độ tiến bộ của HS về thái độ, hành vi và kết quả liên quan đến các giá trị ĐĐLS đã xác định. Việc theo dõi không chỉ tập trung vào kết quả cuối cùng, mà quan trọng hơn là quá trình HS thay đổi nhận thức, điều chỉnh hành vi và thể hiện trách nhiệm trong hoạt động cụ thể. Giáo viên cần:

- Phản hồi thường xuyên và kịp thời, bằng nhiều hình thức như nhận xét miệng trong giờ học, ghi chú trực tiếp trên sản phẩm học tập, phiếu đánh giá, nhật ký trải nghiệm hoặc học bạ.
- Khuyến khích HS tự đánh giá, chia sẻ cảm nhận, nhận diện điểm mạnh – điểm cần cải thiện và chủ động đề xuất hướng điều chỉnh hành vi đạo đức, từ đó nâng cao năng lực tự học và tự giáo dục.
- Ghi nhận sự tiến bộ dù nhỏ nhất, tạo động lực tích cực và giúp HS hiểu rằng việc rèn luyện đạo đức là một quá trình dài, cần kiên trì và chủ động.

Quá trình sử dụng, theo dõi và phản hồi không chỉ đơn thuần là khâu “chấm điểm”, mà giữ vai trò định hướng sự phát triển nhân cách một cách bền vững, nuôi dưỡng tinh thần sống đẹp, sống có ích, đồng thời góp phần hoàn thiện phẩm chất và năng lực của HS THPT theo đúng tinh thần của CT GDPT 2018.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 – Chương trình tổng thể, Chương trình môn GD&CD*, 2018 (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
2. Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh”
3. Chương trình phối hợp công tác 1464/CTr-BGDĐT-TWĐTN giữa ngành Giáo dục và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh năm học 2022-2023 do Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ban hành ngày 17/10/2022.
3. Chương trình phối hợp công tác 1480/CTr-BGDĐT-TWĐTN giữa ngành Giáo dục và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh năm học 2020-2021 do Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ban hành.
4. Chương trình giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống văn hóa cho thanh thiếu niên nhi đồng trên không gian mạng
5. Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”
6. Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030”
7. Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH về xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường tiểu học.
8. Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.
9. Hoàng Phê chủ biên (2004) Từ điển Tiếng Việt, Viện Ngôn Ngữ học, NXB Đà Nẵng.
10. Quyết định số 1895/ QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030” ngày 11 tháng 11 năm 2021.
11. Sách giáo khoa môn GD KT&PL cấp THPT theo Chương trình GDPT 2018 và một số văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phụ lục

Phụ lục 1. Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

KẾ HOẠCH BÀI DẠY CHỦ ĐỀ 7

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Về năng lực

- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội:

+ Nêu được các kiến thức cơ bản về đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Tham gia một số hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Năng lực điều chỉnh hành vi: Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta.

(Tích hợp GD LTCM, ĐĐLS – Nội dung: giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc; niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN; tính trung thực, thẳng thắn, có trách nhiệm với cộng đồng; ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân)

3. Về phẩm chất

- Trách nhiệm, trung thực trong đấu tranh, phê bình các hành vi, biểu hiện chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu, powerpoint bài giảng

- Giấy A2, bút lông, phiếu bài tập để làm phần Luyện tập

- SGK, SBT, SGV Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10, giáo án

- Video: “Hiểu nhanh hệ thống chính trị Việt Nam trong 7 phút”: <https://www.youtube.com/watch?v=FmQ5utSiNhw&t=11s> trong phần tìm hiểu về cấu trúc và đặc điểm của hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu: Khơi gợi kiến thức, hiểu biết của HS về hệ thống chính trị, bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân và thực hiện nội dung sau:

Nội dung 1: Em hãy xác định tên của các cơ quan, tổ chức và chia sẻ hiểu biết của em về các cơ quan, tổ chức đó.



(Theo www.hdll.vn, ngày 25/01/2021)



(Theo www.qdnd.vn, ngày 20/7/2021)



(Theo www.tienphong.vn, ngày 13/12/2017)



(Theo www.baohinhphu.vn, ngày 18/9/2019)

Nội dung 2: Các em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

HS thực hiện nhiệm vụ: suy nghĩ 5 phút để đưa ra câu trả lời.

GV mời đại diện một vài HS đưa ra câu trả lời của mình.

Sản phẩm:

Ảnh (1) Đảng Cộng sản Việt Nam: ra đời ngày 3-2-1930, là Đảng cầm quyền và là chính đảng duy nhất được phép hoạt động tại Việt Nam theo Hiến pháp.

- Ảnh (2) Quốc hội: là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân Việt Nam và là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam.

- Ảnh (3) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là một bộ phận cấu thành hệ thống chính trị của nước CHXHCN Việt Nam.

- Ảnh (4) Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện.

- Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các cơ quan: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân; chính quyền địa phương; hội đồng bầu cử quốc gia và kiểm toán nhà nước...

GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học: “Mỗi quốc gia đều được điều hành bởi một hệ thống chính trị, một bộ máy Nhà nước nhất định và riêng biệt, mang đặc trưng riêng của mỗi quốc gia đó. Vậy bản chất đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị cũng như bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là gì? Chúng ta cần làm gì để xây dựng, bảo vệ và hoàn thiện hệ thống chính trị này? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu chủ đề 7: “Hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Hoạt động 2. Tìm hiểu cấu trúc và đặc điểm của hệ thống chính trị và bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu: HS nêu được cấu trúc và đặc điểm của hệ thống chính trị và bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 6, đọc thông tin SGK Tr.71 và xem video “Hiểu nhanh hệ thống chính trị Việt Nam trong 7 phút”, thực hiện nội dung sau:

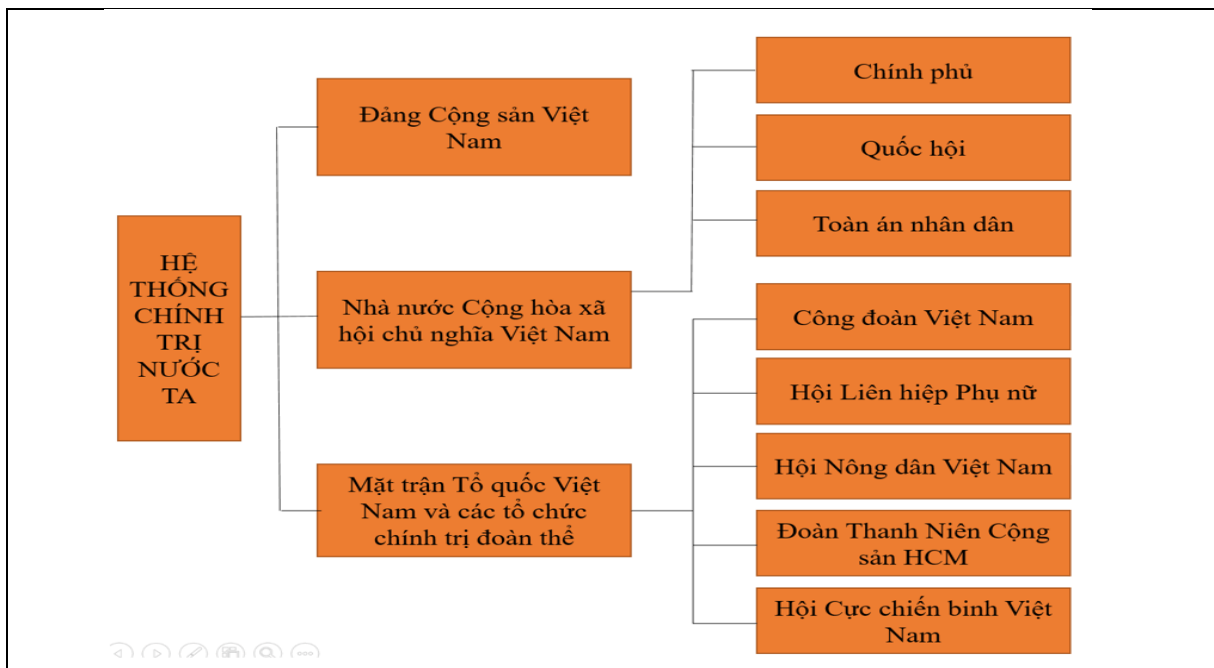
Nội dung: Vẽ 2 sơ đồ tư duy vào giấy A2 trong vòng 10 phút về:
Hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

HS thực hiện nhiệm vụ: vẽ 2 sơ đồ tư duy về hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

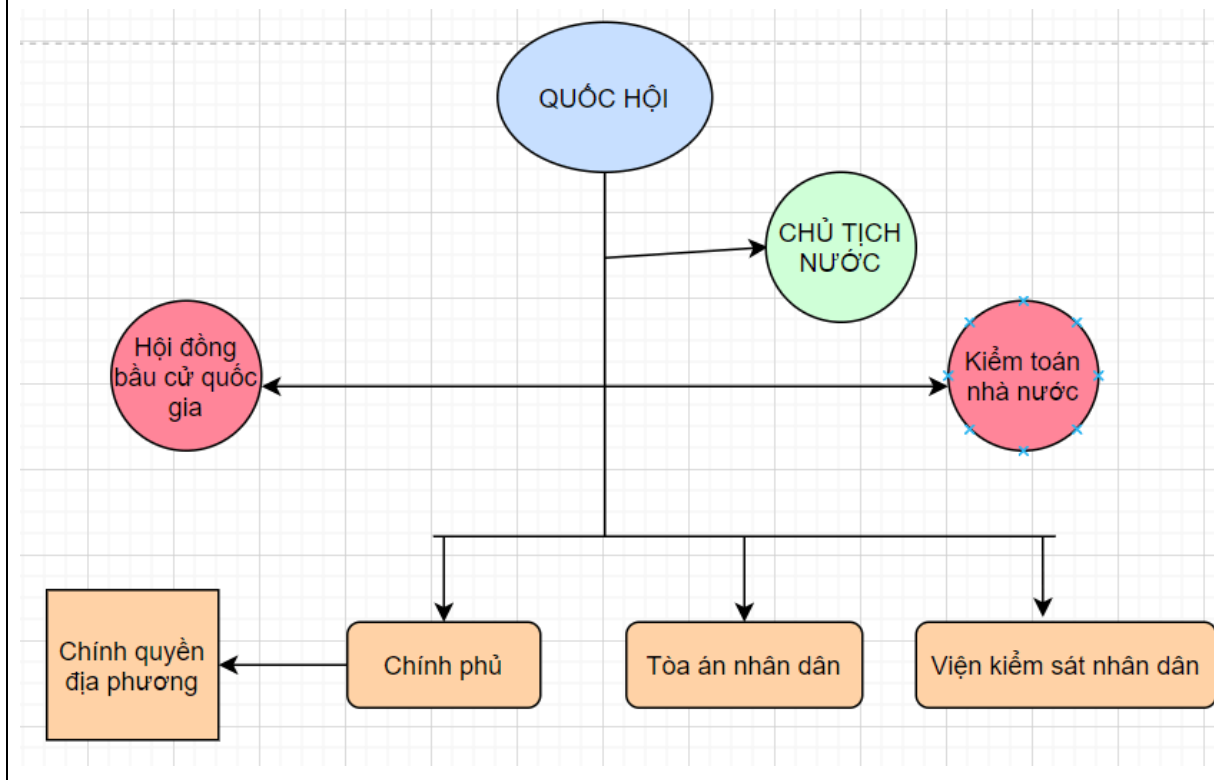
GV hướng dẫn HS trình bày, phân bổ thời gian, nhiệm vụ mỗi thành viên

GV mời đại diện 2 nhóm lần lượt lên trình bày sơ đồ tư duy về hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Sản phẩm:
Sơ đồ hệ thống chính trị



Bộ máy nhà nước



HS nhận xét, bổ sung cho nhau.

GV nhận xét, đưa ra kết luận về cấu trúc của hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay là một chỉnh thể thống nhất, gắn bó hữu cơ, bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

để thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân và xây dựng đất nước Việt Nam XHCN

- Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm các cơ quan: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương, Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.

GV yêu cầu HS chỉ ra đặc điểm của hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

HS hoạt động cá nhân suy nghĩ trả lời câu hỏi trong 3 phút

GV mời đại diện vài HS trả lời câu hỏi tại chỗ.

Sản phẩm:

- Đặc điểm của hệ thống chính trị:
 - + Do một Đảng duy nhất lãnh đạo là Đảng Cộng sản Việt Nam.
 - + Được xây dựng trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
 - + Được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.
 - + Bảo đảm thống nhất giữa bản chất của giai cấp công nhân và tính nhân dân, tính dân tộc rộng rãi.
- Đặc điểm của bộ máy nhà nước: quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân và mang tính thống nhất.

GV nhận xét, chốt kiến thức

Đặc điểm của hệ thống chính trị: Do một Đảng duy nhất lãnh đạo là Đảng Cộng sản Việt Nam, được xây dựng trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm thống nhất giữa bản chất của giai cấp công nhân và tính nhân dân, tính dân tộc rộng rãi. Đặc điểm của bộ máy nhà nước: quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân và mang tính thống nhất.

Hoạt động 3. Tìm hiểu nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

a) Mục tiêu: HS nêu được nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện nội dung sau:

Nội dung: Đọc thông tin SGK Tr.69, thông tin 3 SGK Tr.72 và trả lời câu hỏi vào vở: “Em hãy chỉ ra những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

HS thực hiện nhiệm vụ: đọc thông tin và suy nghĩ trả lời trong 3 phút.

GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày.

Sản phẩm:

- Hệ thống chính trị Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách.
- Bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc:
 - + Nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.
 - + Nguyên tắc tập trung dân chủ, hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.
 - + Nguyên tắc Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhà nước và xã hội.

GV nhận xét, chốt kiến thức.

Hệ thống chính trị Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách. Bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc: Nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; Nguyên tắc tập trung dân chủ, hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật; Nguyên tắc Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhà nước và xã hội.

Hoạt động 4. Luyện tập

a) Mục tiêu: củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống. Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị.

(Tích hợp tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, niềm tin, ý thức xây dựng, bảo vệ tổ quốc, tính trung thực, thẳng thắn, có trách nhiệm với cộng đồng, ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm pháp luật).

b) Tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho HS đọc tình huống thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi vào giấy A2 trong 5 phút:

Tình huống 1: Trên một diễn đàn mạng xã hội dành cho giới trẻ, có người bình luận: “Việt Nam nên cho nhiều đảng cùng hoạt động như nước ngoài thì mới phát triển, chứ độc đảng thì khó mà phát triển được!”

- Em có đồng tình với ý kiến trên không? Vì sao?
- Theo em, hệ thống chính trị một đảng hiện nay ở Việt Nam có đặc điểm, vai trò như thế nào trong sự phát triển đất nước

Tình huống 2: Một bạn trẻ chia sẻ một hình ảnh về Quốc huy với dòng chữ: “Cái logo này nhìn lỗi thời quá, không hiện đại chút nào!”.

- Hành vi này có thể gây ra những hậu quả gì về mặt đạo đức, pháp lý?

- Là HS, em sẽ ứng xử thế nào nếu thấy bạn mình chia sẻ nội dung như vậy?

Tình huống 3: Một tài khoản Facebook ẩn danh đăng bài viết với nội dung: “Nghe nói ông chủ tịch xã A ăn chặn tiền cứu trợ, người dân chẳng nhận được đồng nào!” nhưng không dẫn chứng, không nguồn tin rõ ràng.

- Theo em, đăng thông tin như vậy mà không kiểm chứng có thể gây hậu quả gì?

- Nếu em nghi ngờ có sai phạm của cán bộ, em cần làm gì để vừa thực hiện quyền giám sát, vừa thể hiện đạo đức, trách nhiệm công dân?

Tình huống 4: Một bài viết đăng trên mạng xã hội có nội dung: “Chính quyền không giải quyết thỏa đáng quyền lợi người dân. Chúng ta phải xuống đường để đòi lại công bằng!”

- Theo em, việc kêu gọi biểu tình như trên có vi phạm pháp luật không? Có thể gây ra điều gì nguy hiểm?

- Là công dân Việt Nam, em có những kênh thông tin nào hợp pháp để phản ánh nguyện vọng, bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình?

HS thực hiện: suy nghĩ, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi vào giấy A2.

GV mời đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận

Sản phẩm:

Tình huống 1:

- Không đồng tình. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo là lựa chọn đúng đắn của lịch sử, bảo đảm ổn định và phát triển đất nước.

- Hệ thống chính trị Việt Nam có vai trò giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ quyền lợi nhân dân, lãnh đạo toàn diện sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Tình huống 2:

- Hậu quả: Xúc phạm biểu tượng quốc gia, vi phạm pháp luật, làm giảm lòng tự hào dân tộc.

- Ứng xử: Góp ý với bạn, khuyên gỡ bỏ, tuyên truyền về ý nghĩa của Quốc huy.

Tình huống 3:

- Hậu quả: Gây hiểu lầm, mất uy tín cán bộ, vi phạm pháp luật.

Cách ứng xử: Không chia sẻ thông tin chưa xác thực, phản ánh qua kênh chính thống nếu có bằng chứng.

Tình huống 4:

- Vi phạm: Kêu gọi biểu tình trái phép, gây rối trật tự, vi phạm pháp luật.

- Cách phản ánh đúng: Góp ý qua đại biểu dân cử, đơn thư, diễn đàn công dân, đúng pháp luật.

- Là công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, em cần Tin tưởng, chấp hành pháp luật, phản biện đúng mực, bảo vệ hình ảnh đất nước, sống trách nhiệm và tích cực đóng góp cho xã hội. Thể hiện thái độ:
- Có tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc.
- Có niềm tin, ý thức xây dựng, bảo vệ tổ quốc.
- Trung thực, thẳng thắn, có trách nhiệm với cộng đồng.
- Có ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm pháp luật.

GV kết luận nội dung tích hợp: Thái độ và nghĩa vụ nhằm thực hiện bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam như sau:

- Có tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc: biết quan tâm đến lịch sử, văn hoá, truyền thống dân tộc, trân trọng các giá trị biểu tượng quốc gia, không chia sẻ thông tin sai lệch gây tổn hại hình ảnh đất nước; tự hào, thể hiện lòng kính trọng các anh hùng dân tộc, thành tựu lịch sử - văn hoá nước nhà,...

- Có niềm tin, ý thức xây dựng, bảo vệ tổ quốc: Học tập, lao động nghiêm túc để góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, phản ứng kịp thời, phù hợp khi thấy các hành vi gây hại đến lợi ích quốc gia (xuyên tạc, bôi nhọ lãnh đạo, phá hoại tài sản công...); tin tưởng vào chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, không bị dao động, lôi kéo bởi các luồng thông tin sai trái, phản động.

- Trung thực, thẳng thắn, có trách nhiệm với cộng đồng: Dám nói lên sự thật, không bao che, nói dối hoặc tung tin sai lệch, không chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng, không vì "câu like" mà làm sai sự thật, quan tâm, giúp đỡ người khác, nhất là người yếu thế, tham gia các hoạt động thiện nguyện, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông...

- Có ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm pháp luật: Là người chủ động thực hiện đúng pháp luật, không chỉ vì sợ bị phạt mà vì ý thức công dân, làm gương cho người khác (bạn bè, đồng nghiệp, người thân) trong hành vi, lời nói, nhất là trên mạng xã hội, chủ động tuyên truyền, vận động người xung quanh cùng chấp hành tốt pháp luật, sẵn sàng tố giác tội phạm, hành vi sai trái vì lợi ích chung.

Hoạt động 5. Vận dụng

a) Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để giải quyết các vấn đề liên quan đến hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (Tích hợp phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta).

b) Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 6 và thực hiện nội dung sau:

Nội dung: Tìm hiểu hoạt động của chính quyền cơ sở tại địa phương và viết báo cáo nhóm tối đa 10 trang, thể hiện thái độ phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta, đề xuất ý tưởng tham gia xây dựng chính quyền cơ sở, thời gian 1 tuần.

HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

GV hướng dẫn HS tìm hiểu, chia nhiệm vụ, viết báo cáo (đóng quyển có bìa xanh, không quá 10 trang giấy), trong báo cáo phải thể hiện được:

- Hoạt động của chính quyền cơ sở tại địa phương nhóm HS sinh sống.
- Thể hiện được thái độ tin tưởng, ủng hộ hệ thống chính trị.
- Đề xuất được ý tưởng tham gia xây dựng chính quyền cơ sở của nhóm HS.

GV lập padlet để HS nộp bài lên và đánh giá, chọn ra nhóm hoàn thiện bài tốt nhất để tuyên dương trước lớp.

KẾ HOẠCH MINH HỌA

CHỦ ĐỀ 6. VĂN HOÁ TIÊU DÙNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế; Khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng; Đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.

2. Về năng lực

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để tìm hiểu và thảo luận về khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng. Biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp để mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.

Năng lực điều chỉnh hành vi:

Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. Tham gia và vận động người khác tham gia làm người tiêu dùng có văn hoá.

Phê phán biểu hiện thiếu văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền hành vi đúng

(Tích hợp - Nội dung: Giáo dục học sinh sống nhân ái, trung thực, có trách nhiệm, biết giữ gìn văn hóa dân tộc, rèn luyện kỷ luật, tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm và tuân thủ chuẩn mực đạo đức, pháp luật)

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Chủ động tham gia và vận động người khác tham gia làm người tiêu dùng có văn hoá.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11, Giáo án

Máy tính, máy chiếu, bài giảng Powerpoint

Tình huống khởi động liên quan đến tiêu dùng

Phiếu bài tập về một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.

Giấy A3 và bút dạ, nam châm để HS thực hiện bài tập phần Luyện tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu

Mục tiêu: Khơi gợi kiến thức của HS về vấn đề liên quan đến văn hoá tiêu dùng, tạo hứng thú cho HS.

Tổ chức thực hiện:

GV đưa ra tình huống giả định liên quan đến văn hoá tiêu dùng để HS thảo luận cá nhân, tình huống như sau:

Trường hợp: Huy vừa được mẹ cho tiền mua một đôi giày mới để đi học. Thay vì chọn đôi giày thể thao bền và phù hợp, Huy quyết định mua đôi giày đang rất “hot” trên mạng xã hội, dù nó khá đắt và chỉ hợp để... chụp ảnh.

Một số bạn trong lớp khen Huy biết cập nhật xu hướng, biết thể hiện cá tính. Nhưng cũng có bạn cho rằng Huy tiêu xài phung phí, chạy theo hình thức, không hợp với học sinh.

Câu hỏi thảo luận: Theo em, hành vi tiêu dùng của Huy có phải là "văn hóa tiêu dùng" không? Vì sao?

HS thực hiện nhiệm vụ: Suy nghĩ cá nhân trong 1 phút để đưa ra quan điểm của mình

Dự kiến câu trả lời:

* Ý kiến: Có, đó là văn hóa tiêu dùng

"Vì Huy biết chọn sản phẩm hợp xu hướng, thể hiện cá tính riêng. Mỗi người có quyền tiêu dùng theo sở thích của mình."

"Huy đang tiêu tiền đúng mục đích của mình, không vi phạm gì cả. Chọn hàng hợp thời cũng là một cách thể hiện gu thẩm mỹ."

* Ý kiến: Không, không phải là văn hóa tiêu dùng

"Vì Huy chọn đôi giày đắt mà không phù hợp nhu cầu thực tế. Như vậy là lãng phí, không có suy nghĩ kỹ trước khi tiêu dùng."

"Huy chạy theo mốt để khoe mẽ, không quan tâm đến chất lượng hay tính ứng dụng. Em thấy vậy là tiêu dùng vì hình thức, không hợp lý."

GV mời đại diện một vài HS đưa ra quan điểm cá nhân của mình

GV nhận xét, không đưa ra kết luận ngay mà dẫn dắt vào bài học: “Qua tình huống của Huy, các em có nhiều ý kiến khác nhau: người thì cho rằng Huy đang thể hiện cá tính, người lại nghĩ Huy tiêu dùng chưa hợp lý. Vậy hành vi tiêu dùng như thế nào thì được coi là có văn hóa? Khi nào việc tiêu dùng thể hiện sự hiểu biết, trách nhiệm, và khi nào lại trở thành phung phí, chạy theo hình thức? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong Bài 9: Văn hoá tiêu dùng để tự rút ra câu trả lời cho mình.”

Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò của hoá tiêu dùng với sự phát triển kinh tế

Mục tiêu: HS hiểu được vai trò của hoá tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế

Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh, đọc trường hợp SGK tr.59-60 suy nghĩ cá nhân trong vòng 5 phút và trả lời câu hỏi như sau:

Câu hỏi:

a) Em hãy cho biết mỗi hình ảnh và trường hợp trên đề cập đến hoạt động tiêu dùng sản phẩm nào?

b) Theo em, tiêu dùng đó có vai trò gì với sự phát triển kinh tế của đất nước?

HS thực hiện nhiệm vụ làm việc cá nhân, đọc trường hợp trong SGK tr.6 và trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS khi cần.

Sản phẩm dự kiến:

a)

Hình ảnh 1: tiêu dùng sản phẩm thực phẩm

Hình ảnh 2: tiêu dùng sản phẩm năng lượng (điện Mặt Trời).

Trường hợp: tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường, như: năng lượng xanh, sản phẩm tái chế, nông sản sạch,...

b) Tiêu dùng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước. Cụ thể:

Tiêu dùng là đầu ra của sản xuất, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước.

Tiêu dùng góp phần định hướng cho hoạt động sản xuất, thúc đẩy sản xuất hàng hóa ngày càng đa dạng, phong phú về số lượng và đảm bảo chất lượng, hướng tới phát triển kinh tế bền vững.

GV mời đại diện một số HS trả lời câu hỏi

HS thực hiện nhận xét, bổ sung ý kiến cho nhau (nếu có)

GV nhận xét, tổng kết và đưa ra kết luận về khái niệm văn hoá tiêu dùng và vai trò của văn hoá tiêu dùng.

Vai trò của tiêu dùng:

- Tiêu dùng là đầu ra của sản xuất, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước.

- Tiêu dùng góp phần định hướng cho hoạt động sản xuất; thúc đẩy sản xuất hàng hóa ngày càng đa dạng, phong phú về số lượng và đảm bảo chất lượng, hướng tới phát triển kinh tế bền vững.

Hoạt động 3: Tìm hiểu văn hoá tiêu dùng và vai trò của văn hoá tiêu dùng

Mục tiêu: Nêu được khái niệm văn hoá tiêu dùng, vai trò của văn hoá tiêu dùng

Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, đọc tình huống SGK tr.60-61 và trả lời câu hỏi

a) Em hãy cho biết những giá trị, chuẩn mực tiêu dùng của một số quốc gia châu Á được thể hiện như thế nào ở thông tin trên.

b) Em hãy làm rõ vai trò của văn hóa tiêu dùng được thể hiện ở mỗi thông tin và trường hợp trên.

HS làm việc nhóm, đọc trường hợp trong SGK tr.61 và trả lời câu hỏi

Sản phẩm:

a) Giá trị, chuẩn mực tiêu dùng của một số quốc gia châu Á được thể hiện qua đoạn thông tin trên là:

- Ở Nhật Bản: trong ba ngày đầu năm, người Nhật thường ăn các món như: trứng cá trích, rong biển, bánh cá, khoai lang nghiền, hạt dẻ... Trong đó, không thể thiếu món súp bánh gạo - món ăn cầu mong sự tốt lành.

- Ở Hàn Quốc: trong lễ mừng năm mới, mọi người mặc Hanbok; các món ăn truyền thống, gồm: canh bánh gạo, mì khoai lang với thịt và rau, sườn lợn sốt, bánh quy truyền thống, hoa quả,...

- Ở Việt Nam: trong dịp tết Nguyên đán, người Việt thường gói bánh chưng, bánh dày,...

b) Vai trò của văn hóa tiêu dùng trong mỗi thông tin và trường hợp:

- Đoạn thông tin trên phản ánh: văn hóa tiêu dùng góp phần gìn giữ và phát huy các giá trị, chuẩn mực, tập quán tiêu dùng tốt đẹp, bền vững từ thế hệ này sang thế hệ khác, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc.

- Trường hợp 1 phản ánh: văn hóa tiêu dùng tác động đến chiến lược sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế, đặc biệt là chiến lược về sản phẩm (thông qua việc: tìm hiểu thị hiếu, tâm lý, thói quen của người tiêu dùng).

- Trường hợp 2 phản ánh: Văn hóa tiêu dùng góp phần định hướng cho sản xuất và thay đổi phong cách tiêu dùng. Cụ thể: trong bối cảnh ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, người tiêu dùng có xu hướng ưu tiên sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường; từ đó, các doanh nghiệp cũng thay đổi định hướng, tập trung sản xuất các sản phẩm có yếu tố “xanh” và “bền vững”.
- Trường hợp 3 phản ánh: văn hóa tiêu dùng tác động đến chiến lược sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế về giá bán sản phẩm (tâm lý tiêu dùng, đối tượng khách hàng của mỗi thị trường khác nhau sẽ cho cách định giá khác nhau ở mỗi sản phẩm).

GV quan sát, hỗ trợ HS

GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi

HS thực hiện nhận xét, bổ sung ý kiến cho nhau (nếu có)

GV nhận xét, tổng kết và nêu ra kết luận về khái niệm văn hoá tiêu dùng và vai trò của văn hoá tiêu dùng.

- Văn hóa tiêu dùng là nét đẹp trong thói quen, tập quán tiêu dùng của cá nhân, nhóm, cộng đồng hình thành, phát triển theo thời gian và biểu hiện qua hành vi tiêu dùng.

- Văn hóa tiêu dùng có vai trò quan trọng:

Đối với lĩnh vực văn hóa - xã hội: Văn hóa tiêu dùng góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị, chuẩn mực, tập quán tiêu dùng tốt đẹp, bền vững từ thế hệ này sang thế hệ khác, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc.

Đối với lĩnh vực kinh tế: Văn hóa tiêu dùng tác động đến chiến lược sản xuất kinh doanh của các chủ thể, , đặc biệt là chiến lược về sản phẩm (tìm hiểu thị hiếu, tâm lý, thói quen của người tiêu dùng), về giá cả (tâm lý tiêu dùng, đối tượng khách hàng của mỗi thị trường khác nhau sẽ cho cách định giá khác nhau ở mỗi sản phẩm), về phân phối (đúng hàng, đúng nơi, đúng thời gian. đảm bảo chi phí tối thiểu) và hỗ trợ thương mại (thu hút sự quan tâm của người tiêu dùng và tạo lợi thế cạnh tranh)

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.

Mục tiêu: HS mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.

Tổ chức thực hiện:

GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc trường hợp, thảo luận và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập.

HS thảo luận theo nhóm, đọc trường hợp và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập.

PHIẾU HỌC TẬP NHÓM 1, 2

Trường hợp 1: Là người tiêu dùng thận trọng, chị P luôn cân nhắc trước khi mua hàng hoá. Với sự đa dạng về chủng loại, giá cả và mẫu mã sản phẩm trên thị trường, chị P đã biết lựa chọn hàng hoá một cách hợp lí. Trước khi quyết định mua hàng, chị thường tìm hiểu thông tin về hàng hoá, sản phẩm mình cần (giả cả, tính năng, chất lượng và phản hồi từ người tiêu dùng khác)....

a) Theo em, trường hợp trên đề cập đến đặc điểm văn hoá tiêu dùng nào?

b) Ngoài những đặc điểm trên, theo em, văn hoá tiêu dùng Việt Nam còn có những đặc điểm nào?

Trường hợp 2: Doanh nghiệp X là một trong số các doanh nghiệp sản xuất hàng Việt Nam có uy tín trên thị trường. Trước bối cảnh hội nhập kinh tế và sự cạnh tranh với hàng hoá nước ngoài, doanh nghiệp X đã tích cực đổi mới công nghệ và thực hiện trách nhiệm xã hội bằng việc sản xuất các hàng hoá có chất lượng cao mang thương hiệu Việt Nam.

c) Em hãy cho biết trường hợp trên đề cập đến biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam của chủ thể nào?

d) Là học sinh, em sẽ làm gì để góp phần xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam?

PHIẾU HỌC TẬP NHÓM 3, 4

Trường hợp 1: Trong xã hội truyền thống, các hộ gia đình ở Việt Nam thường có thói quen mua sắm tại chợ truyền thống. Mỗi xã, phường đều có chợ hay điểm tụ họp, trao đổi hàng hoá. Ngày nay, với sự đa dạng của thị trường, thói quen tiêu dùng của người dân Việt Nam, đã có sự thay đổi rõ rệt. Bên cạnh các hình thức mua bán truyền thống, số lượng người mua bán và thanh toán trực tuyến ngày càng gia tăng

a) Theo em, trường hợp trên đề cập đến đặc điểm văn hoá tiêu dùng nào?

b) Ngoài những đặc điểm trên, theo em, văn hoá tiêu dùng Việt Nam còn có những đặc điểm nào?

Trường hợp 2: H theo dõi các chương trình khuyến mại, giảm giá để có thể mua được trang phục, giày dép,... của các nhãn hàng nước ngoài và khoe với các bạn trong lớp. Bạn thân khuyên H nên cân nhắc khi mua hàng đắt tiền để tránh lãng

phí và nên sử dụng hàng Việt Nam nhưng H gạt đi và cho rằng, khi mua hàng ngoại, H có niềm tự hào là người tiêu dùng “sành điệu”.

c) Em hãy cho biết trường hợp trên đề cập đến biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam của chủ thể nào?

d) Là học sinh, em sẽ làm gì để góp phần xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam?

GV quan sát, hướng dẫn HS và bổ sung ngữ liệu về tăng trưởng xanh cho HS: Tăng trưởng xanh là cách phát triển kinh tế nhưng vẫn bảo vệ môi trường. Thay vì chỉ tập trung vào lợi nhuận, các doanh nghiệp theo mô hình này sẽ tìm cách giảm ô nhiễm, sử dụng tài nguyên hiệu quả và sản xuất theo hướng bền vững.

GV mời đại diện các nhóm trình bày phiếu bài tập của mình.

Sản phẩm dự kiến:

Nhóm 1+2

Trường hợp 1:	
a) Theo em, trường hợp trên đề cập đến đặc điểm văn hoá tiêu dùng nào?	Trường hợp 1 phản ánh về đặc điểm: văn hóa tiêu dùng Việt Nam mang tính hợp lý: người tiêu dùng biết cân nhắc, lựa chọn hàng hóa, dịch vụ; chi tiêu có kế hoạch, phù hợp với nhu cầu của bản thân và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.
b) Ngoài những đặc điểm trên, theo em, văn hoá tiêu dùng Việt Nam còn có những đặc điểm nào?	- Ưu tiên hàng Việt Nam chất lượng cao. - Tôn trọng quyền lợi người tiêu dùng. - Biết tiết kiệm, tránh hoang phí. - Mua sắm phù hợp với nhu cầu và khả năng kinh tế gia đình. - Không tiếp tay cho hàng giả, hàng kém chất lượng.
Trường hợp 2:	
c) Em hãy cho biết trường hợp trên đề cập đến biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam của chủ thể nào?	- Doanh nghiệp là chủ thể thực hiện biện pháp xây dựng văn hóa tiêu dùng. Họ nâng cao chất lượng hàng hóa, đổi mới công nghệ, khẳng định uy tín hàng Việt.
d) Là học sinh, em sẽ làm gì để góp phần xây dựng	- Tìm hiểu kỹ trước khi mua hàng, không chạy theo hàng hiệu. - Ủng hộ hàng Việt Nam chất lượng cao.

văn hoá tiêu dùng Việt Nam?	- Không tiếp tay cho hàng giả, hàng nhái. - Tiêu dùng tiết kiệm, phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh. - Tuyên truyền cho người thân về tiêu dùng có trách nhiệm.
-----------------------------	---

Trường hợp 1:	
a) Theo em, trường hợp trên đề cập đến đặc điểm văn hoá tiêu dùng nào?	Trường hợp 2 phản ánh về đặc điểm: văn hóa tiêu dùng Việt Nam mang tính thời đại: thói quen, hình thức, cách thức tiêu dùng đa dạng, phù hợp với sự phát triển chung của xã hội.
b) Ngoài những đặc điểm trên, theo em, văn hoá tiêu dùng Việt Nam còn có những đặc điểm nào?	Tiêu dùng tiết kiệm, có trách nhiệm. Ưu tiên hàng Việt chất lượng cao. Có sự thay đổi theo vùng miền, độ tuổi, điều kiện kinh tế. Chú trọng đến giá trị sử dụng, nguồn gốc, an toàn sản phẩm
Trường hợp 2:	
c) Em hãy cho biết trường hợp trên đề cập đến biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam của chủ thể nào?	- Chủ thể là bạn H và bạn thân của H - người tiêu dùng và người xung quanh. - Biện pháp: Tuyên truyền, khuyến khích nhau lựa chọn tiêu dùng hợp lý, tránh lãng phí và sùng ngoại
d) Là học sinh, em sẽ làm gì để góp phần xây dựng văn hoá tiêu dùng Việt Nam?	- Tìm hiểu kỹ trước khi mua sắm, tránh chạy theo thương hiệu nước ngoài. - Ưu tiên dùng hàng Việt chất lượng cao. - Tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm, phù hợp nhu cầu. - Tham gia các hoạt động tuyên truyền về văn hóa tiêu dùng tại trường/lớp

HS thực hiện nhận xét, bổ sung cho nhau (nếu có).

GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.

GV mời HS rút ra kết luận về vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.

GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS và nêu ra kết luận về vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.

Đặc điểm văn hóa tiêu dùng Việt Nam

Văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam là những giá trị xã hội tốt đẹp trong tiêu dùng, được tích lũy theo thời gian, hình thành nên nhận thức và niềm tin, được phản ánh một phần qua hành vi và quyết định tiêu dùng, là động lực thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội gắn với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Một số đặc điểm cơ bản văn hóa tiêu dùng Việt Nam:

- Tính kế thừa: Văn hóa tiêu dùng Việt Nam có sự kế thừa truyền thống của dân tộc, mang bản sắc văn hóa Việt Nam:
- Tính giá trị: Văn hóa tiêu dùng Việt Nam hướng tới giá trị tốt đẹp, chân. thiện, mỹ.
- Tính thời đại: Thói quen, hình thức, cách thức thanh toán đa dạng, phù hợp với sự phát triển của văn hóa tiêu dùng Việt Nam.
- Tính hợp lý: Người tiêu dùng biết cân nhắc, lựa chọn hàng hóa, dịch vụ: chi tiêu có kế hoạch, phù hợp với nhu cầu bản thân và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

Các biện pháp xây dựng văn hóa tiêu dùng

Để xây dựng văn hóa tiêu dùng Việt Nam, mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội cần phải đẩy mạnh tuyên truyền các nét đẹp trong văn hóa tiêu dùng; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tiêu dùng truyền thống, tốt đẹp của đất nước; học tập văn hóa tiêu dùng văn minh và tích cực quảng bá văn hóa tiêu dùng của Việt Nam đến các nước trên thế giới.

Hoạt động 4: Luyện tập

Mục tiêu: củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến văn hóa tiêu dùng, góp phần nâng cao năng lực lựa chọn, tiêu dùng có trách nhiệm, xây dựng thói quen sống tiết kiệm, văn minh và phù hợp với các giá trị đạo đức, pháp luật trong đời sống hằng ngày.

Tổ chức thực hiện:

GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho HS đọc tình huống thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi vào giấy A3:

Tình huống 1: *Lớp 8A phát động phong trào quyên góp đồ dùng học tập và quần áo cũ để gửi tặng học sinh vùng sâu vùng xa. Mỗi bạn đều mang đến các món đồ còn tốt và gói ghém cẩn thận. Riêng An – một bạn khá ít nói – mang đến vài bộ quần áo cũ đã phai màu, có chiếc còn sờn gấu. Một số bạn xì xào và tỏ ý coi thường, cho rằng An không có lòng thiện nguyện. Sau đó, một bạn lớp trưởng biết được rằng gia đình An rất khó khăn, mẹ đơn thân, đang đi làm thuê và hai mẹ con sống tạm bợ trong phòng trọ nhỏ. An đã cố gắng chọn những món tốt nhất trong số đồ dùng ít ỏi của mình để đóng góp.*

- a) Theo em, hành động của An có thể hiện văn hóa tiêu dùng hay không? Vì sao?
- b) Trong tình huống này, em thấy văn hóa tiêu dùng cần gắn với phẩm chất đạo đức nào? Hãy giải thích.

Tình huống 2: Lớp 8B tổ chức hội chợ đồ cũ để gây quỹ mua sách tặng học sinh nghèo. Minh được giao nhiệm vụ thu tiền bán hàng. Kết thúc buổi hội chợ, Minh ngồi kiểm lại và phát hiện số tiền thực tế thiếu mất 50.000 đồng so với sổ ghi chép. Cậu không biết là do mình nhầm, hay có ai đó cầm nhầm tiền. Minh rất bối rối, nghĩ rằng nếu nói ra thì có thể bị nghi ngờ hoặc khiến tập thể mất vui. Cuối cùng, Minh quyết định lặng lẽ lấy tiền túi bù vào và không kể với ai.

- a) Theo em, việc Minh âm thầm bù tiền như vậy có đúng với văn hóa tiêu dùng không? Vì sao?
- b) Văn hóa tiêu dùng cần đi đôi với những phẩm chất nào để đảm bảo sự công bằng và trách nhiệm trong tập thể?

Tình huống 3: Trong dịp Tết Nguyên đán, một siêu thị tổ chức chương trình “Tết hiện đại – bỏ gọn Tết xưa” với nhiều ưu đãi hấp dẫn. Hùng xem được quảng cáo và thấy nếu mang bánh chưng, bánh tét thủ công tới đổi thì sẽ được nhận phiếu giảm giá lớn khi mua các loại thực phẩm công nghiệp. Dù biết mẹ đã gói bánh rất kỳ công theo truyền thống gia đình, Hùng vẫn mang bánh chưng mẹ làm đi đổi lấy xúc xích, nước ngọt và bim bim. Khi biết chuyện, mẹ Hùng rất buồn và chỉ nhẹ nhàng nói: “Bánh mẹ gói đâu chỉ là đồ ăn, đó là ký ức, là truyền thống”.

- a) Hành động của Hùng có phù hợp với văn hóa tiêu dùng không? Vì sao?
- b) Từ câu chuyện này, em rút ra bài học gì để tiêu dùng hiện đại mà vẫn giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc?

Tình huống 4 – nhóm 4: Lớp 8C có quỹ lớp còn dư 700.000 đồng, đang định dùng để mua dụng cụ vệ sinh và một số đồ dùng chung cho lớp. Trong lúc lướt mạng, Thảo thấy một trang quảng cáo bán điện thoại cảm ứng với giá chỉ 500.000 đồng – giảm 80% vì “xả hàng thanh lý”. Thảo không bàn với ai mà tự ý dùng tiền quỹ lớp để đặt mua. Khi hàng được giao tới, hóa ra là chiếc điện thoại đồ chơi bằng nhựa, không sử dụng được. Cả lớp rất bức xúc, còn Thảo thì vừa xấu hổ, vừa tiếc tiền.

- a) Theo em, hành vi tiêu dùng của Thảo có thể hiện văn hóa tiêu dùng không? Vì sao?
- b) Để tránh lãng phí và thiệt hại như trên, người tiêu dùng cần rèn luyện những kỹ năng và phẩm chất gì?

HS thực hiện nhiệm vụ, thảo luận nhóm và trình bày câu trả lời vào giấy A3 trong vòng 7 phút.

GV quan sát, hỗ trợ HS.

Nhóm lên treo phần bài làm của mình lên bảng và trình bày.

Tình huống 1

Câu 1: Việc góp đồ như An làm có thể hiện văn hóa tiêu dùng không? Vì sao?

Trả lời: Có. Dù món đồ không còn mới, nhưng An đã chọn những thứ tốt nhất trong khả năng để đóng góp. Hành vi này thể hiện tinh thần tiết kiệm, tránh lãng phí và có ý thức đóng góp cho cộng đồng – đó là biểu hiện của văn hóa tiêu dùng tích cực.

Câu 2: Văn hóa tiêu dùng nên đi cùng với những phẩm chất đạo đức nào trong tình huống này?

Trả lời: Văn hóa tiêu dùng không chỉ là mua – dùng – bỏ, mà còn cần lòng nhân ái, sự cảm thông và thái độ giao tiếp tôn trọng người khác. Nếu chỉ đánh giá về ngoài món đồ mà không quan tâm hoàn cảnh người tặng là thiếu chia sẻ và thiếu văn hóa ứng xử trong tập thể.

Tình huống 2

Câu 1: Việc Minh âm thầm bù tiền có đúng với văn hóa tiêu dùng không?

Trả lời: Không hoàn toàn đúng. Tuy Minh có ý tốt nhưng việc âm thầm bù tiền lại che giấu sai sót, không rõ ràng về tài chính. Trong tiêu dùng tập thể, sự minh bạch, trung thực và thẳng thắn là cần thiết để tránh hiểu lầm và đảm bảo công bằng.

Câu 2: Văn hóa tiêu dùng cần đi đôi với những phẩm chất nào để đảm bảo công bằng và trách nhiệm?

Trả lời: Cần có trách nhiệm, trung thực và tinh thần sống thẳng thắn. Người có văn hóa tiêu dùng là người biết nhận lỗi khi sai, minh bạch khi sử dụng tài chính chung và có trách nhiệm với tập thể.

Tình huống 3

Câu 1: Hành động đổi bánh chưng lấy đồ công nghiệp có phù hợp với văn hóa tiêu dùng không?

Trả lời: Không phù hợp. Hành động này thể hiện sự thiếu trân trọng đối với giá trị truyền thống. Văn hóa tiêu dùng không chỉ là lựa chọn sản phẩm mà còn phản ánh thái độ với văn hóa, lịch sử và bản sắc dân tộc.

Câu 2: Em rút ra bài học gì để tiêu dùng hiện đại mà vẫn giữ gìn truyền thống dân tộc?

Trả lời: Người tiêu dùng hiện đại cần biết kết hợp giữa tiện ích và giữ gìn giá trị truyền thống, không chạy theo xu hướng mà bỏ qua ý nghĩa văn hóa. Những sản phẩm như bánh chưng, áo dài, đồ thủ công... mang bản sắc dân tộc, cần được gìn giữ và trân trọng trong lựa chọn tiêu dùng.

Tình huống 4

Câu 1: Hành vi tiêu dùng của Thảo có thể hiện văn hóa tiêu dùng không?

Trả lời: Không. Thảo tiêu dùng không có kế hoạch, không bàn bạc tập thể, dễ bị quảng cáo đánh lừa, dẫn đến lãng phí và ảnh hưởng đến quyền lợi chung. Đây là hành vi thiếu kỹ năng và thiếu kỷ luật tiêu dùng.

Câu 2: Để tránh lãng phí như trên, người tiêu dùng cần rèn những kỹ năng và phẩm chất nào?

Trả lời: Cần có kỹ năng đánh giá thông tin, kiểm tra độ tin cậy của nguồn bán, biết so sánh – tham khảo trước khi mua, đồng thời ý thức tuân thủ quy định chung, biết tiết kiệm và có trách nhiệm với tài chính tập thể.

HS các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và phản biện

GV nhận xét, bổ sung ý kiến và tổng kết hoạt động

Hoạt động 6: Vận dụng

a) **Mục tiêu:** HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề có liên quan đến văn hoá tiêu dùng. Tích hợp với việc giáo dục phẩm chất nhân ái, trung thực, ý thức kỷ luật và trách nhiệm, góp phần hình thành văn hoá tiêu dùng lành mạnh, tiết kiệm, tôn trọng giá trị truyền thống và biết cân nhắc giữa nhu cầu cá nhân với lợi ích chung của xã hội.

b) Tổ chức thực hiện:

GV giao cho học sinh thực hiện một sản phẩm truyền thông nhỏ về chủ đề “Hãy là người tiêu dùng có văn hóa”, thực hiện cá nhân hoặc nhóm 2–3 học sinh trong 1 tuần. Học sinh nộp sản phẩm vào Padlet nhóm lớp Một số sản phẩm tốt sẽ được chọn trình bày, thuyết minh hoặc trưng bày trong tiết học tuần tới

Yêu cầu sản phẩm (nội dung và hình thức):

Infographic, áp phích tuyên truyền/ Video ngắn/phim ngắn (tối đa 3 phút)

Nội dung bắt buộc gồm 2 phần:

- Phê phán một hành vi tiêu dùng không phù hợp trong thực tế (ví dụ: chạy theo hàng hiệu, mua đồ không cần thiết, tin vào quảng cáo sai lệch, dùng hàng giả, lãng phí điện/nước/thức ăn...)

- Tuyên truyền cách tiêu dùng đúng đắn, thể hiện thông điệp hướng tới: Biết chia sẻ, mua sắm vì cộng đồng, tiêu dùng trung thực, có trách nhiệm với bản thân và tập thể, ưu tiên sản phẩm truyền thống, gìn giữ nét đẹp văn hóa dân tộc, tiêu dùng thông minh, tiết kiệm, kiểm tra kỹ thông tin, nói không với hàng giả – hàng kém chất lượng.

GV hướng dẫn học sinh ghi vào vở cách thực hiện.

Bước 1: Xác định hành vi tiêu dùng chưa phù hợp muốn phản ánh.

Bước 2: Lên ý tưởng thông điệp truyền thông tích cực.

Bước 3: Chọn hình thức thể hiện phù hợp với khả năng.

Bước 4: Thực hiện sản phẩm tại nhà (có thể sử dụng phần mềm như Canva, PowerPoint, CapCut).

Bước 5: Nộp bài lên Padlet nhóm lớp, ghi rõ tên, lớp.

Tiêu chí	Điểm
1. Bám sát chủ đề “Hãy là người tiêu dùng có văn hóa”	2 điểm
2. Phản ánh rõ một hành vi tiêu dùng chưa phù hợp trong thực tế	2 điểm
3. Có thông điệp rõ ràng, tích cực về cách tiêu dùng đúng đắn	2 điểm
4. Thể hiện được giá trị đạo đức hoặc kỹ năng tiêu dùng tích cực	2 điểm
5. Hình thức trình bày rõ ràng, sáng tạo, phù hợp với lứa tuổi	2 điểm
Tổng điểm	10 đ

HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà trong thời gian 1 tuần, HS có thể chuẩn bị phần trình bày ngắn (1–2 phút) để giới thiệu thông điệp sản phẩm của mình

GV theo dõi hỗ trợ HS qua nhóm lớp

HS trình bày sản phẩm, giải thích nội dung sản phẩm vào giờ sau. Các bạn khác phản biện, góp ý để hoàn thiện.

GV nhận xét, nhấn mạnh tầm quan trọng của văn hoá tiêu dùng và tích hợp: qua hoạt động, chúng ta thấy rằng văn hóa tiêu dùng không chỉ là chọn mua sản phẩm hợp lý, mà còn thể hiện thái độ sống có trách nhiệm, trung thực, biết chia sẻ, tiết kiệm và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Mỗi hành vi tiêu dùng đều phản ánh cách ứng xử với bản thân, với người khác và với xã hội. Vì vậy, hãy là người tiêu dùng thông minh, nhân văn và có đạo đức, góp phần xây dựng một lối sống văn minh, bền vững cho cộng đồng.

Phụ lục 2. Môn Ngữ văn
KẾ HOẠCH BÀI DẠY LỚP 10
Văn bản: HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA
(Trích)

– Thân Nhân Trung -

(Lớp 10 tập 1, Sách Kết nối tri thức với cuộc sống)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*.
- Xác định được ý nghĩa của văn bản *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*; dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản nghị luận *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

3. Về phẩm chất

Tự hào về lịch sử dân tộc, có ý thức về vai trò và trách nhiệm của thế hệ trẻ với đất nước.

Nội dung tích hợp: Thông qua nội dung coi trọng nhân tài, bài học có thể tích hợp giáo dục cho học sinh lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc; tinh thần trách nhiệm đóng góp cho tập thể, cộng đồng.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- SGK *Ngữ văn 10*; văn bản *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*.

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Huy động kiến thức đã có của HS về cách xác định luận đề – một bước quan trọng trong đọc hiểu văn bản nghị luận, từ đó xác định các nhiệm vụ học tập; tích hợp giáo dục cho học sinh lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc; tinh thần trách nhiệm đóng góp cho tập thể, cộng đồng.

b) Nội dung:

HS được yêu cầu:

Xác định luận đề của văn bản. Dựa vào đâu để xác định được luận đề.

c) Sản phẩm:

- Luận đề: Bàn về tầm quan trọng của hiền tài đối với vận mệnh của đất nước.

- Dựa vào:

+ Nhan đề: hiền tài (người có đạo đức và tài năng) quyết định sự hưng thịnh hay suy vi, sự sống và sự phát triển của một quốc gia)

+ Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng: làm nổi bật vấn đề bàn luận tầm quan trọng của hiền tài đối với đất nước.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ như mục *Nội dung* và yêu cầu HS trình bày ngắn gọn, rõ ràng.

- GV chọn 2- 3 HS trả lời.

- GV tổng hợp, nhận xét ý kiến của HS và dẫn dắt vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a) Mục tiêu:

– Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*.

b) Nội dung: HS được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Hãy nêu bố cục của bài viết.

2. Tìm trong đoạn (2) của văn bản những từ ngữ thể hiện thái độ trọng dụng hiền tài của “*các đấng thánh đế minh vương*”.

3. Xét về nội dung, đoạn (3) có mối quan hệ như thế nào với đoạn (2)?

4. Hãy khái quát về nội dung đoạn (4) và cho biết đoạn này đảm nhận chức năng gì trong mạch lập luận.

5. Hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản (trả lời theo mẫu). Từ đó, hãy nhận xét về cách sắp xếp các luận điểm của văn bản.

6. Tư tưởng chính của tác giả thể hiện trong văn bản là gì? Theo em, điều gì đáng kế thừa và học tập nhất ở tư tưởng của tác giả?

TT	Luận đề	
	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
1	...	...
2	...	

c) Sản phẩm:

1. Bố cục của bài viết:

- Phần 1 (từ đầu ... *làm đến mức cao nhất*): Nêu lên giá trị hiền tài với đất nước.
- Phần 2 (còn lại) : Ý nghĩa của việc dựng bia, khắc tên người hiền tài.

2. Những từ ngữ thể hiện thái độ trọng dụng hiền tài của “các đấng thánh đế minh vương” trong đoạn văn số (2):

- Các từ: quý, yêu mến, đề cao, mừng
- Các cụm từ: cho khoa danh, đề cao bằng tước trật, nêu tên ở tháp Nhạn, ban danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hỉ...

3. Xét về nội dung, đoạn (3) có mối quan hệ tiếp nối, bổ sung nội dung đoạn (2).

- Đoạn 2: Những việc đã làm thể hiện việc coi trọng của “các đấng thánh đế minh vương” với bậc hiền tài.
- Đoạn 3: Việc đang làm (chính sách khuyến khích hiền tài) và tiếp tục làm (khắc bia).
- Về nội dung, hai đoạn có liên quan đến nhau, bổ sung cho nhau, đưa ra luận điểm về sự coi trọng hiền tài; sau đó nêu dẫn chứng về những chính sách đã, đang và sẽ làm thể hiện sự coi trọng hiền tài.

4. Khái quát về nội dung đoạn (4):

- Nội dung: bàn về cách mà một kẻ sĩ có học vấn, có tự trọng cần phải báo đáp triều đình.
- Chức năng: là một luận cứ trong mạch lập luận chuyển ý nối tiếp đoạn (3) với đoạn (5); giúp người đọc thấy được rõ nhất công lao to lớn mà hiền tài mang đến cho đất nước cũng như ý nghĩa của việc dựng bia đá.

5. Hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản:

TT	Luận đề Vai trò quan trọng của hiền tài “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp”	
	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
1	Những chính sách khuyến khích hiền tài	- Việc đã làm: cho khoa danh, đề cao bằng tước trật, nêu tên ở tháp Nhạn, ban danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hỉ...

		- Việc tiếp tục làm: Khắc bia
2	Ý nghĩa, tác dụng của việc khắc bia	Thế thì việc dựng tấm bia đá này lợi ích rất nhiều: kẻ ác lấy đó làm răn, người thiện theo đó mà gắng, dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai, vừa để rèn giũa danh tiếng cho sĩ phu, vừa để củng cố mệnh mạch cho nhà nước

Cách sắp xếp các luận điểm của văn bản: logic, chặt chẽ, thuyết phục.

6. Tư tưởng quan trọng nhất là đề cao vai trò của người tài và coi việc đề cao nhân tài là việc quan trọng nhất làm cho đất nước cường thịnh. Tư tưởng ấy xuất phát từ tình yêu nước, ý thức trách nhiệm với tổ quốc, dân tộc. Đây là tư tưởng cần được kế thừa ở tác giả.

d) Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HS đọc với giọng to, rõ ràng, mạch lạc. GV đọc mẫu và chọn một vài HS đọc, lưu ý HS về các thể hướng dẫn và chú thích trong văn bản để HS tự suy ngẫm trong quá trình đọc. Sau khi học sinh đọc, giáo viên yêu cầu HS nhận xét (đạt hay không đạt).

1. GV nên chọn một HS trình bày bài làm tại chỗ; GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

2. HS thực hiện nhiệm vụ được giao, đọc kĩ phần 2 và tìm những từ ngữ thể hiện thái độ trọng dụng hiền tài của “*các đấng thánh đế minh vương*”. HS phát biểu, bổ sung, nhận xét. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

3. GV có thể tổ chức hoạt động cặp đôi, hướng dẫn học sinh trao đổi, đọc kĩ đoạn (2), (3) trong văn bản trên, chỉ ra mối quan hệ về nội dung giữa hai đoạn. GV cho các cặp đôi trình bày kết quả thảo luận. GV kết luận và yêu cầu HS ghi vào vở theo mục *Sản phẩm*.

4. HS thực hiện nhiệm vụ được giao, đọc kĩ đoạn (4) trong văn bản, nêu khái quát nội dung và chức năng của đoạn (4) trong mạch lập luận. GV cho học sinh phát biểu. HS khác nhận xét. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

5. GV lưu ý HS rà soát toàn bộ văn bản, hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản (theo mẫu). HS trình bày, cả lớp bổ sung. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

6. GV nêu câu hỏi và yêu cầu 1- 2 HS trả lời, các HS khác thảo luận, phản biện; GV tổng hợp ý kiến của học sinh và kết luận như *Sản phẩm*. Trên cơ sở đó tích hợp nội dung hình giáo dục cho học sinh ý thức, tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc; tinh thần trách nhiệm đóng góp cho tập thể, cộng đồng.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Xác định được ý nghĩa của văn bản *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*.
- Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết. Trên cơ sở đó, tích hợp giáo dục ý thức trách nhiệm của học sinh với cộng đồng.

b) Nội dung:

1. Khi viết bài văn bia, tác giả đã thể hiện ít nhất hai tư cách: một là của người truyền đạt “thánh ý”, hai là của kẻ sĩ được trọng dụng, thường suy nghĩ về việc báo đáp. Việc thống nhất hai tư cách đó đã chi phối như thế nào đến cách triển khai luận điểm của tác giả?
2. Ý nghĩa của văn bản *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*

c) Sản phẩm:

1. Cách triển khai luận điểm của tác giả:
 - Với vị thế là một người truyền đạt “thánh ý”: tác giả đưa ra luận điểm, luận cứ về việc trọng dụng hiền tài của các bậc “thánh đế minh vương”.
 - Với tư cách là kẻ sĩ được trọng dụng: bày tỏ thái độ của bản thân, đưa ra những lí lẽ bằng chứng về sự đóng góp của kẻ sĩ cho nước nhà. Hai tư cách này đã giúp tác giả triển khai hệ thống luận điểm logic vừa nói về tầm quan trọng của hiền tài với đất nước, vừa nêu lên những đóng góp của hiền tài.
2. Ý nghĩa của văn bản *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*:
 - Khẳng định vai trò quan trọng của hiền tài với đất nước
 - Nêu lên những tấm gương sáng để kẻ sĩ noi theo, ý thức trách nhiệm của mình và gắng sức luyện rèn, phò vua giúp nước
 - Khuyến khích nhân tài tham gia giúp vua, hưng thịnh đất nước

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ như mục *Nội dung*.
 - HS thực hiện nhiệm vụ.
 - GV tổ chức cho HS báo cáo, thảo luận và kết luận:
1. GV nên chọn một HS trình bày bài làm tại chỗ. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.
 2. HS thực hiện nhiệm vụ được giao, đọc kĩ văn bản và rút ra ý nghĩa. HS phát biểu, bổ sung, nhận xét. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn; tích hợp giáo dục tinh thần trách nhiệm đóng góp cho tập thể, cộng đồng.

b. Nội dung: chọn 1 trong 2 nội dung:

1. Viết một đoạn văn (200 chữ) về hiện tượng “chảy máu chất xám”.
2. Từ hiểu biết về lịch sử dân tộc, viết một đoạn văn (200 chữ) để làm sáng tỏ nhận định: “*Vì vậy các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên.*”

c. Sản phẩm: Đoạn văn khoảng 1/2 trang giấy.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ như mục *Nội dung*.
- HS thực hiện NV ở nhà.
- GV yêu cầu HS nộp bài làm vào vào buổi học tới. GV nhận xét vào phiếu nộp, trả bài cho HS vào thời điểm thích hợp.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY LỚP 11

NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY MỘT VẤN ĐỀ

(Thời gian: 2 tiết)

(Lớp 11, Sách Chân trời sáng tạo)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

- Nêu được tầm quan trọng của trình bày một vấn đề và các công việc chuẩn bị để trình bày một vấn đề.
- Lập được dàn ý của bài trình bày.
- Trình bày được một vấn đề, biết lắng nghe và phản hồi.
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn.

2. Về phẩm chất

- Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói; Có ý thức hoàn thành, nỗ lực, chăm chỉ thực hiện nhiệm vụ.
- Thông qua các đề bài luyện tập, tích hợp giáo dục HS tinh thần trách nhiệm đóng góp cho tập thể, cộng đồng; lòng nhân ái, vị tha, thói quen giúp đỡ người khác, biết lắng nghe, chia sẻ với tập thể; ý thức xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giảm thiểu các thói quen xấu; ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

SGK Ngữ văn 10, kế hoạch bài dạy, máy chiếu, video clip về một bài trình bày thành công; phiếu bài tập;

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu: Huy động kinh nghiệm đã có của HS về trình bày một vấn đề

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS trình chiếu lại clip về bài trình bày của thủ tướng Butan về biến đổi khí hậu (youtube.com) và thảo luận về các câu hỏi đã được tìm hiểu trước ở nhà.
- Câu hỏi: Quan sát phần trình bày của diễn giả, em trả lời các câu hỏi sau: *Diễn giả trình bày về vấn đề gì? Mục đích của diễn giả là gì? Em ấn tượng với điều gì ở bài trình bày trên?*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nội dung trình bày, mục đích của diễn giả và ấn tượng của mỗi HS về bài trình bày.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đã gửi clip bài trình bày của thủ tướng Butan về biến đổi khí hậu (youtube.com) vào google clasrrom của lớp và yêu cầu HS hoàn thành các câu hỏi trên Form:

- GV yêu cầu HS chiếu lại clip cho cả lớp xem và cùng chia sẻ về những câu hỏi GV đã gửi trước ở nhà. HS chia sẻ theo nhóm đôi và đại diện 1 – 2 nhóm chia sẻ với cả lớp. GV nhận xét, đánh giá và liên hệ với bài học.

2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Nêu được tầm quan trọng của trình bày một vấn đề và các công việc chuẩn bị để trình bày một vấn đề; Lập được dàn ý của bài trình bày.

b. Nội dung

Hs được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Nêu tầm quan trọng của việc trình bày 1 vấn đề.
2. Xác định các công việc chuẩn bị của việc trình bày một vấn đề
3. Vì sao phải lập dàn ý”? và “Lập dàn ý như thế nào?”. VD: Lập dàn ý cho vấn đề trình bày “Tác hại của đồ ăn nhanh”.
4. Hoàn thành phiếu bài tập sau và nêu các bước của trình bày một vấn đề (hoàn thành vào google classroom):

Em hãy sắp xếp các câu nói sau theo thứ tự các bước của trình bày vấn đề trong các cột cho sẵn:

Bắt đầu trình bày	Trình bày nội dung chính	Tóm tắt và kết thúc nội dung trình bày

1. Đã xem xét tất cả các phương án có thể có, chúng ta hãy chuyển sang phân tích những thuận lợi và khó khăn của từng phương án
2. Chào các bạn. Tôi rất phấn khởi được đến đây phục vụ các bạn. Tôi tên là
3. Chào các bạn. Cảm ơn các bạn đã tới đây. Xin tự giới thiệu, tôi tên là đang học trường
4. Giờ chúng ta hãy đi vào nội dung chủ yếu của đề tài. Thứ nhất
5. Trước khi bắt đầu, cho phép tôi nói đôi điều về bản thân.....

6. Tôi muốn kết thúc bài nói bằng cách nhắc lại đôi điều đã nêu lên ở lúc mở đầu...
7. Đã sắp kết thúc bài nói, và đến đây, tôi muốn một lần nữa lướt qua những điểm chính đã nêu...Xin cảm ơn quý vị đã lắng nghe.
8. *Giờ chúng ta chuyển sang vấn đề môi trường. Như các bạn đã biết, chúng ta đã tận lực để đảm bảo công việc xử lý chất thải...*

c. Sản phẩm

- HS nêu được tầm quan trọng của việc trình bày một vấn đề gồm: Bày tỏ nguyện vọng, quan điểm, suy nghĩ của bản thân; Thuyết phục người khác về một vấn đề; Giúp kết nối với mọi người; Phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng tranh biện, sự tự tin.
- Các công việc gồm: a. Chọn vấn đề trình bày; b. Lập dàn ý cho bài trình bày.
- HS nêu được vai trò của dàn ý khi trình bày một vấn đề (giúp thể hiện đầy đủ vấn đề khi trình bày, trình bày mạch lạc, logic...) và cách lập dàn ý (Minh họa qua ví dụ).
- HS sắp xếp đúng các câu vào phiếu bài tập:

Bắt đầu trình bày	Trình bày nội dung chính	Tóm tắt và kết thúc nội dung trình bày
2,3,5	1, 4, 8	6, 7

Nêu được các bước khi trình bày: - Bắt đầu trình bày; Trình bày nội dung chính; Phần tóm tắt và kết thúc nội dung trình bày.

d. Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung**.
 - HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ.
 - GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận:
- GV yêu cầu HS đọc SGK và nêu nhiệm vụ như mục **Nội dung**. Mời 1 - 2 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung. GV kết luận như mục **Sản phẩm**.
 - GV yêu cầu HS đọc SGK và nêu nhiệm vụ như mục **Nội dung**. Mời 1 HS ghi các nước lên bảng, các HS khác nhận xét, bổ sung. GV kết luận như mục **Sản phẩm**.
 - GV đặt câu hỏi như mục **Nội dung** và tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm. GV quan sát, hỗ trợ HS thảo luận. Mời đại diện 01 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV tổng hợp, nhận xét ý kiến của các nhóm và kết luận như mục **Sản phẩm**.

4. GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu bài tập đã giao trên google classroom và báo cáo kết quả tại lớp. GV thông báo số lượng tỉ lệ HS lựa chọn rồi kết luận như mục **Sản phẩm** và yêu cầu HS lí giải tại sao đưa ra các lựa chọn như vậy. GV nhấn mạnh một số lưu ý khi trình bày: trình bày đầy đủ các phần; trình bày kết hợp với ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ đúng mực, phù hợp; tương tác với người nghe; dự kiến các câu hỏi và trả lời của người nghe.

3. Hoạt động 3. Luyện tập

a. Mục tiêu: HS trình bày được một vấn đề, biết lắng nghe và phản hồi phù hợp, tích cực.

b. Nội dung: HS được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ sau:

Trình bày quan điểm của em về một trong hai vấn đề:

1. Rác trong đời sống và ý thức của người trẻ.
2. Facebook và giới trẻ
3. Quan niệm về chữ hiếu trong thời đại ngày nay.

c. Sản phẩm: Dàn ý và bài trình bày của HS về vấn đề đã lựa chọn.

d. Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung**.
- HS suy nghĩ, lập dàn ý và thực hiện nhiệm vụ.
- GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận:

GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4; HS lập dàn ý và tập trình bày trong nhóm. Hết thời gian, GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày về vấn đề đã lựa chọn. GV và HS đánh giá, nhận xét phần trình bày của các nhóm trên các tiêu chí đã thống nhất (nội dung trình bày đảm bảo hợp lí, đầy đủ các ý; ngôn ngữ diễn đạt mạch lạc, logic; kết hợp các cử chỉ điệu bộ, giao tiếp với người nghe). Qua mỗi chủ đề trình bày, giáo viên có thể tích hợp lồng ghép nội dung giáo dục HS tinh thần trách nhiệm đóng góp cho tập thể, cộng đồng; lòng nhân ái, vị tha, thói quen giúp đỡ người khác, biết lắng nghe, chia sẻ với tập thể; ý thức xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giảm thiểu các thói quen xấu; ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc

Cụ thể:

Vấn đề 1: Rác trong đời sống và ý thức của người trẻ, tập trung vào tích hợp ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giảm thiểu các thói quen xấu.

Vấn đề 2: Facebook và giới trẻ, có thể tập trung tích hợp giáo dục ý thức xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trên không gian mạng.

Vấn đề 3: Quan niệm về chữ hiếu trong thời đại ngày nay, có thể tích hợp giáo dục ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa, đạo lí truyền thống của dân tộc

4.Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: GV cho HS về nhà lựa chọn vấn đề, chuẩn bị và quay lại bài trình bày của mình, gửi lên google classroom của lớp.

c. Sản phẩm: Clip bài trình bày của HS.

d. Tổ chức thực hiện

- HS thực hiện NV ở nhà.
- GV khuyến khích HS nộp lại sản phẩm vào group của lớp.
- GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS vào tiết học tới và tổ chức cho HS bình chọn clip ấn tượng nhất trên nhóm chung của lớp.

Phụ lục 3. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp
CHỦ ĐỀ: GIA ĐÌNH – NƠI YÊU THƯƠNG BẮT ĐẦU (LỚP 12)
(5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Về yêu cầu cần đạt (nội dung)

- Thể hiện sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình.
- Thực hiện được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình và thấy được giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội.

2. Về năng lực

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết chia sẻ, thấu hiểu và phối hợp với các thành viên để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, hòa thuận.
- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Biết tự điều chỉnh lời nói, hành động cho phù hợp với vai trò của mình trong từng mối quan hệ trong gia đình (cha mẹ, ông bà, anh chị em...).
- *Năng lực thích ứng với cuộc sống*: Biết xử lý linh hoạt, tích cực trước những thay đổi trong đời sống gia đình và cộng đồng.

3. Về phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Có ý thức thực hiện tốt vai trò cá nhân trong gia đình như phụ giúp việc nhà, quan tâm đến cảm xúc của người thân...
- *Nhân ái*: Hành động chăm sóc, sẻ chia với người thân thể hiện lòng yêu thương, sự vị tha và tinh thần tương thân tương ái, từ đó lan tỏa các giá trị đạo đức tích cực trong xã hội.

*** Nội dung tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống**

- **Nội dung 2.3. Giáo dục tinh thần trung thực, trách nhiệm với bản thân và tập thể**: Việc mỗi cá nhân tự giác thực hiện vai trò trong gia đình không chỉ là trách nhiệm mà còn góp phần xây dựng nền tảng đạo đức cá nhân và xã hội bền vững.

- **Nội dung 2.5. Giáo dục chuẩn mực đạo đức**: Hành vi chăm sóc người thân là biểu hiện cụ thể của lòng nhân ái và đạo đức, phù hợp với cả giá trị truyền thống và chuẩn mực đạo đức hiện đại – góp phần hình thành con người sống có tình nghĩa và trách nhiệm.

II. Thiết bị giáo dục và học liệu

III. Gợi ý tổ chức hoạt động

Hoạt động 1. Khởi động – tìm hiểu chủ đề “gia đình – nơi yêu thương bắt đầu” (1 tiết trong lớp học)

a) Mục tiêu:

- Nhận thức được vai trò của gia đình và ý nghĩa của hành vi chăm sóc người thân.

- Thể hiện được lòng nhân ái, trách nhiệm cá nhân phù hợp với chuẩn mực đạo đức truyền thống và hiện đại.

b) Tổ chức thực hiện:

GV giới thiệu chủ đề: “*Gia đình – nơi yêu thương bắt đầu*” bằng video tình huống ngắn (2–3 phút) về một học sinh chăm sóc người thân trong gia đình (ví dụ: giúp mẹ nấu ăn, trò chuyện với ông bà, đỡ cha sau một ngày làm việc).

Giao nhiệm vụ: “Sau khi xem video, các em hãy suy nghĩ và chia sẻ: Em đã từng chăm sóc ai trong gia đình? Cảm xúc của em lúc đó là gì? Hãy điền vào *Phiếu suy ngẫm cá nhân* được phát”.

PHIẾU SUY NGẪM CÁ NHÂN

Chủ đề: *Gia đình – nơi yêu thương bắt đầu*

Họ và tên học sinh:

Lớp:

Ngày thực hiện:/...../.....

Câu 1: Em đã từng chăm sóc hoặc giúp đỡ ai trong gia đình mình?

.....
.....

Câu 2: Em đã làm gì để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc đó?

.....
.....

Câu 3: Cảm xúc của em sau khi thực hiện hành động đó là gì?

.....
.....

Câu 4: Qua hoạt động này, em rút ra được điều gì về vai trò và giá trị của gia đình?

.....
.....

HS thực hiện nhiệm vụ:

- Cá nhân hoàn thành sản phẩm *Phiếu suy ngẫm* trong 5–7 phút.

- Chia nhóm (4–6 học sinh/nhóm), lần lượt chia sẻ câu chuyện của mình với các bạn trong nhóm (thời gian: 10 phút).

- Cử 1 đại diện mỗi nhóm báo cáo trước lớp.

Đại diện các nhóm lần lượt trình bày ngắn gọn (1 phút/nhóm) về 1–2 hành động chăm sóc người thân tiêu biểu trong nhóm.

Thảo luận chung (toàn lớp): Giáo viên đặt câu hỏi mở rộng:

CH1: *“Điều gì khiến một hành động nhỏ trở nên đáng nhớ với người thân?”*

CH2: *“Tại sao hành vi chăm sóc người thân lại được xem là chuẩn mực đạo đức?”*

Giáo viên tóm lược nội dung các chia sẻ tích cực và nhấn mạnh:

“Chăm sóc, yêu thương người thân không cần những hành động to lớn, chỉ cần sự chân thành và chủ động. Đó là biểu hiện sống động nhất của lòng nhân ái và trách nhiệm – những phẩm chất làm nên con người trưởng thành.”

Hoạt động 2. Tìm hiểu các hình thức chăm sóc và trách nhiệm cá nhân trong cuộc sống gia đình (1 tiết, trong lớp học)

a) Mục tiêu

- Nhận biết được các hình thức thể hiện sự chăm sóc và trách nhiệm trong gia đình;
- Phân tích được hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức truyền thống và hiện đại;
- Phát triển phẩm chất nhân ái và tinh thần trách nhiệm cá nhân trong tổ chức cuộc sống gia đình.

b) Tổ chức thực hiện

GV giới thiệu hoạt động và nêu vấn đề: “Trong gia đình, mỗi người có thể thể hiện sự quan tâm, chăm sóc và trách nhiệm theo nhiều cách khác nhau. Em sẽ làm gì để thể hiện điều đó?”

GV giao nhiệm vụ theo nhóm:

- Mỗi nhóm sử dụng **kỹ thuật khăn trải bàn** để chia sẻ ý tưởng về các cách thể hiện **trách nhiệm và sự chăm sóc trong gia đình** (ví dụ: chia sẻ việc nhà, lắng nghe người thân, hỗ trợ khi ốm đau...).
- Sau đó, tổng hợp các ý thành **sơ đồ tư duy nhóm**.

HS thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn (mỗi thành viên viết ý kiến cá nhân ở góc riêng, sau đó cùng thống nhất ở trung tâm tờ giấy).
- Cả nhóm cùng xây dựng sơ đồ tư duy với chủ đề: *“Cách em thể hiện sự quan tâm và trách nhiệm trong gia đình”*.
- Thảo luận và xử lý tình huống giả định do giáo viên đưa ra (1–2 tình huống, ví dụ: cha mẹ đi làm về mệt, em nhỏ bị ốm, người thân không vui...).

Các tình huống giả định GV đưa ra:

Tình huống 1: Sáng chủ nhật, em có hẹn đi trà sữa với bạn để “xả stress” sau tuần học căng thẳng. Đúng lúc chuẩn bị ra khỏi nhà, mẹ nhờ em trông em bé vì mẹ phải đi chợ sớm, mà các anh/chị khác đều bận.

Tình huống 2: Gần đây em thường ăn riêng do học thêm ca tối. Khi có thời gian rảnh, em lại lướt điện thoại trong phòng. Mẹ góp ý: “Cả nhà ít khi ăn cơm cùng nhau như trước, thấy buồn lắm...”

Tình huống 3: Gần kỳ thi tốt nghiệp, em thường xuyên học khuya. Một hôm, em thấy mẹ âm thầm pha sữa đặt cạnh bàn học, không nói gì rồi lặng lẽ đi ngủ. Em cảm thấy xúc động nhưng chưa từng nói lời cảm ơn hay thể hiện gì với mẹ.

HS thảo luận cách ứng xử phù hợp với các giá trị đạo đức.

Tình huống 1. Gợi ý xử lý

- Cân nhắc trách nhiệm gia đình trước nhu cầu cá nhân.
- Gọi điện xin lỗi bạn, dời cuộc hẹn sang buổi khác và nhận trông em bé.
- Nhận thức rằng chăm sóc thành viên trong gia đình là một việc thể hiện sự trưởng thành và nhân ái.

Giáo dục tinh thần hy sinh sở thích cá nhân vì trách nhiệm, đề cao sự lựa chọn đúng đắn trước những xung đột lợi ích.

Tình huống 2. Gợi ý xử lý

- Chủ động đề xuất cùng cả nhà ăn chung một bữa vào cuối tuần.
- Trong bữa ăn, gác điện thoại và tham gia trò chuyện với người thân.
- Sau đó viết một lời nhắn dán lên bàn ăn: “Cảm ơn vì bữa cơm ấm áp!”

Giáo dục nhân ái và kết nối tình cảm gia đình trong nhịp sống hiện đại, đồng thời rèn luyện kỹ năng quan tâm tinh tế đến cảm xúc của người thân.

Tình huống 3. Gợi ý xử lý

- Ngay hôm sau, chủ động nói lời cảm ơn mẹ.
- Viết một tấm thiệp nhỏ, đặt trên gối mẹ với nội dung thể hiện sự biết ơn.
- Từ đó ý thức hơn trong việc đáp lại tình cảm bằng hành động cụ thể như đỡ đần việc nhà, hỏi han sức khỏe mẹ.

Giáo dục lòng biết ơn, sự trân trọng những hy sinh thầm lặng trong gia đình, đồng thời hình thành kỹ năng thể hiện cảm xúc tích cực.

Đại diện nhóm trình bày sơ đồ tư duy nhóm và cách xử lý tình huống giả định. Thảo luận chung cả lớp: Giáo viên đặt câu hỏi phản biện và nhận xét sản phẩm của các nhóm.

GV kết luận: Mỗi hành động nhỏ thể hiện sự chăm sóc đều góp phần làm nên giá trị của tình thân. Thể hiện trách nhiệm cá nhân trong gia đình là một phần không thể thiếu trong đạo đức và đời sống hiện đại.

Hoạt động 3. Thực hành chăm sóc người thân và thể hiện trách nhiệm gia đình (tại gia đình)

a) Mục tiêu

Chủ động thực hiện hành vi chăm sóc, hỗ trợ người thân trong gia đình thông qua các hoạt động thực tiễn phù hợp với hoàn cảnh sống; Rèn luyện được phẩm chất nhân ái, trách nhiệm, nâng cao nhận thức về vai trò cá nhân trong tổ chức cuộc sống gia đình; Thể hiện được chuẩn mực đạo đức truyền thống và tinh thần trách nhiệm hiện đại, góp phần xây dựng môi trường gia đình yêu thương, văn hóa và bền vững.

b) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân trong 3 ngày tại nhà: “*Các em hãy chọn và thực hiện ít nhất 3 hành động chăm sóc, hỗ trợ người thân trong gia đình như giúp việc nhà, hỏi thăm sức khỏe, lắng nghe, chuẩn bị bữa ăn, dọn dẹp, động viên khi người thân mệt mỏi...*”.

- GV phát phiếu Nhật ký trải nghiệm kèm hướng dẫn ghi chép (hoặc gửi bản mềm qua nhóm lớp/Zalo) yêu cầu HS ghi lại hoạt động mỗi ngày và cảm nhận kèm minh chứng (ảnh, lời nhận xét từ người thân, đoạn ghi âm, video ngắn... – nếu có).

PHIẾU NHẬT KÝ TRẢI NGHIỆM

Chủ đề: *Gia đình – nơi yêu thương bắt đầu*

Họ và tên học sinh:

Lớp:

Thời gian trải nghiệm: Từ ngày / / đến / /

Ngày 1:/...../.....

1. Hành động chăm sóc đã thực hiện:

.....
.....

2. Người được chăm sóc (ông/bà/cha/mẹ/anh/chị/em...):

.....

3. Cảm xúc/suy nghĩ sau khi thực hiện hành động:

.....
.....

4. Nhận xét/ghi chú từ người thân (nếu có):

.....

Ngày 2:/...../.....

1. Hành động chăm sóc đã thực hiện:

.....
.....

2. Người được chăm sóc:

.....

3. Cảm xúc/suy nghĩ sau khi thực hiện hành động:

.....
.....

4. Nhận xét/ghi chú từ người thân (nếu có):

.....

Ngày 3:/...../.....

1. Hành động chăm sóc đã thực hiện:

.....
.....

2. Người được chăm sóc:

.....

3. Cảm xúc/suy nghĩ sau khi thực hiện hành động:

.....
.....

4. Nhận xét/ghi chú từ người thân (nếu có):

.....

HS thực hiện nhiệm vụ trong vòng 03 ngày, cụ thể:

- Chủ động chọn việc phù hợp với hoàn cảnh gia đình.
- Ghi chép đầy đủ vào Nhật ký trải nghiệm sau mỗi hành động.
- Chuẩn bị nội dung để chia sẻ trong tiết sau.

Trong quá trình HS thực hiện tại nhà, GV nhắc nhở, khuyến khích HS hoàn thành nhật ký qua nhóm lớp online. Giải đáp thắc mắc nếu HS chưa biết cách ghi nhận hành vi phù hợp.

Hoạt động 4. Chia sẻ trải nghiệm – thấu hiểu yêu thương (1 tiết, trong lớp học)

a) Mục tiêu

- Biết chia sẻ và phản hồi trải nghiệm chăm sóc người thân.
- Rút ra được giá trị của hành động nhân ái, trách nhiệm trong gia đình.

- Hình thành kỹ năng giao tiếp và sống có trách nhiệm, phù hợp với chuẩn mực đạo đức truyền thống và hiện đại.

b) Tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS: “Các em hãy chuẩn bị video hoặc slide ngắn (2–3 phút) để chia sẻ lại 1–2 hành động chăm sóc người thân mà em đã thực hiện trong 3 ngày trải nghiệm vừa qua. Ngoài ra, hãy ghi lại cảm nhận cá nhân vào “Phiếu cảm nhận sau trải nghiệm” hoặc “Tôi học được gì?”.

Cá nhân HS trình bày bằng slide/video hoặc kể lại trực tiếp hành động mình đã làm, cảm xúc kèm mình chứng (nếu có) và điền vào Phiếu cảm nhận sau phần chia sẻ.

PHIẾU CẢM NHẬN SAU TRẢI NGHIỆM	
Chủ đề: <i>Gia đình – nơi yêu thương bắt đầu</i>	
Họ và tên:	
Lớp:	
Ngày:/...../.....	
1. Việc em đã làm cho gia đình	
.....	
.....	
2. Cảm xúc của em khi làm việc đó	
.....	
.....	
3. Em đã học được điều gì?	
.....	
.....	
4. Em muốn tiếp tục làm gì để gia đình thêm hạnh phúc?	
.....	
.....	

Các HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi và đưa ra phản hồi tích cực cho bạn trình bày (theo tiêu chí: rõ ràng, chân thành, giá trị rút ra). Thảo luận nhanh trong nhóm về bài học chung rút ra từ những chia sẻ.

Một số HS xung phong trình bày trước lớp (hoặc theo danh sách GV phân công). Giáo viên áp dụng kỹ thuật “Tôi học được gì?”: Mỗi học sinh viết ra một điều mình học được từ trải nghiệm bản thân hoặc bạn bè. Gắn giấy nhỏ lên bảng lớp (hoặc gửi qua Padlet/Google Form để tổng hợp).

GV tổng hợp các ý kiến HS, nhấn mạnh: “*Chăm sóc, yêu thương và thể hiện trách nhiệm trong gia đình không chỉ làm bền chặt tình cảm, mà còn giúp mỗi chúng ta trưởng thành hơn, biết sống nhân ái, đúng chuẩn mực đạo đức.*”

Hoạt động 5. Tổ chức “ngày yêu thương – gắn kết gia đình” (2 tiết, ngoài lớp học/CLB)

a) Mục tiêu

HS biết biểu đạt lòng biết ơn, sự chăm sóc, trách nhiệm với người thân thông qua hoạt động tập thể. Gắn kết thực tiễn với hành vi đạo đức, đưa bài học trong lớp vào đời sống gia đình và cộng đồng.

b) Tổ chức thực hiện

GV giới thiệu mục đích: “Ngày yêu thương - Gắn kết gia đình” là sự kiện để các em thể hiện tình cảm, trách nhiệm, và tri ân đến gia đình, đồng thời lan tỏa giá trị đạo đức, nhân ái đến cộng đồng.

GV chia lớp thành các nhóm lớn (5–7 học sinh/nhóm) với nhiệm vụ:

- Nhóm 1: Thiết kế kịch ngắn/tiểu phẩm tái hiện tình huống gia đình.
- Nhóm 2: Chuẩn bị video/phim ngắn về hành vi chăm sóc và gắn kết gia đình (dùng sản phẩm của Hoạt động 3–4).
- Nhóm 3: Thiết kế “Sổ tay Gia đình – nơi tôi trưởng thành” (tranh, ảnh, câu chuyện, bài thơ, suy ngẫm...).
- Nhóm 4: Tổ chức chương trình giao lưu với phụ huynh hoặc đại diện người thân (mời cha mẹ, ông bà tham gia chia sẻ).

HS thực hiện nhiệm vụ

- Giai đoạn chuẩn bị: Các nhóm phân công nhiệm vụ, sáng tạo nội dung, tập luyện, thiết kế sản phẩm.
- Trong ngày sự kiện: Trình diễn kịch ngắn/tiểu phẩm.
- Chiếu video/phim ngắn: Giới thiệu sổ tay và gửi tặng đại diện phụ huynh/nhà trường; Tổ chức giao lưu, chia sẻ kỷ niệm giữa học sinh và phụ huynh.

HS trình bày sản phẩm theo nhóm. Khách mời (phụ huynh, GV khác, đại diện đoàn thể) chia sẻ cảm nhận.

GV kết luận: Khẳng định giá trị của tình yêu thương, chăm sóc, trách nhiệm trong gia đình và nhấn mạnh: “Mỗi hành động nhỏ của các em hôm nay chính là viên gạch xây dựng một xã hội nhân ái, bền vững mai sau.”

MINH HỌA KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ SỐ 2
CHỦ ĐỀ: XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VĂN MINH (LỚP 11)
(4 tiết)

I. Mục tiêu

1. Về nội dung yêu cầu cần đạt

- Biết cách xây dựng và phát triển các mối quan hệ với mọi người trong cộng đồng

- Thể hiện được hành vi văn minh nơi công cộng và trách nhiệm của bản thân với cộng đồng

2. Về năng lực

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết trao đổi, phối hợp với người khác để xây dựng cộng đồng văn minh..

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Tự điều chỉnh lời nói, hành động phù hợp với quy tắc nơi công cộng.

Năng lực thích ứng với cuộc sống: Biết ứng xử linh hoạt, phù hợp với môi trường sống đa dạng trong cộng đồng.

3. Về phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Chủ động giữ gìn môi trường chung và hành xử đúng mực nơi công cộng.

- *Nhân ái*: Sẵn sàng giúp đỡ, ứng xử thân thiện và tôn trọng mọi người trong cộng đồng.

Về nội dung tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- Nội dung **2.3. Giáo dục tình thân trung thực, trách nhiệm với bản thân và tập thể**: Việc tạo dựng quan hệ cộng đồng đòi hỏi trách nhiệm, sự tin cậy và hợp tác - đúng với tinh thần rèn luyện phẩm chất đạo đức xã hội)

- Nội dung **3.4. Giáo dục ý thức xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giảm thiểu các thói quen xấu**: Hành vi văn minh nơi công cộng thể hiện rõ trách nhiệm cá nhân với môi trường sống chung. Việc tuân thủ, cư xử đúng mực góp phần xây dựng cộng đồng văn hóa tích cực – đúng với tinh thần giáo dục lối sống).

II. Thiết bị giảng dạy và học liệu

- Máy chiếu, loa, máy tính, bảng phụ
- Hình ảnh/video minh họa về hành vi nơi công cộng
- Mẫu tình huống, bảng phân tích, phiếu cam kết, phiếu đánh giá
- Giấy vẽ, bút màu, tài liệu hướng dẫn thiết kế sản phẩm truyền thông
- Phần mềm biên tập video/thiết kế poster (nếu cần)

III. Gợi ý tổ chức hoạt động

Hoạt động 1. Khởi động và chuẩn bị trải nghiệm – Tìm hiểu chủ đề “Xây dựng cộng đồng văn minh” (1 tiết trong lớp học)

a) Mục tiêu

Nhận thức được vai trò của hành vi văn minh nơi công cộng trong việc xây dựng cộng đồng lành mạnh, tích cực; Biết phân tích các tình huống ứng xử văn minh và chưa văn minh, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp; Rèn luyện tinh thần trách nhiệm cộng đồng (1.3) và lòng nhân ái (2.2), hình thành ý thức tự điều chỉnh hành vi trong đời sống hàng ngày.

b) Tổ chức thực hiện

GV giới thiệu mục tiêu chủ đề, ý nghĩa của hành vi văn minh nơi công cộng và giao nhiệm vụ cho HS theo nhóm:

Quan sát hình ảnh/video hoặc ghi chép thực tế về hành vi nơi công cộng (trường học, công viên, bệnh viện...).

+ Phân tích các hành vi: hành vi văn minh và chưa văn minh; nguyên nhân, hậu quả, giải pháp.

+ Chia sẻ trải nghiệm cá nhân về hành vi nơi công cộng mà bản thân từng chứng kiến/thực hiện.

HS làm việc nhóm, ghi vào bảng phân tích: (i) Mô tả tình huống/hành vi; (ii) Đánh giá mức độ văn minh; (iii) Ảnh hưởng đến cộng đồng; (iv) Đề xuất giải pháp cải thiện.

Bảng phân tích tình huống về hành vi nơi công cộng

STT	Mô tả tình huống (Hành vi nơi công cộng)	Mức độ văn minh (✓/✗)	Nguyên nhân	Ảnh hưởng đến cộng đồng	Giải pháp/Đề xuất cải thiện
1	Ví dụ: Xả rác trong công viên	✗	Thiếu ý thức	Gây ô nhiễm, mất mỹ quan	Tăng thùng rác, truyền thông bằng loa
2					
3					
4					

Kết thúc hoạt động, đại diện nhóm trình bày trước lớp, tập trung vào các nội dung: (i) Ý nghĩa của hành vi văn minh nơi công cộng; (ii) Hậu quả khi

thiếu ý thức nơi công cộng; (iii) Cam kết thay đổi/thực hành hành vi văn minh của bản thân.

HS chia sẻ trải nghiệm cá nhân về hành vi nơi công cộng mà bản thân từng chứng kiến/thực hiện.

GV tổng hợp và khẳng định các nội dung chính:

- Hành vi văn minh thể hiện trách nhiệm cá nhân với cộng đồng.
- Một số biểu hiện cụ thể: không xả rác, lịch sự trong giao tiếp, xếp hàng đúng quy định, giữ gìn tài sản chung...
- Nhấn mạnh vai trò của mỗi cá nhân trong việc xây dựng cộng đồng văn hóa, thân thiện, văn minh.

Hoạt động 2: Thực hành truyền thông xây dựng cộng đồng văn minh (2 tiết trên lớp, 01 tuần trải nghiệm tại cộng đồng)

a) Mục tiêu

HS vận dụng các nội dung đã tìm hiểu ở hoạt động 1 để thiết kế sản phẩm truyền thông thể hiện thông điệp xây dựng cộng đồng văn minh; qua đó rèn luyện và thể hiện các phẩm chất đạo đức như trách nhiệm với cộng đồng (1.3), lòng nhân ái (2.2), cùng với năng lực hợp tác, sáng tạo và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

GV giao nhiệm vụ cho HS theo nhóm (hoặc cá nhân nếu phù hợp):

- Thiết kế sản phẩm truyền thông có chủ đề “*Hành vi văn minh nơi công cộng*” dựa trên kết quả phân tích tình huống từ Hoạt động 1.
- Lựa chọn hình thức sản phẩm cụ thể như Poster tuyên truyền / Infographic; Video clip / Podcast / Tranh cổ động; Khẩu hiệu truyền thông / Kịch bản sân khấu hóa.
- Sản phẩm cần thể hiện thông điệp rõ ràng, giải pháp cải thiện hành vi ứng xử nơi công cộng, thể hiện được phẩm chất trách nhiệm, nhân ái và ý thức cộng đồng.
- Yêu cầu chuẩn bị: Kế hoạch thực hiện, phân công vai trò trong nhóm, nhật ký hoạt động.

HS làm việc nhóm theo kế hoạch, hoàn thiện sản phẩm truyền thông. HS có thể quay video, vẽ poster, viết kịch bản truyền thông, ghi âm podcast... tùy hình thức đã chọn. Ghi chép lại quá trình làm việc vào nhật ký hoạt động nhóm, bao gồm: Tiến độ thực hiện, Phân công công việc và Những điều học được qua trải nghiệm. Sản phẩm yêu cầu của học sinh:

- Một sản phẩm truyền thông hoàn chỉnh (dạng vật lý hoặc kỹ thuật số) thể hiện chủ đề: “*Hành vi văn minh nơi công cộng*”;
- Nhật ký hoạt động nhóm hoặc cá nhân ghi lại quá trình thực hiện

- Bản tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng (nếu có yêu cầu)

Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm trước lớp, thảo luận về câu hỏi:

- Vì sao nhóm chọn cách thể hiện này?
- Thông điệp cốt lõi mà nhóm muốn truyền tải?
- Những khó khăn và bài học trong quá trình làm việc?

HS khác góp ý, phản hồi về nội dung và hình thức sản phẩm của các nhóm.

GV nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của các nhóm: Nhấn mạnh giá trị của hành vi văn minh nơi công cộng gắn với:

- Trách nhiệm cá nhân trong xây dựng cộng đồng
- Lòng nhân ái và tinh thần tôn trọng người khác

Và liên hệ thực tế: Hành vi văn minh trong trường học, trên mạng xã hội, nơi công cộng là biểu hiện của công dân hiện đại, góp phần xây dựng môi trường sống tích cực và bền vững.

Hoạt động 3: Trình bày và đánh giá sản phẩm truyền thông (1 tiết)

a) Mục tiêu

Rèn luyện được kỹ năng hợp tác, giao tiếp văn minh và thể hiện trách nhiệm với cộng đồng (1.3), lòng nhân ái (2.2), tinh thần trung thực – trách nhiệm với tập thể (2.3) và ý thức xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh (3.4) thông qua việc trình bày, phản biện và đánh giá sản phẩm truyền thông.

b) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn các nhóm chuẩn bị trình bày sản phẩm (poster, video, infographic, podcast...) trước lớp hoặc trong sự kiện học đường. Mỗi nhóm cần nêu rõ thông điệp chính, đối tượng truyền thông hướng đến và ý nghĩa đạo đức, xã hội của sản phẩm.

Đại diện từng nhóm lần lượt thuyết trình sản phẩm. Các nhóm còn lại đặt câu hỏi phản biện, nhận xét về tính thuyết phục, sáng tạo và mức độ thể hiện nội dung đạo đức – lối sống tích hợp. Mỗi học sinh thực hiện tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng theo phiếu hoặc bảng tiêu chí.

Yêu cầu sản phẩm:

- Sản phẩm truyền thông hoàn chỉnh (đã nộp ở hoạt động 2).
- Phiếu tự đánh giá và nhận xét nhóm khác.
- Ghi chép phản hồi cá nhân (có thể bằng nhật ký trải nghiệm).

Phiếu đánh giá sản phẩm truyền thông

Chủ đề: *Xây dựng cộng đồng văn minh*

Tên nhóm/sản phẩm:

Tiêu chí đánh giá	Đạt	Chưa đạt
1. Nội dung đúng chủ đề, rõ ràng, có định hướng tích cực	☐	☐
2. Thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng	☐	☐
3. Truyền tải thông điệp mang tính nhân văn, thể hiện lòng nhân ái	☐	☐
4. Có sự hợp tác, phân công và phối hợp nhóm rõ ràng	☐	☐
5. Hình thức thể hiện sáng tạo, phù hợp (poster, video, podcast...)	☐	☐
6. Trình bày tự tin, biết phản biện, lắng nghe góp ý	☐	☐

Người đánh giá:

☐ Giáo viên ☐ Tự đánh giá ☐ Nhóm bạn khác

Nhận xét/Góp ý thêm (nếu có):

.....

GV điều phối quá trình trình bày và thảo luận sản phẩm, tập trung vào việc khai thác các biểu hiện cụ thể của hành vi văn minh nơi công cộng và trách nhiệm cá nhân với cộng đồng trong từng sản phẩm truyền thông. GV khuyến khích HS phân tích điểm mạnh, điểm cần cải thiện của các nhóm, đặc biệt chú ý đến mức độ thể hiện các phẩm chất như: hợp tác, sáng tạo, lòng nhân ái và ứng xử đúng mực ở nơi công cộng.

GV tuyên dương các nhóm có sự sáng tạo, thể hiện thông điệp rõ ràng và đúng định hướng GD ĐĐLS, qua đó tổng kết, nhấn mạnh các nội dung tích hợp đã được rèn luyện qua hoạt động như: Thể hiện trách nhiệm với cộng đồng thông qua thông điệp truyền thông; Biểu hiện lòng nhân ái, tinh thần sẻ chia qua cách xử lý tình huống hoặc hình ảnh truyền tải; Ý thức hợp tác, trung thực trong làm việc nhóm và quá trình xây dựng sản phẩm; Ứng xử văn hóa nơi công cộng, góp phần xây dựng môi trường học đường và xã hội lành mạnh.

GV khuyến khích học sinh lan tỏa thông điệp truyền thông tích cực ra ngoài lớp học, thông qua việc chia sẻ sản phẩm trên bảng tin nhà trường, CLB truyền thông, mạng xã hội (có kiểm soát) hoặc trong các buổi sinh hoạt tập thể, từ đó góp phần xây dựng cộng đồng văn minh một cách thiết thực và bền vững.

Hoạt động 4: Thể hiện hành vi văn minh nơi công cộng và trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng (1 tiết)

a) Mục tiêu

Tự đánh giá và rút ra bài học từ trải nghiệm; cam kết điều chỉnh hành vi để sống văn minh, có trách nhiệm với cộng đồng.

b) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động cá nhân:

- Tự đánh giá kết quả tham gia qua phiếu/sổ tay: mức độ hợp tác, tinh thần trách nhiệm, thái độ ứng xử.

- Viết cam kết hành vi văn minh cá nhân: HS nêu rõ một hành vi cụ thể sẽ duy trì/thay đổi trong môi trường công cộng (VD: không chen lấn khi xếp hàng, giữ vệ sinh nơi công cộng...).

- Chia sẻ kinh nghiệm học tập đạo đức – lối sống: học sinh có thể viết hoặc trình bày ngắn về một điều đã thay đổi trong nhận thức/hành vi sau chuỗi hoạt động.

PHIẾU CAM KẾT HÀNH VI VĂN MINH NƠI CÔNG CỘNG

Họ và tên học sinh:

Lớp:

Ngày cam kết:/...../.....

Tôi cam kết sẽ thực hiện những hành vi văn minh nơi công cộng sau đây:

1.
2.
3.
4.

(Gợi ý: Giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, không nói to ở nơi công cộng, biết xếp hàng, nhường ghế cho người cần giúp đỡ, không vẽ bậy lên tường/trang thiết bị công cộng...)

Tôi cam kết:

- Thực hiện đúng các hành vi đã nêu.
- Nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện.
- Tự đánh giá và điều chỉnh nếu vi phạm.

Chữ ký học sinh:

Chữ ký nhóm trưởng/lớp trưởng (nếu có):

HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

GV ghi nhận nỗ lực, tiến bộ của HS trong quá trình trải nghiệm. Đánh giá cao tinh thần hợp tác, ý thức trách nhiệm cộng đồng và cách thể hiện hành vi văn minh qua sản phẩm và cam kết cá nhân. GV phản hồi tích cực, gợi ý điều chỉnh nếu cần, đặc biệt khuyến khích HS duy trì hành vi tốt thành thói quen. Đồng thời, nhấn mạnh việc lan tỏa những giá trị đạo đức, lối sống tích cực từ lớp học ra cộng đồng.